Patimokkhuddesa Tóm Tắt (TK Hộ Pháp - Dhammarakkhita Bhikkhu)

Luật Vinaya & Giảng Giải (Nam truyền)

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.” Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Dhammapaṇṇākāra Món Quà Pháp

Dhammanandā upāsikā kính dâng

Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con biết được Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởnglão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này. Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tấm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY THERAVĀDA PHẬT-LỊCH 2565

- BHIKKHUPATIMOKKHA TOÙM TAÉT

TỲ-KHƯU HỘ-PHÁP (DHAMMARAKKHITA BHIKKHU) (AGGAMAHĀPAṆḌITA)

DƯƠNG-LỊCH 2021

NamoTassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Paṇāmagāthā

Tilokekagaruṃ Buddhaṃ, pāyāsibhayahiṃsakaṃ.
Āyunopariyosānaṃ, gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Ādimajjhantakalyāṇam,
Buddhassa dhammamosadhaṃ.
Nibbānapariyosānaṃ, gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Tassa sāvakasaṃghañca, puññakkhettaṃ anuttaraṃ.
Arahattapriyosānaṃ, gacchāmi saraṇaṃ ahaṃ.
Buddhaṃ Dhammañca Saṃghañca, abhivandiya sādaraṃ.
Bhikkhupātimokkhuddeso,
Ayaṃ gantho mayā kato.
Kệ Đảnh Lễ Tam-Bảo

Đức-Thế-Tôn cao thượng nhất tam-giới,
Dắt dẫn chúng-sinh thoát khỏi tai họa,

Nguyện suốt đời con xin quy-y-Phật,
Mong chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế.
Pháp của Ngài như linh dược nhiệm mầu,
Hoàn hảo ở phần đầu giữa và cuối,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Pháp,
Mong được chứng ngộ Niết-bàn thoát khổ.
Tăng bậc Thánh Thanh-văn đệ-tử-Phật,
Là phước điền cao thượng của chúng-sinh,
Nguyện suốt đời con xin quy-y-Tăng,
Mong được chứng đắc Thánh A-ra-hán.
Đức-Phật Đức-Pháp Đức-Tăng cao thượng,
Con hết lòng thành kính lạy Tam-bảo,
Rồi gom nhặt biên soạn tập sách nhỏ,
Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt.
Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt
Soạn-giả: Tỳ-Khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)
Lời Nói Đầu
Pātimokkha có 2 loại:
- Ovādapātimokkha: Lời giáo huấn của Đức-Phật.
- Āṇāpātimokkha: Đức-Phật chế-định ra các điều-giới, rồi ban hành đến chư tỳ-khưu giữ gìn.
1- Ovādapātimokkha là lời giáo huấn của
Đức-Phật, có 3 câu kệ như sau:
“Khantī paramaṃ tapo titikkhā,
Nibbānaṃ paramaṃ vadanti Buddhā.
Na hi pabbajito parūpaghātī,
Na samaṇo hoti paraṃ viheṭhayanto.
Sabbapāpassa akaraṇaṃ, kusalassa upasampadā.
2 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT
Sacittapariyodapanaṃ, etaṃ Buddhānasāsanaṃ.
Anupavādo anupaghāto, patimokkhe ca saṃvaro.
Mattaññutā ca bhattasmiṃ.
pantañca sayanāsanaṃ,
Adhicitte ca āyogo, etaṃ Buddhānasāsanaṃ.” (1)
(Nhẫn-nại là đức-hạnh cao thượng, chư Phật dạy Niết-bàn là cao thượng.

Bậc xuất gia không sát hại chúng-sinh.
Bậc sa-môn không làm khổ chúng-sinh.
Không tạo mọi ác-nghiệp, hoàn thành 4 loại thiện-nghiệp.
Tâm trong sạch thanh-tịnh, đó là lời giáo huấn của chư Phật.
Không vu oan người khác, không làm hại chúng-sinh.
Biết tri túc vật thực, nằm ngồi nơi thanh vắng.
Tinh-tấn trong pháp-hành nhập định, đó là lời giáo huấn của chư Phật).
Đức-Phật Gotama thuyết dạy ovādapāṭimokkha
1 Dīghanikāya Mahāvaggapāḷi, Mahāpadānasutta.

LƠI NÓI ĐẦU 3 bằng ba câu kệ này vào ngày rằm tháng giêng, là ngày đại hội chư Thánh-Tăng lần đầu tiên gồm có 1.250 bậc Thánh A-ra-hán, tại ngôi chùa Veḷuvana, gần kinh-thành Rājagaha. Trong thời-kỳ ấy, chư bậc Thánh-Tăng và chư bậc phàm-Tăng đều là những bậc có thân, khẩu trong sạch thanh-tịnh hoàn toàn, chưa hề có lỗi nào bị người đời chê trách (Đức-Phật chưa chếđịnh ra điều-giới nào ban hành đến chư tỳ-khưu). Cho nên, từ hạ thứ nhất cho đến hạ thứ 20, đến ngày Saṃgha uposatha chư tỳ-khưu-Tăng tụ hội tại Sīmā, Đức-Phật chỉ thuyết dạy ovādapātimokkha bằng 3 câu kệ ấy đến chư tỳ-khưu-Tăng mà thôi. 2- Āṇāpātimokkha: Đức-Phật chế-định ra các điều-giới, rồi ban hành đến chư tỳ-khưu cần phải giữ gìn các điều-giới ấy cho được trong sạch. Đến hạ thứ 20, giáo-pháp của Đức-Phật càng ngày càng phát triển, được truyền bá khắp mọi nơi, có nhiều người nam đến xin xuất gia trở thành tỳkhưu, và nhiều người nữ cũng xin xuất gia trở thành tỳ-khưu-ni càng ngày càng đông. Có số vị tỳ-khưu phàm-nhân, vị tỳ-khưu-ni phàm-nhân có tâm dể duôi, thân, khẩu bất-thiện, tạo ác-nghiệp,

4 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT bị người đời chê trách. Vì vậy, Đức-Phật chếđịnh ra các điều-giới, rồi cho ban hành đến chư tỳ-khưu, chư tỳ-khưu-ni cần phải giữ gìn các điềugiới cho được trong sạch, gọi là āṇāpātimokkha.

Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha
Trong Vinayapiṭaka, Cūḷavagga, Pātimokkhuddesayācana.
Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa
Pubbārāma, gần kinh-thành Sāvatthī. Trong ngày
Saṃgha uposatha chư tỳ-khưu-Tăng đông đủ tụ hội tại Sīmā. Khi ấy, Đức-Phật ngự đến ngồi trên
Pháp-tòa.
Canh đầu đêm đã qua, Ngài Trưởng-lão Ānanda chắp tay hướng về Đức-Thế-Tôn, bạch rằng:
- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, canh đầu đêm đã qua, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết dạy ovādapātimokkha. Bạch Ngài.
Đức-Thế-Tôn ngồi im lặng.
Canh giữa đêm đã qua, …
Canh chót đêm đã qua, sắp rạng đông, Ngài

Trưởng-lão Ānanda chắp tay hướng về Đức-Thế-
Tôn, bạch rằng:
LƠI NÓI ĐẦU 5 - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, canh chót đêm đã qua, sắp rạng đông, chư tỳ-khưu-Tăng ngồi chờ đợi đã lâu. Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết dạy ovādapātimokkha. Bạch Ngài. Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng: - Này Ānanda! Trong nhóm chư tỳ-khưu này có tỳ-khưu phạm giới, giới không trong sạch. Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Đại- Trưởng-lão Mahāmoggallāna suy xét rằng: "Vậy, Đức-Phật ám chỉ đến vị tỳ-khưu nào?" Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna sử dụng phép-thần-thông (abhiññā) xem xét thấy rõ, biết rõ vị tỳ-khưu ấy phạm giới, giới không trong sạch, hành ác, đáng bị chê trách, che giấu tội lỗi của mình, không phải bậc hành phạm-hạnh tự cho là bậc hành phạm-hạnh, tâm bị ô nhiễm bởi phiền não. Vị tỳ-khưu ấy đang ngồi trong nhóm chư tỳ-khưu có giới-hạnh trong sạch. Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna đến đứng trước vị tỳ-khưu phạm giới ấy, bảo rằng: - Này tỳ-khưu phạm giới! Ngươi hãy đứng dậy đi ra khỏi nơi này, Đức-Thế-Tôn đã biết rõ ngươi rồi! Ngươi không được phép ngồi chung với chư tỳ-khưu-Tăng có giới-hạnh trong sạch.

6 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT Dù Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna bảo như vậy, nhưng vị tỳ-khưu phạm giới vẫn ngồi lì không chịu đi ra. Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna nắm tay vị tỳ-khưu phạm giới ấy dắt ra khỏi cửa, rồi vào hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, bạch rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đã bắt vị tỳkhưu phạm giới ấy đưa ra khỏi nhóm chư tỳkhưu-Tăng có giới-hạnh trong sạch. - Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn thuyết dạy ovādapātimokkha. Bạch Ngài. Đức-Phật thuyết giảng 8 điều phi thường trong đại dương với 8 điều phi thường trong Phật giáo xong, Đức-Phật thuyết bài kệ rằng: Channamativassati, vivaṭaṃ nātivassati. (1) Tasmā channaṃ vivaretha, evaṃ taṃ nātivassati. Phiền não thấm ướt tỳ-khưu che giấu āpatti. Phiền não không thấm ướt tỳ-khưu sám hối āpatti. Vì vậy, đã che giấu āpatti thì phải nên sám hối. Như vậy, phiền não không thấm ướt tỳ-khưu đã sám hối āpatti.

1 Vinayapiṭaka, Cūḷavagga, Pātimokkhaṭṭhapanakkhandhaka.

LƠI NÓI ĐẦU 7 Khi ấy, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Kể từ nay về sau, Như-lai sẽ không đến dự ngày uposatha nữa, Như-lai không thuyết dạy ovādapātimokkha nữa. Kể từ nay về sau, các con hành lễ saṃgha uposatha, các con tụng bhikkhupātimokkha. - Này chư tỳ-khưu! Chẳng do nhân do duyên nào, Như-lai dự ngày uposatha, Như-lai thuyết dạy ovādapātimokkha trong nhóm chư tỳ-khưu có tỳ-khưu phạm điều-giới, giới không trong sạch. - Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu có phạm điều-giới, không được phép vào ngồi chung với chư tỳ-khưu có giới-hạnh trong sạch, nghe bhikkhupātimokkha. Tỳ-khưu nào nghe, tỳ-khưu ấy bị phạm điềugiới dukkaṭa. Kỳ kết tập Tam-tạng Pāḷi lần thứ nhất Sau khi Đức-Phật Gotama tịch diệt Niết-bàn được 3 tháng 4 ngày, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đứng ra tổ chức kỳ kết Tam-tạng Pāḷi và Chú-giải Pāḷi lần thứ nhất, gồm có 500 bậc Thánh A-ra-hán có tứ-tuệ-phân-tích, lụcthông, đặc biệt thông thuộc Tam-tạng, rành Chúgiải Pāḷi do Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa

8 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT chủ trì, tại động Sattapaṇṇi, gần kinh-thành Rājagaha, đất nước Māgadha. Tipiṭaka: Tam-tạng đó là Vinayapiṭaka: Tạngluật, Suttantapiṭaka: Tạng-kinh, Abhidhammapiṭaka: Tạng-vi-diệu-pháp. Trong 3 Tạng này, Tạng-luật là nền tảng của Phật-giáo. "Vinayo nāma Buddhasāsanassa āyu, vinaye ṭhite, sāsanaṃ ṭhitaṃ hoti." (1) (Tạng-luật gọi là tuổi thọ của Phật-giáo, khi Tạng-luật tồn tại thì Phật-giáo tồn tại.) Chư Ngài Đại-Trưởng-lão đều tôn trọng Tạng-luật, nên các Ngài đã kết tập Tạng-luật đầu tiên. Tất cả mọi điều-giới và mọi pháp-hành Tăng-sự mà Đức-Phật đã chế-định đều thuộc về phần Tạng-luật. Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa chủ trì tại động Sattapaṇṇi, đọc tuyên-ngôn (ñatti) trong đoạn cuối rằng: "... Yadi Saṃghassa pattakallaṃ, Saṃgho appañňattaṃ nappañňapeyya pañňattaṃ na samucchindeyya, yathāpañňattesu sikkhāpadesu samādāya vatteyya, esa ñatti."

1 Vinayapiṭaka, Pārājikakaṇḍaṭṭhakathā, Bāhiranidānakathā.

LƠI NÓI ĐẦU 9 - ... Nếu hợp pháp đối với chư tỳ-khưu-Tăng, thì chư tỳ-khưu-Tăng không được phép chế-định thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chế-định, không được phép cắt bỏ điều-giới nào mà Đức- Phật đã chế-định. Chư tỳ-khưu-Tăng cần phải giữ gìn duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chế-định. Đó là lời tuyên-ngôn. Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa chủ trì tại động Sattapaṇṇi, đọc thành-sự-ngôn (kammavāca) trong đoạn cuối rằng: "... Saṃgho appañňattaṃ nappañňapeti, pañňattaṃ na samucchindati, yathāpañňattesu sikkhāpadesu samādāya vattati, yassāyasmato khamati appañňattassa nappañňāpanā, pañňattassa asamucchedo, yathāpañňattesu sikkhāpadesu samādāya vattanā, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya. Saṃgho appañňattaṃ nappañňapeti, pañňattaṃ na samucchindati, yathāpañňattesu sikkhāpadesu samādāya vattati, khamati Saṃghassa, tasmā tuṇhī evametaṃ dhārayāmi. (1)

1 Vinayapiṭaka, Cūḷavaggapāḷi, Pañcasatikakkhandhaka.

10 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT - ... Chư tỳ-khưu-Tăng không được phép chếđịnh thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chếđịnh, không được phép cắt bỏ điều-giới nào mà Đức-Phật đã chế-định. Chư tỳ-khưu-Tăng cần phải giữ gìn duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chế-định. Không được phép chế-định thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chế-định, không được phép cắt bỏ điều-giới nào mà Đức-Phật đã chế-định, cần phải giữ gìn duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chếđịnh. Vị nào hài lòng thì Vị ấy ngồi làm thinh, nếu Vị nào không hài lòng thì xin Vị ấy phát biểu lên giữa chư tỳ-khưu-Tăng. Chư tỳ-khưu-Tăng không được phép chế-định thêm điều-giới nào mà Đức-Phật không chế-định, không được phép cắt bỏ điều-giới nào mà Đức- Phật đã chế-định. Chư tỳ-khưu-Tăng cần phải giữ gìn duy trì, thực hành nghiêm chỉnh đúng theo các điều-giới mà Đức-Phật đã chế-định. Chư tỳkhưu-Tăng đều hài lòng, vì vậy, đều ngồi làm thinh im lặng. Bần tăng xin ghi nhận trạng thái hài lòng bằng cách làm thinh im lặng ấy. Đó là lời thành-sự-ngôn.

LƠI NÓI ĐẦU 11 Điều-giới của tỳ-khưu trong bhikkhupātimokkha gồm có 227 điều-giới, còn trong Tạngluật gồm có 91.805.036.000 điều-giới. (1) Bhikkhupātimokkha nghĩa là vị tỳ-khưu có tác-ý giữ gìn các điều-giới của mình trong sạch và đầy đủ, giữ gìn thân và khẩu được trong sạch khỏi mọi ác-nghiệp nên không tự chê trách mình, tránh khỏi bị bậc thiện-trí chê trách, thoát khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh). Vị tỳ-khưu có giới-hạnh trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh và tăng trưởng, từ tam-giới thiện-pháp cho đến 9 siêu-tam-giới-pháp đó là 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả và Niết-bàn. Để giới-hạnh của vị tỳ-khưu được trong sạch, mỗi vị tỳ-khưu cần phải học hỏi hiểu biết 227 điều-giới của tỳ-khưu và 14 pháp-hành của tỳkhưu, rồi nghiêm chỉnh thực hành đầy đủ. Mỗi khi biết phạm điều-giới nào, vị tỳ-khưu liền biết cách sám hối điều-giới ấy, làm cho giới của mình trong sạch trở lại, làm nơi nương nhờ cho mọi thiện-pháp phát sinh và phát triển tốt.

1 Visuddhimagga, phần Sīlaniddesa.

12 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT Mỗi tháng có 2 ngày lễ Saṃgha uposatha tại Sīmā vào ngày 15 và ngày 14 cuối tháng thiếu (1), mỗi vị tỳ-khưu không thể vắng mặt; và đặc biệt vào ngày rằm tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ Pavāraṇā thay ngày Saṃgha uposatha, mỗi vị tỳkhưu lớn hạ, nhỏ hạ đều phải đọc lời pavāraṇā 3 lần giữa chư tỳ-khưu-Tăng. Hằng năm đến ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), chư tỳ-khưu đều phải an cư nhập hạ tại một ngôi chùa hoặc một chỗ cố định nào trong suốt 3 tháng mùa mưa, không được phép tự thay đổi chỗ ở. Sau khi chư tỳ-khưu mãn hạ 3 tháng mùa mưa, nếu có thí-chủ có trí-tuệ hiểu biết làm lễ cúngdường kính dâng y kathinacīvara đến chư tỳkhưu-Tăng, thì chư tỳ-khưu-Tăng được phép nhận y kathinacīvara ấy của các thí-chủ. Chư tỳ-khưu- Tăng chọn vị tỳ-khưu xứng đáng làm lễ thọ tấm y kathinacīvara ấy của chư tỳ-khưu-Tăng xong, chư tỳ-khưu-Tăng đồng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng. 1 Một tháng đủ có 30 ngày chia ra 2 thời. Sukkapakkha: nửa tháng đầu từ ngày 1 đến ngày 15 (pannaraso), và kāḷa- pakkha: nửa tháng sau từ ngày 1 đến ngày 15 cuối tháng (pannaraso). Nếu tháng thiếu có 29 ngày, thì nửa tháng sau từ ngày 1 đến ngày 14 cuối tháng (cātuddaso).

LƠI NÓI ĐẦU 13 Tất cả chư tỳ-khưu ấy hưởng được 5 đặc-ân trong 5 tháng kể từ ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) đến ngày rằm tháng 2 (âm-lịch), mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara. Sau khi chư tỳ-khưu mãn hạ 3 tháng mùa mưa, nếu không có thí-chủ làm lễ kính dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khưu-Tăng, thì chư tỳkhưu chỉ hưởng được 5 đặc-ân trong 1 tháng kể từ ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) đến ngày rằm tháng 10 (âm-lịch) mà thôi. Quyển sách Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt này tuy nhỏ nhưng gom nhặt những điều nên biết đối với chư tỳ-khưu như sau: * Ngày lễ Saṃgha uposatha có 3 loại: 1- Saṃgha uposatha. 2- Gaṇa uposatha. 3- Puggala uposatha. - Nếu chư tỳ-khưu-Tăng có 4 vị tỳ-khưu trở lên thì hành Tăng-sự Saṃgha uposatha tại Sīmā, vị tỳ-khưu luật-sư tụng bhikkhupātimokkha. - Nếu chư tỳ-khưu-Tăng chỉ có 4 vị tỳ-khưu thì hành Tăng-sự Saṃgha uposatha tại Sīmā, vị tỳkhưu luật-sư tụng bhikkhupātimokkha.

14 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT - Nếu chư tỳ-khưu chỉ có 3 vị tỳ-khưu thì hành lễ gaṇa uposatha tại Sīmā, vị tỳ-khưu tụng ñatti, rồi mỗi vị tỳ-khưu đọc lời parisuddhi. - Nếu chư tỳ-khưu chỉ có 2 vị tỳ-khưu thì hành lễ gaṇa uposatha tại Sīmā, mỗi vị tỳ-khưu đọc lời parisuddhi. - Nếu tỳ-khưu chỉ có 1 vị thì vị ấy hành lễ puggala uposatha tại Sīmā, vị tỳ-khưu đọc lời phát nguyện ngày uposatha. Trong quyển sách này có trình bày nghi thức tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt (xem trang 46). * Ngày lễ Saṃghapavāraṇā có 3 loại: 1- Saṃghapavāraṇā. 2- Gaṇapavāraṇā. 3- Puggalapavāraṇā. - Nếu chư tỳ-khưu-Tăng có 5 vị tỳ-khưu trở lên thì hành Tăng-sự Saṃghapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khưu luật-sư tụng tuyên-ngôn pavāraṇāñatti xong, đầu tiên Ngài Đại-Trưởng-lão lớn hạ nhất đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo Ngài Trưởnglão nhỏ hạ theo tuần tự cho đến vị tỳ-khưu nhỏ hạ nhất đọc lời pavāraṇā 3 lần.

LƠI NÓI ĐẦU 15 - Nếu tỳ-khưu-Tăng chỉ có 5 vị tỳ-khưu thì hành Tăng-sự Saṃghapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳkhưu luật-sư tụng tuyên-ngôn pavāraṇāñatti xong, vị tỳ-khưu lớn hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo vị tỳ-khưu nhỏ hạ theo tuần tự đọc lời pavāraṇā 3 lần. - Nếu tỳ-khưu chỉ có 4 vị tỳ-khưu thì hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khưu luật-sư tụng tuyên-ngôn pavāraṇāñatti xong, vị tỳ-khưu lớn hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo vị tỳ-khưu nhỏ hạ theo tuần tự đọc lời pavāraṇā 3 lần. - Nếu tỳ-khưu chỉ có 3 vị tỳ-khưu thì hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khưu luật-sư tụng tuyên-ngôn pavāraṇāñatti xong, vị tỳ-khưu lớn hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo vị tỳ-khưu nhỏ hạ theo tuần tự đọc lời pavāraṇā 3 lần. - Nếu tỳ-khưu chỉ có 2 vị tỳ-khưu thì hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khưu lớn hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần, tiếp theo vị tỳ-khưu nhỏ hạ đọc lời pavāraṇā 3 lần. - Nếu tỳ-khưu chỉ có 1 vị thì hành lễ puggalapavāraṇā tại Sīmā, vị tỳ-khưu ấy đọc lời phát nguyện ngày lễ pavāraṇā. Vị tỳ-khưu nào đã phạm điều-giới, Đức-Phật

16 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT không cho phép vị tỳ-khưu ấy tham dự lễ Saṃgha uposatha, nghe tụng bhikkhupātimokkha và cũng không cho phép hành lễ Saṃghapavāraṇā, đọc lời pavāraṇā 3 lần. Tuy nhiên, nếu vị tỳ-khưu nào đã phạm điềugiới (āpatti) nào thì làm lễ sám hối āpatti ấy. Sau khi làm lễ sám hối āpatti ấy xong, vị tỳ-khưu ấy có giới-hạnh trong sạch, được phép tham dự lễ Saṃgha uposatha, nghe tụng bhikkhupātimokkha và cũng được phép hành lễ Saṃghapavāraṇā, đọc lời pavāraṇā 3 lần. Sau khi chư tỳ-khưu đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa, nếu có thí-chủ biết cúng-dường dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khưu-Tăng, Đức-Phật cho phép chư tỳ-khưu-Tăng nhận y kathinacīvara của thí-chủ, rồi chọn một vị tỳkhưu xứng đáng làm lễ thọ tấm y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, đúng theo luật. Chư tỳkhưu-Tăng đồng thanh nói lên lời hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng xong, tất cả chư tỳ-khưu hưởng được 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng trong 5 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) cho đến ngày rằm tháng 2 (âm-lịch), mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara.

LƠI NÓI ĐẦU 17 Quyển sách nhỏ “Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt” này, bần sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt nhiều nguồn tài liệu từ trong Tam-tạng Pāḷi, bộ Chú-giải Pāḷi, và các bộ sách khác chỉ được bấy nhiêu thôi! Tuy bần sư cố gắng giải thích những điều

nên biết đối với chư tỳ-khưu, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bần sư. Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư tỳ-khưu có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình. Kính xin chư tỳ-khưu xem soạn phẩm này như là của chung, mà mỗi vị tỳ-khưu có bổn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung. Bần sư kính cẩn đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư tỳ-khưu, và kính xin quý vị ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bần sư. * Quyển sách nhỏ "Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt" này được hoàn thành do nhờ nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem kỹ bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem

18 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT kỹ lại bản thảo, làm thành quyển sách, in thành quyển sách nhỏ làm Pháp-thí dâng cúng dường đến chư tỳ-khưu. Bần sư vô cùng hoan-hỷ biết ơn tất cả quý vị. Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khưu Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vaṃsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời kính dâng đến Ngài Đại-Trưởnglão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởnglão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế) cùng chư Đại- Trưởng-lão đã dày công đem Phật-giáo Nguyênthủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phướcthiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành. Con kính mong quý Ngài hoan-hỷ. Idaṃ no ñātinaṃ hotu, sukhitā hontu ñātayo. Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng

LƠI NÓI ĐẦU 19 con, từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, cầu mong quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài. Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitu-ācariyañāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema, sabbepi te puññapattiṃ laddhāna sukhitā hontu, dukkhā muccantu sabbattha. Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súcsinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới. Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phướcthiện pháp-thí thanh cao này, mong quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi. Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ hotu. Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánhđạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

20 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT Nếu mỗi người trong chúng con chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi, thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới. Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người

có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tấn thực-hành theo lời giáo-huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-lamật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán. Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người, hưởng được mọi sự an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù được

LƠI NÓI ĐẦU 21 thành tựu quả báu ở cõi trời, hưởng được mọi anlạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời. Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi người chúng con chỉ có mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn mà thôi.

Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ, khippameva samijjhatu. Điều mong ước, ý nguyện của chúng con Mong cầu sớm được thành tựu như ý.

PL. 2565 / DL. 2021 Rừng Núi Viên Không xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita)

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO LỜI NÓI ĐẦU

BHIKKHUPĀTIMOKKHA

Bhikkhupātimokkha đầy đủ ..... 1 - Nghi thức tụng bhikkhupātimokkha ..... 3 - Bhikkhupātimokkha đầy đủ ..... 6 Pātimokkhuddesa..... 12 - Cách tụng 5 loại bhikkhupātimokkha tóm tắt 13 - Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhất 14 - Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì 16 - Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ ba . 19 - Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ tư.. 22 - Cách tụng bhikkhupātimokkha thứ năm..... 26 - Đức-Phật không cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt ..... 32 - Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, nếu có antarāya (trở ngại).... 33

2 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

- Antarāya có 10 loại ..... 34 Tụng bhikkhupātimokkha là phận-sự của chư bậc Trưởng-lão..... 35 - Chuyện Ngài Trưởng-lão Mahākappina ..... 41 - Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đi dự lễ Saṃgha uposatha..... 44 Nghi thức tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt ..... 46 - Tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì..... 46 Uposatha có 3 loại ..... 51 1- Saṃgha uposatha..... 52 2- Gaṇa uposatha ..... 52 - Cách hành lễ parisuddhi uposatha 3 vị tỳ-khưu. 53 - Cách hành lễ parisuddhi uposatha 2 vị tỳ-khưu. 55 3- Puggala uposatha..... 56 - Cách hành lễ puggala uposatha ..... 57 Phần dịch nghĩa bhikkhupātimokkha tóm tắt ... 58 - Tụng

bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì..... 62 - Phạm 4 điều-giới pārājika āpatti với 4 ví dụ .. 71 - Tỳ-khưu phạm điều-giới pārājika āpatti 73

MỤC LỤC 3 Lễ sám hối āpatti ..... 75 - Giới của tỳ-khưu..... 76 - Phạm điều-giới (āpatti)..... 77 - Nghi thức lễ sám hối āpatti ..... 80 - Pháp-hành phận-sự (vatta) có 14 loại..... 84 Lễ an cư nhập hạ ..... 88 - Lễ an cư nhập hạ có 2 ngày ..... 89 - Lễ phát nguyện an cư nhập hạ ..... 90 - Đức-Phật cho phép tỳ-khưu đi trong vòng 7 ngày ..... 91 - Nguyện đi và về trong vòng 7 ngày..... 95 - Tỳ-khưu nhập hạ gặp tai nạn ..... 95 Lễ Pavāraṇā ..... 97 - Ngày lễ pavāraṇā..... 98 - Nghi thức hành lễ pavāraṇā..... 99 - Pavāraṇā có 3 loại ..... 105 1- Saṃghapavāraṇā có 5 vị tỳ-khưu..... 105 2- Gaṇapavāraṇā có 4 vị tỳ-khưu ..... 106 - Cách hành lễ gaṇapavāraṇā có 4 vị tỳ-khưu . 107 2.1- Gaṇapavāraṇā có 3 vị tỳ-khưu ..... 109 - Cách hành lễ gaṇapavāraṇā có 3 vị tỳ-khưu . 110

4 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

2.2- Gaṇapavāraṇā có 2 vị tỳ-khưu ..... 112 - Cách hành lễ gaṇapavāraṇā có 2 vị tỳ-khưu 113 3- Puggalapavāraṇā có 1 vị tỳ-khưu ..... 115 - Tỳ-khưu có āpatti không được dự lễ pavāraṇā 116 - Lễ pavāraṇā có 4 cách..... 117 1- Đọc pavāraṇā 3 lần ..... 117 2- Đọc pavāraṇā 2 lần ..... 118 3- Đọc pavāraṇā 1 lần ..... 118 4- Chư tỳ-khưu đồng hạ với nhau cùng đọc pavāraṇā 3 lần. .... 119 Lễ dâng y kathina đến chư tỳ-khưu-tăng..... 121 - Đức-Phật cho phép chư tỳ-khưu thọ y kathina ..... 124 - Thời hạn tỳ-khưu hưởng 5 đặc-ân ..... 126 - Tấm y kathina (kathinacīvara) ..... 127 - Thời gian, thí chủ làm lễ kính dâng y kathinacīvara.... 128 - Thí-chủ làm lễ kính dâng y kathinacīvara .. 129 - Chư tỳ-khưu-Tăng nhận y kathinacīvara .... 129 - Lễ dâng y kathinacīvara thời xưa và thời nay 129

MỤC LỤC 5 - Nghi lễ trao y kathinacīvara của tỳ-khưu-Tăng ..... 131 - Nghi thức thọ y kathinacīvara..... 134 - Nghi lễ thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng anumodanā..... 137 - Chư tỳ-khưu đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathina ..... 139 - Những tỳ-khưu không được đọc câu hoan-hỷ ..... 140 - Nhận y và thọ y kathinacīvara ..... 141 - Tỳ-khưu hưởng được 5 đặc-ân trọn 5 tháng với 2 điều-kiện 148

ĐOẠN KẾT

- Năm chi-pháp thành trở thành tỳ-khưu .....3 - Năm chi-pháp hoại không trở thành tỳ-khưu ... 4

PHẦN PHỤ LỤC

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ là việc hành Tăng-sự của tất cả chư tỳ-khưu từ 4 vị tỳ-khưu trở lên trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā,

mỗi tháng 2 ngày: ngày pannaraso là ngày 15 và ngày cātuddaso là ngày 14 cuối tháng thiếu. (1) Đức-Phật truyền dạy rằng: "Anujānāmi bhikkhave therādhikaṃ pātimokkhaṃ." (2) - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép tụng bhikkhupātimokkha là phận-sự của Ngài Trưởnglão cao hạ. Bhikkhupātimokkha gồm có 227 điều của tỳkhưu, được chia ra làm 8 loại:

1

Một tháng thiếu có 29 ngày chia ra 2 kỳ: nửa tháng đầu từ ngày 1 đến ngày 15 và nửa tháng sau thiếu từ ngày 1 đến ngày 14 cuối tháng.

2

Vinayapiṭaka. Mahāvagga, Uposathakkhandhaka.

1- Pārājika có 4 điều-giới. 2- Saṃghādisesa có 13 điều-giới. 3- Aniyata có 2 điều-giới. 4- Nissaggiya pācittiya có 30 điều-giới. 5- Suddha pācittiya có 92 điều-giới. 6- Pāṭidesanīya có 4 điều-giới. 7- Sekhiya có 75 điều-giới. 8- Adhikaraṇasamatha có 7 điều. Mỗi vị tỳ-khưu cần phải học hỏi hiểu biết rành rẽ mỗi điều-giới, biết cẩn trọng không để phạm điều-giới nào, biết giữ gìn 227 điều-giới của mình cho được trong sạch trọn vẹn. Nếu vị tỳ-khưu nào phạm điều-giới nào rồi, thì vị tỳ-khưu ấy có giới không trong sạch, có sự nguy hại (antarāya) làm trở ngại không thể chứng đắc các bậc thiền, và cũng không thể chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn. Nếu vị tỳ-khưu nào biết đã phạm điều-giới nhẹ nào rồi, thì vị tỳ-khưu ấy cần phải tìm đến vị tỳkhưu khác để xin làm lễ sám hối điều-giới nhẹ ấy. Sau khi sám hối điều-giới ấy xong, vị tỳ-khưu ấy có giới trở lại trong sạch trọn vẹn, làm nơi nương nhờ để thực hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm,

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 3 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm; và thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánhquả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo.

Nghi thức tụng bhikkhupātimokkha Trước khi hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha tại Sīmā, vị luật sư trình bày các việc, phận sự cần phải thực hiện trước. 1- Pubbakaraṇa: 4 việc cần phải làm trước Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca. Uposathassa etāni, "pubbakaraṇan"ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubbakaraṇāni katāni. 2- Pubbakicca: 5 phận sự cần phải trình trước Chanda pārisuddhi utukkhānaṃ, bhikkhugaṇanā ca ovādo. Uposathassa etāni, "pubbakiccan"ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañca pubbakiccāni katāni. 3- Pattakalla: 4 điều hợp thời đúng luật Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā,

Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti. Vajjanīyā ca puggalā tasmiṃ na honti, "pattakallan"ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pattakallaṅgāni samānītāni. Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitāpattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pātimokkhaṃ uddisituṃ ārādhanaṃ karoma. (Sau khi vị tỳ-khưu luật sư trình bày xong các điều trên.) Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh

nói lên lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Nidāna: Tụng tuyên-ngôn ñatti Suṇātu me bhante(1) (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso)(2), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.

1
Vị tỳ-khưu nhỏ hạ dùng từ bhante, Ngài Trưởng-lão cao hạ dùng từ āvuso.
2
Tháng thiếu nhằm vào ngày 14 cuối tháng gọi là cātuddaso.
Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 5

Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ? Pārisuddhiṃ āyasmanto ārocetha, pātimokkhaṃ uddisissāmi, taṃ sabbeva santā sādhukaṃ suṇoma manasi karoma. Yassa siyā āpatti, so āvikareyya, asantiyā āpattiyā tuṇhī bhavitabbaṃ, tuṇhībhāvena kho panāyasmante “parisuddhā”ti vedissāmi. Yathā kho pana paccekapuṭṭhassa veyyākaraṇaṃ hoti, evameva evarūpāya parisāya yāvatatiyaṃ anusāvitaṃ hoti. Yo pana bhikkhu yāvatatiyaṃ anusāviyamāne saramāno santiṃ āpattiṃ nāvikareyya, sampajānamusāvādassa hoti. Sampajānamusāvādo kho panā’yasmanto antarāyiko dhammo vutto bhagavatā, tasmā saramānena bhikkhunā āpannena visuddhāpekkhena santī āpatti āvikātabbā āvikatā hi’ssa phāsu hoti. Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nidānaṃ niṭṭhitaṃ.

6 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Bhikkhupātimokkha đầy đủ Sau khi tụng nidāna xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ gồm có 227 điều như sau: 1- Pārājika có 4 điều-giới Tatrime cattāro pārājikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārājikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārājiko hoti asaṃvāso. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pārājikaṃ niṭṭhitaṃ.

2- Saṃghādisesa có 13 điều-giới Ime kho panāyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (2) …

1
pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.
2
pe: peyyāla: 13 điều-giới còn lại chưa tụng.
Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 7 Uddiṭṭhā kho āyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā nava paṭhamāpattikā, cattāro yāvatatiyakā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā yāvatīhaṃ jānaṃ paṭicchādeti, tāvatīhaṃ tena bhikkhunā

akāmā parivatthabbaṃ. Parivutthaparivāsena bhikkhunā uttari chārattaṃ bhikkhumānattāya paṭipajjitabbaṃ, ciṇṇamānatto bhikkhu yattha siyā vīsatigaṇo bhikkhusaṃgho, tattha so bhikkhu abbhetabbo. Ekenapi ce ūno vīsatigaṇo bhikkhusaṃgho taṃ bhikkhuṃ abbheyya, so ca bhikkhu anabbhito, te ca bhikkhū gārayhā, ayaṃ tattha sāmīci. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Saṃghādiseso niṭṭhito. 3- Aniyata có 2 điều-giới Ime kho panāyasmanto dve aniyatā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto dve aniyatā dhammā. 1 pe: peyyāla: 2 điều-giới còn lại chưa tụng.

8 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Aniyato niṭṭhito. 4- Nissaggiyapācittiya có 30 điều-giới Ime kho panāyasmanto tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nissaggiyapācittiyā niṭṭhitā. 5- Suddhapācittiya có 92 điều-giới Ime kho panāyasmanto dvenavuti pācittiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (2)…

1

pe: peyyāla: 30 điều-giới còn lại chưa tụng.

2

pe: peyyāla: 92 điều-giới còn lại chưa tụng.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 9 Uddiṭṭhā kho āyasmanto dvenavuti pācittiyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pācittiyā niṭṭhitā.

6- Pāṭidesanīya có 4 điều-giới Ime kho panāyasmanto cattāro pāṭidesanīyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pāṭidesanīyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pāṭidesanīyā niṭṭhitā.

7- Sekhiya có 75 điều-giới

1 pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

10 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Ime kho panāyasmanto sekhiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto sekhiyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā,

dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Sekhiyā niṭṭhitā.

8- Adhikaraṇasamatha có 7 điều Ime kho panāyasmanto satta adhikaraṇasamathā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (2)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto satta adhikaraṇasamathā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Adhikaraṇasamathā niṭṭhitā.

1

pe: peyyāla: 75 điều-giới còn lại chưa tụng.

2

pe: peyyāla: 7 điều adhikaraṇasamatha còn lại chưa tụng.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 11

- Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.
- Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.
- Uddiṭṭhā terasa saṃghādisesā dhammā.
- Uddiṭṭhā dve aniyatā dhammā.
- Uddiṭṭhā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.
- Uddiṭṭhā dvenavuti pācittiyā dhammā.
- Uddiṭṭhā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.
- Uddiṭṭhā sekhiyā dhammā.
- Uddiṭṭhā satta adhikaraṇasamathā dhammā.

Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.

Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.

Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên

lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

12 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Pātimokkhuddesa (1) Đức-Phật truyền dạy pātimokkhuddesa có 5 loại như sau: 1- Tỳ-khưu tụng nidāna xong, còn lại 8 loại tụng bằng suta (đã từng nghe), đó là pātimokkhuddesa thứ nhất. 2- Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điều-giới xong, còn lại 7 loại tụng bằng suta, đó là pātimokkhuddesa thứ nhì. 3- Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điều-giới, tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới xong, còn lại 6 loại tụng bằng suta, đó là pātimokkhuddesa thứ ba. 4- Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điều-giới, tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới, tụng aniyata có 2 điều-giới xong, còn lại 5 loại tụng bằng suta, đó là pātimokkhuddesa thứ tư. 5- Tỳ-khưu tụng đầy đủ 227 điều (từ đầu tụng nidāna cho đến cuối tụng adhikaraṇasamatha có 7 điều), đó là pātimokkhuddesa thứ 5. - Này chư tỳ-khưu! Pātimokkhuddesa có 5 loại như vậy. 1

Vinayapiṭaka. Mahāvagga, Saṅkhena pātimokkhuddesa.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 13

Cách tụng 5 loại bhikkhupātimokkha tóm tắt Cách tụng 5 loại bhikkhupātimokkha tóm tắt tại Sīmā, phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt hoàn toàn giống hệt như phần đầu tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ, tụng như sau: 1- Pubbakaraṇa: 4 việc cần phải làm trước Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca. Uposathassa etāni, "pubbakaraṇan"ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubbakaraṇāni katāni. 2- Pubbakicca: 5 phận sự cần phải trình trước Chanda pārisuddhi utukkhānaṃ, bhikkhugaṇanā ca ovādo. Uposathassa etāni, "pubbakiccan"ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañca pubbakiccāni katāni. 3- Pattakalla: 4 điều hợp thời đúng luật Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā, Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti. Vajjanīyā ca puggalā tasmiṃ na honti, "pattakallan"ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pattakallaṅgāni samānītāni.

14 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

- Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitāpattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pātimokkhaṃ uddisituṃ ārādhanaṃ karoma. Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

1- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhất

Đức-Phật truyền dạy rằng: "Tỳ-khưu tụng nidāna xong, còn lại 8 loại tụng bằng suta (đã từng nghe)." Mọi nghi thức thực hành như sau: Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya. Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ? Pārisuddhiṃ āyasmanto ārocetha, pātimokkhaṃ uddisissāmi, taṃ sabbeva santā sādhukaṃ suṇoma manasi karoma. Yassa siyā āpatti, so āvikareyya, asantiyā āpattiyā tuṇhī

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 15 bhavitabbaṃ, tuṇhībhāvena kho panāyasmante "parisuddhā"ti vedissāmi. Yathā kho pana paccekapuṭṭhassa veyyākaraṇaṃ hoti, evameva evarūpāya parisāya yāvatatiyaṃ anusāvitaṃ hoti. Yo pana bhikkhu yāvatatiyaṃ anusāviyamāne saramāno santiṃ āpattiṃ nāvikareyya, sampajānamusāvādassa hoti. Sampajānamusāvādo kho panā'yasmanto antarāyiko dhammo vutto bhagavatā, tasmā saramānena bhikkhunā āpannena visuddhāpekkhena santī āpatti āvikātabbā āvikatā hi'ssa phāsu hoti. Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nidānuddeso niṭṭhito.

- Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.
- Sutā kho pan'āyasmantehi cattāro pārājikā dhammā.
- Sutā terasa saṃghādisesā dhammā.
- Sutā dve aniyatā dhammā.

16 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

- Sutā timsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.
- Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā.
- Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.
- Sutā sekhiyā dhammā.
- Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā.

Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.

Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.

Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên

lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

2- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì

Sau khi tụng phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì. Đức-Phật truyền dạy rằng: "Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điều-giới xong, còn lại 7 loại tụng bằng suta (đã từng nghe)." Mọi nghi thức thực hành như sau:

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 17 Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya. Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ? ... (pe) (1)... Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nidānuddeso niṭṭhito. Tiếp theo tụng pārājika có 4 điều-giới Tatrime cattāro pārājikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) (2)... Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārājikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārājiko hoti asaṃvāso. 1 pe: peyyāla: Nidāna còn lại chưa tụng. 2 pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

18 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pārājikuddeso niṭṭhito. - Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. - Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā. - Sutā kho pan'āyasmantehi terasa saṃghādisesā dhammā. - Sutā dve aniyatā dhammā. - Sutā timsa nissaggiyā pācittiyā dhammā. - Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā. - Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā. - Sutā sekhiyā dhammā. - Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā. Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ. Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ. Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên lời:

Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 19

3- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ ba Sau khi tụng phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ ba. Đức-Phật truyền dạy rằng: "Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điềugiới, tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới xong, còn lại 6 loại tụng bằng suta (đã từng nghe)." Mọi nghi thức thực hành như sau: Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya. Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ? ... (pe) (1)... Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nidānuddeso niṭṭhito. 1 pe: peyyāla: Nidāna còn lại chưa tụng.

20 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tiếp theo tụng pārājika có 4 điều-giới Tatrime cattāro pārājikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) (1)... Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārājikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārājiko hoti asaṃvāso. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pārājikuddeso niṭṭhito. Tiếp theo tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới Ime kho panāyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā uddesaṃ āgacchanti. ... (pe) (2) ... Uddiṭṭhā kho āyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā nava paṭhamāpattikā, cattāro yāvatatiyakā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā yāvatīhaṃ jānaṃ paṭicchādeti, tāva-

1

pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

2

pe: peyyāla: 13 điều-giới còn lại chưa tụng.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 21 tīhaṃ tena bhikkhunā akāmā parivatthabbaṃ. Parivutthaparivāsena bhikkhunā uttari chārattaṃ bhikkhumānattāya paṭipajjitabbaṃ, ciṇṇamānatto bhikkhu yattha siyā vīsatigaṇo bhikkhusaṃgho, tattha so bhikkhu abbhetabbo. Ekenapi ce ūno vīsatigaṇo bhikkhusaṃgho taṃ bhikkhuṃ abbheyya, so ca bhikkhu anabbhito, te ca bhikkhū gārayhā, ayaṃ tattha sāmīci. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Saṃghādisesuddeso niṭṭhito. - Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. - Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā. - Uddiṭṭhā terasa saṃghādisesā dhammā. - Sutā kho pan'āyasmantehi dve aniyatā

dhammā. - Sutā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā. - Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā. - Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā. - Sutā sekhiyā dhammā. - Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā.

22 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ. Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ. Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

4- Cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ tư Sau khi tụng phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ tư. Đức-Phật truyền dạy rằng: "Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điềugiới, tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới, tụng aniyata có 2 điều-giới xong, còn lại 5 loại tụng bằng suta (đã từng nghe)." Mọi nghi thức thực hành như sau: Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 23 Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ? … (pe) (1)… Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nidānuddeso niṭṭhito. Tiếp theo tụng pārājika có 4 điều-giới Tatrime cattāro pārājikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (2)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārājikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārājiko hoti asaṃvāso. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pārājikuddeso niṭṭhito.

1

pe: peyyāla: Nidāna còn lại chưa tụng.

2

pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

24 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tiếp theo tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới Ime kho panāyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1) … Uddiṭṭhā kho āyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā nava paṭhamāpattikā, cattāro yāvatatiyakā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā yāvatīhaṃ jānaṃ paṭicchādeti, tāvatīhaṃ tena bhikkhunā akāmā parivatthabbaṃ. Parivutthaparivāsena bhikkhunā uttari chārattaṃ bhikkhumānattāya paṭipajjitabbaṃ, ciṇṇamānatto bhikkhu yattha siyā vīsatigaṇo bhikkhusaṃgho, tattha so bhikkhu abbhetabbo. Ekenapi ce ūno vīsatigaṇo bhikkhusaṃgho taṃ bhikkhuṃ abbheyya, so ca bhikkhu anabbhito, te ca

bhikkhū gārayhā, ayaṃ tattha sāmīci. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Saṃghādisesuddeso niṭṭhito. Tiếp theo tụng aniyata có 2 điều-giới

1 pe: peyyāla: 13 điều-giới còn lại chưa tụng.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 25 Ime kho panāyasmanto dve aniyatā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto dve aniyatā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Aniyatuddeso niṭṭhito. - Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. - Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā. - Uddiṭṭhā terasa saṃghādisesā dhammā. - Uddiṭṭhā dve aniyatā dhammā. - Sutā kho pan’āyasmantehi tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā. - Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā. - Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā. - Sutā sekhiyā dhammā. - Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā. Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ. Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ. 1 pe: peyyāla: 2 điều-giới còn lại chưa tụng.

26 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

5- Cách tụng bhikkhupātimokkha thứ năm

Sau khi tụng phần đầu trước khi tụng bhikkhupātimokkha xong, tiếp theo tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ thứ năm. Đức-Phật truyền dạy rằng: “Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika (có 4 điều-giới), tụng saṃghādisesa (có 13 điều-giới), tụng aniyata (có 2 điều-giới), tụng nissiyapācittiya (có 30 điều-giới), tụng pācittiya (có 92 điều-giới), tụng pāṭidesanīya (có 4 điều-giới), tụng sekhiya (có 75 điều-giới), tụng adhikaraṇasamatha (có 7 điều). Mọi nghi thức thực hành như sau: Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. Suṇātu me bhante (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 27 Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ? … (pe) (1)… Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nidānuddeso niṭṭhito. Tiếp theo tụng pārājika có 4 điều-giới Tatrime cattāro pārājikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (2)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārājikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārājiko hoti asaṃvāso. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ

dhārayāmīti. Pārājikuddeso niṭṭhito. 1 pe: peyyāla: Nidāna còn lại chưa tụng. 2 pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

28 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tiếp theo tụng saṃghādisesa có 13 điều-giới Ime kho panāyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā uddesaṃ āgacchanti. …(pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto terasa saṃghādisesā dhammā nava paṭhamāpattikā, cattāro yāvatatiyakā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā yāvatīhaṃ jānaṃ paṭicchādeti, tāvatīhaṃ tena bhikkhunā akāmā parivatthabbaṃ. Parivutthaparivāsena bhikkhunā uttari chārattaṃ bhikkhumānattāya paṭipajjitabbaṃ, ciṇṇamānatto bhikkhu yattha siyā vīsatigaṇo bhikkhusaṃgho, tattha so bhikkhu abbhetabbo. Ekenapi ce ūno vīsatigaṇo bhikkhusaṃgho taṃ bhikkhuṃ abbheyya, so ca bhikkhu anabbhito, te ca bhikkhū gārayhā, ayaṃ tattha sāmīci. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Saṃghādisesuddeso niṭṭhito. Tiếp theo tụng aniyata có 2 điều-giới 1 pe: peyyāla: 13 điều-giới còn lại chưa tụng.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 29 Ime kho panāyasmanto dve aniyatā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto dve aniyatā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Aniyatuddeso niṭṭhito. Tiếp theo tụng nissaggiyapācittiya có 30 điều-giới Ime kho panāyasmanto tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (2)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nissaggiyapācittiyā niṭṭhitā.

1

pe: peyyāla: 2 điều-giới còn lại chưa tụng.

2

pe: peyyāla: 30 điều-giới còn lại chưa tụng.

30 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tiếp theo tụng suddhapācittiya có 92 điều-giới Ime kho panāyasmanto dvenavuti pācittiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti.… (pe) (1)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto dvenavuti pācittiyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pācittiyā niṭṭhitā. Tiếp theo tụng pāṭidesanīya có 4 điều-giới Ime kho panāyasmanto cattāro pāṭidesanīyā dhammā uddesaṃ āgacchanti.… (pe) (2)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pāṭidesanīyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi

pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pāṭidesanīyā niṭṭhitā.

1

pe: peyyāla: 92 điều-giới còn lại chưa tụng.

2

pe: peyyāla: 4 điều-giới còn lại chưa tụng.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 31 Tiếp theo tụng sekhiya có 75 điều-giới Ime kho panāyasmanto sekhiyā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (1) … Uddiṭṭhā kho āyasmanto sekhiyā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Sekhiyā niṭṭhitā. Tiếp theo tụng adhikaraṇasamatha có 7 điều Ime kho panāyasmanto satta adhikaraṇasamathā dhammā uddesaṃ āgacchanti. … (pe) (2)… Uddiṭṭhā kho āyasmanto satta adhikaraṇasamathā dhammā. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Adhikaraṇasamathā niṭṭhitā.

1

pe: peyyāla: 75 điều-giới còn lại chưa tụng.

2

pe: peyyāla: 7 điều adhikaraṇasamatha còn lại chưa tụng.

32 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

- Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ.
- Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.
- Uddiṭṭhā terasa saṃghādisesā dhammā.
- Uddiṭṭhā dve aniyatā dhammā.
- Uddiṭṭhā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.
- Uddiṭṭhā dvenavuti pācittiyā dhammā.
- Uddiṭṭhā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.
- Uddiṭṭhā sekhiyā dhammā.
- Uddiṭṭhā satta adhikaraṇasamathā dhammā.

Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.

Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.

Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên

lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Đức-Phật không cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt Một số vị tỳ-khưu biết Đức-Phật truyền dạy cách tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, nên mỗi kỳ đến ngày

Saṃgha uposatha các vị tỳ-khưu ấy tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 33 Chư tỳ-khưu bạch với Đức-Phật về chuyện các vị tỳ-khưu ấy. Đức-Phật cấm rằng: “Na bhikkhave saṃkhittena pātimokkhaṃ uddisitabbaṃ, yo uddiseyya, āpatti dukkaṭassāti.” - Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu không được phép tụng pātimokkha tóm tắt. Tỳ-khưu nào tụng pātimokkha tóm tắt, tỳ-khưu ấy phạm āpatti dukkaṭa (làm bậy).

Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, nếu có antarāya (trở ngại)

Một thuở nọ, một ngôi chùa ở tại làng quê, đám dân làng kéo nhau tràn vào chùa trong ngày lễ Saṃgha uposatha. Vì vậy, chư tỳ-khưu-Tăng không thể hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ trọn vẹn được. Sau đó, chư tỳ-khưu bạch với Đức-Phật về trường-hợp ấy, Đức-Phật truyền dạy rằng: “Anujānāmi bhikkhave sati antarāye saṃkhitena pātimokkhaṃ uddisituṃ.” - Này chư tỳ-khưu! Khi có antarāya (trở ngại), Như-lai cho phép các con tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt.

34 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Về sau, nhóm tỳ-khưu chabbaggī (nhóm 6 vị tỳ-khưu) không có điều antarāya (trở ngại), cũng tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt. Chư tỳ-khưu bạch chuyện ấy với Đức-Phật. Đức-Phật truyền dạy rằng: “Na bhikkhave asati antarāye saṃkhittena pātimokkhaṃ uddisitabbaṃ, yo uddiseyya, āpatti dukkaṭassa.” - Này chư tỳ-khưu! Khi không có điều trở ngại, tỳ-khưu không được phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt. Vị tỳ-khưu nào tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt, vị tỳ-khưu ấy phạm āpatti dukkaṭa. Antarāya có 10 loại: 1- Đức-vua (đại diện chính quyền) đến chùa. 2- Bọn trộm cướp vào chùa. 3- Lửa cháy chùa. 4- Nước lụt tràn vào chùa. 5- Nhiều người đến chùa. 6- Phi-nhân nhập vị tỳ-khưu. 7- Thú dữ vào chùa. 8- Rắn độc bò vào chùa. 9- Tỳ-khưu lâm bệnh nặng, hoặc tỳ-khưu chết. 10- Có sự tai hại đến phạm-hạnh của tỳ-khưu.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 35 Nếu có điều antarāya (trở ngại) nào xảy ra thì Đức-Phật cho phép chư tỳ-khưu-Tăng tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt. Nếu không có điều antarāya (trở ngại) nào thì chư tỳ-khưu-Tăng tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ trọn vẹn.

Tụng bhikkhupātimokkha là phận sự của chư bậc Trưởng-lão

* Một ngôi chùa có nhiều vị tỳ-khưu, vào ngày Saṃgha uposatha là ngày chư tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha tại Sīmā. Đức- Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha là phậnsự của Ngài Trưởng-lão cao hạ. Chư tỳ-khưu kính thỉnh Ngài Trưởng-lão cao hạ nhất rằng: - Kính bạch Ngài Trưởng-lão, hôm nay là ngày Saṃgha uposatha. Chúng con kính thỉnh Ngài Trưởng-lão tụng bhikkhupātimokkha. Bạch Ngài. Ngài Trưởng-lão cao hạ nhất dạy rằng: - Này quý āvuso! Tôi tụng bhikkhupātimokkha không được. Kế tiếp, chư tỳ-khưu kính thỉnh Ngài Trưởnglão cao hạ thứ nhì tụng bhikkhupātimokkha. Ngài

36 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Trưởng-lão cao hạ thứ nhì cũng không tụng bhikkhupātimokkha được. Kế tiếp, chư tỳ-khưu kính thỉnh Ngài Trưởnglão cao hạ thứ ba tụng bhikkhupātimokkha. Ngài Trưởng-lão cao hạ thứ ba cũng không tụng bhikkhupātimokkha được. v.v... Các Ngài Trưởng-lão cao hạ trong chùa đều không biết tụng bhikkhupātimokkha, nhưng có vị tỳ-khưu nhỏ hạ biết tụng bhikkhupātimokkha, nên chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, rồi bạch với Đức-Phật về tình hình trong chùa như vậy. Nghe chư tỳ-khưu bạch như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng: "Anujānāmi bhikkhave, yo tattha bhikkhuṃ byatto paṭibalo tassādheyyaṃ pātimokkaṃ." - Này chư tỳ-khưu! Trong ngôi chùa có nhiều vị tỳ-khưu như vậy, nếu có tỳ-khưu nào có khả năng tụng bhikkhupātimokkha được thì Như-lai cho phép vị tỳ-khưu ấy tụng bhikkhupātimokkha trong ngày Saṃgha uposatha.

* Một ngôi chùa có các Ngài Trưởng-lão lớn hạ và chư tỳ-khưu nhỏ hạ, trong ngày Saṃgha

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 37 uposatha không có một vị nào có khả năng tụng bhikkhupātimokkha được cả. Chư tỳ-khưu đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch với Đức-Phật về tình hình trong chùa ngày Saṃgha uposatha như vậy. Nghe chư tỳ-khưu bạch như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép vị tỳkhưu Trưởng-lão cao hạ chọn một tỳ-khưu khỏe mạnh có trí-nhớ tốt đi đến ngôi chùa gần, đi và trở về kịp trong ngày Saṃgha uposatha ấy, truyền bảo vị tỳ-khưu ấy rằng: "Gacchāvuso saṃkhittena vā vitthārena vā pātimokkhaṃ pariyāpuṇitvāna āgacchāhi." - Này tỳ-khưu! Con nên đi học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ xong, rồi trở về chùa kịp trong ngày hôm nay!" Đức-Phật còn truyền dạy rằng: "Na bhikkhave therena āṇattena agilānena na gantabbaṃ, yo na gaccheyya, āpatti dukkaṭassa." - Này chư tỳ-khưu! Vị tỳ-khưu không bệnh, khỏe mạnh, được Ngài Trưởng-lão truyền bảo đi

học bhikkhupātimokkha mà không đi, bị phạm điều-giới dukkaṭa. Cho nên, chư tỳ-khưu, chư sa-di ở trong ngôi chùa phải biết kính trọng vâng lời dạy bảo của Ngài Trưởng-lão cao hạ.

* Một ngôi chùa có nhiều chư tỳ-khưu-Tăng, có các Ngài Trưởng-lão cao hạ và chư tỳ-khưu nhỏ hạ; trong ngày Saṃgha uposatha, không có vị tỳ-khưu nào có khả năng tụng bhikkhupātimokkha được cả. Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch với Đức-Phật về tình hình trong chùa ngày Saṃgha uposatha như vậy. Đức-Phật truyền dạy rằng: "Tehi bhikkhave bhikkhūhi eko bhikkhu sāmantā āvāsā sajjukaṃ pāhetabbo "gacchāvuso saṃkhittena vā vitthārena vā pātimokkhaṃ pariyāpuṇitvā āgacchā"ti evañcetaṃ labhetha, iccetaṃ kusalaṃ. No ce labbhetha, tehi bhikkhave bhikkhūhi sabbeheva yattha jānanti uposathaṃ vā uposathakammaṃ vā pātimokkhaṃ vā pātimokkhuddesaṃ

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 39 vā, so avāso gantabbo no ce gaccheyyuṃ āpatti dukkaṭassa." (1) - Này chư tỳ-khưu! Chư tỳ-khưu ấy gởi vị tỳkhưu có trí nhớ tốt đi đến ngôi chùa gần, đi và trở về kịp trong ngày Saṃgha uposatha ấy, truyền bảo vị

tỳ-khưu ấy rằng: - “Này tỳ-khưu! Con nên đi học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ xong, rồi trở về chùa kịp trong ngày hôm nay!” Nếu có vị tỳ-khưu như vậy thì đó là điều tốt. Nếu không được như vậy thì tất cả mọi vị tỳkhưu trong ngôi chùa cùng nhau đến ngôi chùa mà có vị tỳ-khưu hiểu biết ngày uposatha hoặc biết cách hành lễ uposatha hoặc hiểu biết bhikkhupātimokkha hoặc biết tụng bhikkhupātimokkha ấy để dự lễ hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha. Nếu tất cả mọi vị tỳ-khưu ấy không dẫn nhau đi đến ngôi chùa ấy để dự lễ hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha thì tất cả mọi vị tỳ-khưu ấy đều bị phạm điều-giới dukkaṭa.

1 Vi. Mahāvagga, Uposathakkhaka, Parisuddhidānakathā.

40 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

* Chư tỳ-khưu có nhiều vị ở trong ngôi chùa không có vị nào hiểu biết ngày uposatha hoặc biết cách hành lễ uposatha hoặc hiểu biết bhikkhupātimokkha hoặc biết tụng bhikkhupātimokkha. Đức-Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Trong ngày Saṃgha uposatha vị tỳ-khưu cao hạ gởi vị tỳ-khưu có trí nhớ tốt đi đến ngôi chùa gần, đi và trở về kịp trong ngày ấy, truyền bảo vị tỳ-khưu ấy rằng: - “Này tỳ-khưu! Con nên đi học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ xong, rồi trở về chùa kịp trong ngày hôm nay!” Nếu có vị tỳ-khưu như vậy thì đó là điều tốt. Nếu không được thì Ngài Trưởng-lão cao hạ gởi vị tỳ-khưu có trí nhớ tốt đi đến ngôi chùa gần ấy ở lại một thời gian ngắn (7 ngày), truyền bảo với vị tỳ-khưu ấy rằng: - Này tỳ-khưu! Con cố gắng học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ, rồi con trở về chùa. Nếu có được tỳ-khưu như vậy thì đó là điều tốt. Nếu không có được tỳ-khưu như vậy thì tất cả mọi tỳ-khưu không nên ở, không nên an cư nhập

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 41 hạ tại ngôi chùa ấy, nếu vẫn còn ở lại thì tất cả tỳ-khưu ấy đều bị phạm điều-giới dukkaṭa. Tuy nhiên, ngày Saṃgha uposatha là ngày quan trọng không chỉ đối với chư tỳ-khưu phàmnhân mà còn đối với chư bậc Thánh A-ra-hán cao thượng nữa. Chuyện Ngài Trưởng-lão Mahākappina (1) Một thuở nọ, Ngài Trưởng-lão Mahākappina là bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, trú tại khu rừng Maddakucchi gần kinh-thành Rājagaha. Hôm ấy là ngày Saṃgha uposatha, Ngài Trưởng-lão ngồi nơi thanh vắng, một ý nghĩ phát sinh lên rằng: “Ta nên đi dự lễ uposatha hay không nên đi; ta nên đi hành lễ Saṃghakamma hay không nên đi. Sự thật, ta là bậc Thánh-nhân hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh.” Khi ấy, Đức-Phật đang ngự tại núi Gijjhakūṭa, biết ý nghĩ của Ngài Trưởng-lão Mahākappina với tâm của Đức-Phật, nên Đức-Phật biến thân từ núi Gijjhakūṭa hiện thân ra trước mặt Ngài

1 Vi. Mahāvagga, Uposathakhandhaka, Mahākappinavatthu.

42 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Trưởng-lão Mahākappina tại khu rừng Maddakucchi, nhanh ví như người khỏe mạnh co cánh tay vào hoặc duỗi cánh tay ra vậy. Đức-Phật ngự ngồi chỗ ngồi đã sắp sẵn. Ngài Trưởng-lão Mahākappina cung-kính đảnh lễ Đức- Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Phật truyền hỏi Ngài Trưởng-lão Mahākappina rằng: - Này Mahākappina! Con ngồi một mình nơi thanh vắng, một ý nghĩ phát sinh rằng: “Ta nên đi dự lễ uposatha

hay không nên đi; ta nên đi hành lễ Saṃghakamma hay không nên đi. Sự thật, ta là bậc Thánh-nhân hoàn toàn trong sạch thanh-tịnh.” Có đúng như vậy hay không? Ngài Trưởng-lão Mahākappina kính bạch với Đức-Phật rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thật có đúng như vậy. Bạch Ngài. Đức-Phật truyền bảo rằng: “Tumhe ce Brāhmanā uposathaṃ na sakkarissatha na garukarissatha na mānessatha na

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 43 pūjessatha, atha ko carahi uposathaṃ sakkarissati garukarissati mānessati pūjessati. Gaccha tvaṃ Brāhmana uposathaṃ, mā no agamāsi, gaccha tvaṃ saṃghakammaṃ, mā no agamāsi.” - Này chư Phạm-hạnh cao thượng! Nếu các con không tôn kính, không tôn trọng, không cung kính, không kính lễ uposatha, như vậy thì người nào sẽ tôn kính, sẽ tôn trọng, sẽ cung kính, sẽ kính lễ uposatha. - Này bậc Phạm-hạnh cao thượng! Con phải đi dự lễ uposatha, con không đi dự lễ không được! Con phải đi hành Tăng-sự uposathakamma, con không đi hành Tăng-sự không được! Ngài Trưởng-lão Mahākappina cung-kính vâng lời truyền dạy của Đức-Phật. Đức-Phật khuyên dạy như vậy, Ngài Trưởnglão Mahākappina phát sinh đại-duy-tác-tâm vô cùng hoan-hỷ lời giáo huấn của Đức-Phật. Khi ấy, Đức-Phật biến thân tại khu rừng Maddakucchi, rồi hiện thân tại núi Gijjhakūṭa nhanh ví như người khỏe mạnh co cánh tay vào hoặc duỗi cánh tay ra vậy.

44 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa đi dự lễ Saṃgha uposatha (1)

Thuở nọ, Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa từ xóm nhà Andhakavinda đi đến kinh-thành Rājagaha để hành lễ Saṃghakamma trong ngày Saṃgha uposatha, trên đường đi phải băng qua con sông, dòng nước chảy làm y của Ngài Đại- Trưởng-lão bị ướt một phần. Chư tỳ-khưu thấy vậy bạch hỏi Ngài Đại- Trưởng-lão rằng: - Kính bạch Ngài Đại Trưởng-lão, do nguyênnhân nào làm y của Ngài Đại-Trưởng-lão ướt như vậy? Bạch Ngài. Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa cho biết: - Này các hiền-đệ! Tôi từ xóm nhà Andhakavinda đi đến kinh-thành Rājagaha để hành lễ Saṃghakamma trong ngày Saṃgha uposatha, trên đường đi phải băng qua con sông, dòng nước chảy làm y của tôi bị ướt một phần như vậy, đó là nguyên nhân làm ướt y của tôi.

1 Vinayapiṭaka. Mahāvagga, Uposathakhandhaka.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha 45 Cho nên, Saṃgha uposatha là ngày tối ư quan trọng đối với tất cả chư tỳ-khưu phàm-nhân và chư tỳ-khưu bậc Thánh-nhân. Ngày Saṃgha uposatha, nếu có 4 vị tỳ-khưu trở lên, chư tỳ-khưu-Tăng cần phải hành Tăng-sự tại Sīmā, tụng bhikkhupātimokkha đầy đủ trọn vẹn. Nhưng trường hợp nếu có antarāya (trở ngại) nào trong 10 loại antarāya (trở ngại) thì Đức-Phật cho phép tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt. Hoặc trường hợp trong chùa có các Ngài Trưởng-lão cao hạ và chư tỳ-khưu nhỏ hạ, trong ngày Saṃgha uposatha không có vị nào tụng bhikkhupātimokkha được, Đức-Phật cho phép Ngài Trưởng-lão cao hạ chọn vị tỳ-khưu có trí nhớ tốt, gởi đi đến ngôi chùa gần, để học bhikkhupātimokkha tóm tắt hoặc đầy đủ xong, rồi trở về kịp trong ngày Saṃgha uposatha, để chư tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, tụng bhikkhupātimokkha.

Nghi thức tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt Ví dụ: Tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì Đức-Phật truyền dạy rằng: “Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điều-giới xong, còn lại 7 loại tụng bằng suta (đã từng nghe).” Chư tỳ-khưu hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt tại Sīmā. Một vị luật sư trình bày những việc, phận sự nên thực hiện trước khi tụng tuyên ngôn và bhikkhupātimokkha. 1- Pubbakaraṇa: 4 việc cần phải làm trước Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca. Uposathassa etāni, “pubbakaraṇan”ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubbakaraṇāni katāni. 2- Pubbakicca: 5 phận sự cần phải trình trước Chanda pārisuddhi utukkhānaṃ, bhikkhugaṇanā ca ovādo. Uposathassa etāni, “pubbakiccan”ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañca pubbakiccā

3- Pattakalla: 4 điều hợp thời đúng luật

Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā,

Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti.

Vajjanīyā ca puggalā tasmiṃ na honti, “pattakallan”ti vuccati.

Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pattakallaṅgāni samānītāni.

Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitāpattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pātimokkhaṃ uddisituṃ ārādhanaṃ karoma.

(Sau khi vị tỳ-khưu luật sư trình bày xong các điều trên.)

Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên

lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.

(3 lần)

Nidāna: Tụng tuyên-ngôn ñatti

Suṇātu me bhante(1) (āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso)(2), yadi

1

Vị tỳ-khưu nhỏ hạ dùng từ bhante, Ngài Trưởng-lão cao hạ dùng từ āvuso.

2

Tháng thiếu nhằm vào ngày 14 cuối tháng gọi là cātuddaso.

saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya. Kiṃ saṃghassa pubbakiccaṃ? Pārisuddhiṃ āyasmanto ārocetha, pātimokkhaṃ uddisissāmi, taṃ sabbeva santā sādhukaṃ suṇoma manasi karoma. Yassa siyā āpatti, so āvikareyya, asantiyā āpattiyā tuṇhī bhavitabbaṃ, tuṇhībhāvena kho panāyasmante “parisuddhā”ti vedissāmi. Yathā kho pana paccekapuṭṭhassa veyyākaraṇaṃ hoti, evameva evarūpāya parisāya yāvatatiyaṃ anusāvitaṃ hoti. Yo pana bhikkhu yāvatatiyaṃ anusāviyamāne saramāno santiṃ āpattiṃ nāvikareyya, sampajānamusāvādassa hoti. Sampajānamusāvādo kho panā’yasmanto antarāyiko

dhammo vutto bhagavatā, tasmā saramānena bhikkhunā āpannena visuddhā-pekkhena santī āpatti āvikātabbā āvikatā hi'ssa phāsu hoti. Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Nidānuddeso niṭṭhito.

Nghi Thức Tụng Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 49

Tiếp theo tụng pārājika có 4 điều-giới như sau: Tatrime cattāro pārājikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. 1- Methunadhamma sikkhāpada Yo pana bhikkhu bhikkhūnaṃ sikkhāsājīvasamāpanno sikkhaṃ appaccakkhāya dubbalyaṃ anāvikatvā methunaṃ dhammaṃ paṭiseveyya, antamaso tiracchānagatāyapi, pārājiko hoti asaṃvāso. 2- Adinnādāna sikkhāpada Yo pana bhikkhu gāmā vā araññā vā adinnaṃ theyyasaṅkhātaṃ ādiyeyya, yathārūpe adinnādāne rājāno coraṃ gahetvā haneyyuṃ vā bandheyyuṃ vā pabbājeyyuṃ vā "corosi bālosi muḷhosi thenosī"ti, tathārūpaṃ bhikkhu adinnaṃ ādiyamāno, ayampi pārājiko hoti asaṃvāso. 3- Manussa viggaha sikkhāpada Yo pana bhikkhu sañcicca manussaviggahaṃ jīvitā voropeyya, satthahārakaṃ vā'ssa pariyeseyya maraṇavaṇṇaṃ vā saṃvaṇṇeyya, maraṇāya vā samādapeyya "Ambho purisa kiṃ tuyhiminā pāpakena dujjīvitena, mataṃ te jīvitā seyyo"ti, iti cittamano cittasaṅkappo anekapariyāyena

maraṇavaṇṇaṃ vā saṃvaṇṇeyya, maraṇāya vā samādapeyya, ayampi pārājiko hoti asaṃvāso. 4- Uttari manussadhamma sikkhāpada Yo pana bhikkhu anabhijānaṃ uttarimanussadhammaṃ attupanāyikaṃ alamariyañāṇadassanaṃ samudācareyya "iti jānāmi, iti passāmī"ti tato aparena samayena samanuggāhīyamāno vā asamanuggāhīyamāno vā āpanno visuddhāpekkho evaṃ vadeyya "ajānamevaṃ āvuso avacaṃ jānāmi, apassaṃ passāmi, tucchaṃ musā vilapi"nti, aññatara adhimānā, ayampi pārājiko hoti asaṃvāso. Uddiṭṭhā kho āyasmanto cattāro pārājikā dhammā. Yesaṃ bhikkhu aññataraṃ vā aññataraṃ vā āpajjitvā na labhati bhikkhūhi saddhiṃ saṃvāsaṃ yathā pure tathā pacchā, pārājiko hoti asaṃvāso. Tatthāyasmante pucchāmi, kaccittha parisuddhā, dutiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, tatiyampi pucchāmi, kaccittha parisuddhā, parisuddhetthāyasmanto, tasmā tuṇhī, evametaṃ dhārayāmīti. Pārājikuddeso niṭṭhito. - Uddiṭṭhaṃ kho āyasmanto nidānaṃ. - Uddiṭṭhā cattāro pārājikā dhammā.

Cách Hành Lễ Uposatha 51

- Sutā kho pan'āyasmantehi terasa saṃghādisesā dhammā.
- Sutā dve aniyatā dhammā.
- Sutā tiṃsa nissaggiyā pācittiyā dhammā.
- Sutā dvenavuti pācittiyā dhammā.
- Sutā cattāro pāṭidesanīyā dhammā.
- Sutā sekhiyā dhammā.
- Sutā satta adhikaraṇasamathā dhammā.

Ettakaṃ tassa bhagavato sutāgataṃ suttapariyāpannaṃ anvaddhamāsaṃ uddesaṃ āgacchati, tattha sabbeheva samaggehi, sammodamānehi avivadamānehi sikkhitabbaṃ.

Bhikkhupātimokkhaṃ niṭṭhitaṃ.

Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên

lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Uposatha có 3 loại - Saṃgha uposatha: Tỳ-khưu-Tăng (từ 4 vị tỳ-khưu trở lên) hành lễ uposatha. - Gaṇa uposatha: Nhóm tỳ-khưu (3 hoặc 2 vị tỳ-khưu) hành lễ uposatha. - Puggala uposatha: Một vị tỳ-khưu hành lễ uposatha.

52 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

1- Saṃgha uposatha Một ngôi chùa có 4 vị tỳ-khưu suy nghĩ rằng: “Đức-Phật chế-định rằng: ‘Tỳ-khưu phải hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha.’ Chúng ta có 4 vị tỳ-khưu thì hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha như thế nào?” Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này. Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép 4 vị tỳkhưu hành Tăng-sự Saṃgha uposatha tụng bhikkhupātimokkha (1) tại Sīmā. 2- Gaṇa uposatha * Một ngôi chùa chỉ có 3 vị tỳ-khưu suy nghĩ rằng: “Đức-Phật cho phép 4 vị tỳ-khưu hành Tăng-sự Saṃgha uposatha tụng bhikkhupātimokkha tại Sīmā. Chúng ta chỉ có 3 vị tỳ-khưu thì hành lễ trong ngày Saṃgha uposatha như thế nào?” Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này.

1 Mọi nghi thức hành Tăng-sự Saṃgha uposatha tụng bhikkhupātimokkha như đã trình bày trong phần trước.

Cách Hành Lễ Uposatha 53 Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép 3 vị tỳ-khưu hành lễ parisuddhi uposatha với nhau tại Sīmā. Mọi nghi thức thực hành như sau: Pubbakaraṇa: 4 việc cần làm trước - Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā. - Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối). - Chuẩn bị nước uống đầy đủ. - Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khưu. Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khưu đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ parisuddhi uposatha tại Sīmā. Cách hành lễ parisuddhi uposatha 3 vị tỳ-khưu Đức-Phật truyền dạy cách hành lễ parisuddhi uposatha 3 vị tỳ-khưu như sau: Vị tỳ-khưu có trí-tuệ hiểu biết về luật tụng tuyên-ngôn ñatti tại Sīmā như sau: Tụng tuyên-ngôn ñatti (1) Suṇantu me āyasmantā, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso), yadāyasmantānaṃ

1 Vi. Mahāvagga, Uposathakkhandhaka, Saṃghuposatha.

54 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

pattakallaṃ, mayaṃ aññamaññaṃ parisuddhi uposathaṃ kareyyāma. Vị tỳ-khưu cao hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán tụng câu parisuddhi của mình 3 lần với 2 vị tỳ-khưu rằng: “Parisuddho ahaṃ āvuso parisuddho’ti maṃ dhāretha.” (3 lần) Hai vị tỳ-khưu nhỏ hạ ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán đáp lời rằng: “Sādhu! Bhante.” Tiếp theo mỗi vị tỳ-khưu nhỏ hạ mặc y vai

trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán tụng câu parisuddhi của mình 3 lần với 2 vị tỳ-khưu rằng: “Parisuddho ahaṃ Bhante parisuddho’ti maṃ dhāretha.” (3 lần) Vị tỳ-khưu lớn hạ ngồi chắp hai tay trên trán đáp lời rằng: “Sādhu! Āvuso.” Vị tỳ-khưu nhỏ hạ ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán đáp lời rằng: “Sādhu! Bhante.” Đó là cách hành lễ parisuddhi uposatha đối với 3 vị tỳ-khưu trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā. * Một ngôi chùa chỉ có 2 vị tỳ-khưu suy nghĩ rằng: “Đức-Phật cho phép 4 vị tỳ-khưu hành

Cách Hành Lễ Uposatha 55 Tăng-sự Saṃgha uposatha tụng bhikkhupātimokkha tại Sīmā; Đức-Phật cho phép 3 vị tỳkhưu hành lễ parisuddhi uposatha tại Sīmā. Chúng ta chỉ có 2 vị tỳ-khưu thì hành lễ trong ngày Saṃgha uposatha như thế nào?” Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này. Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép 2 vị tỳkhưu hành lễ parisuddhi uposatha với nhau tại Sīmā. Mọi nghi thức thực hành như sau: Pubbakaraṇa: 4 việc cần làm trước - Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā. - Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối). - Chuẩn bị nước uống đầy đủ. - Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khưu. Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khưu đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ parisuddhi uposatha tại Sīmā. Cách hành lễ parisuddhi uposatha 2 vị tỳ-khưu Đức-Phật truyền dạy 2 vị tỳ-khưu cách hành lễ parisuddhi uposatha với nhau tại Sīmā như sau: Hai tỳ-khưu không tụng tuyên-ngôn ñatti, vị tỳ-

khưu cao hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán tụng câu parisuddhi của mình 3 lần với vị tỳ-khưu nhỏ hạ rằng: “Parisuddho ahaṃ āvuso parisuddho’ti maṃ dhārehi.” (3 lần) Vị tỳ-khưu nhỏ hạ ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán đáp lời rằng: “Sādhu! Bhante.” Tiếp theo vị tỳ-khưu nhỏ hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán tụng câu parisuddhi của mình 3 lần với vị tỳ-khưu cao hạ rằng: “Parisuddho ahaṃ Bhante parisuddho’ti maṃ dhāretha.” (3 lần) Vị tỳ-khưu cao hạ ngồi chắp hai tay trên trán đáp lời rằng: “Sādhu! Āvuso.” Đó là cách hành lễ parisuddhi uposatha đối với 2 vị tỳ-khưu trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā. 3- Puggala uposatha Một ngôi chùa chỉ có 1 vị tỳ-khưu suy nghĩ rằng: “Đức-Phật cho phép 4 vị tỳ-khưu hành Tăngsự Saṃgha uposatha tụng bhikkhupātimokkha tại Sīmā; Đức-Phật cho phép 3, 2 vị tỳ-khưu hành lễ parisuddhi uposatha tại Sīmā.

Cách Hành Lễ Uposatha 57 Ta là vị tỳ-khưu ở một mình thì sẽ hành lễ trong ngày Saṃgha uposatha như thế nào?” Vị tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này. Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Một ngôi chùa, trong ngày Saṃgha uposatha, chỉ có một vị tỳ-khưu. Vị tỳ-khưu ấy nên quét lau sạch sẽ Sīmā, đặt nước dùng, nước uống, trải tọa-cụ chỗ ngồi, khi trời tối nên đốt đèn sáng. Vị tỳ-khưu ấy ngồi chờ đợi, nếu có vị tỳ-khưu khách nào đến thì hành lễ uposatha với vị tỳ-khưu khách ấy. Nếu không có vị tỳ-khưu khách nào đến thì vị tỳ-khưu chỉ nên thành tâm hành lễ puggala uposatha, phát nguyện rằng: “Hôm nay là ngày uposatha của tôi.” Nếu vị tỳ-khưu ấy không phát nguyện ngày uposatha thì vị tỳ-khưu ấy bị phạm

điều-giới āpatti dukkaṭa. Cách hành lễ puggala uposatha Nếu vị tỳ-khưu ở một mình nơi thanh vắng, trong ngày Saṃgha uposatha, vị tỳ-khưu ấy có giới trong sạch phát nguyện rằng:

“Ajja me uposatho.” (Hôm nay là ngày uposatha của tôi.) Vào ngày 15 nửa tháng và ngày 30 cuối tháng đủ, vị tỳ-khưu ấy phát nguyện rằng: “Ajja me uposatho pannaraso.” (Ngày 15 là ngày uposatha của tôi.) Cuối tháng thiếu vào ngày 29, vị tỳ-khưu ấy phát nguyện rằng: “Ajja me uposatho cātuddaso. (1)” (Ngày 14 này là ngày uposatha của tôi.) Đó là cách hành lễ puggala uposatha của vị tỳkhưu có giới trong sạch một mình ở nơi thanh vắng trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā.

Phần dịch nghĩa bhikkhupātimokkha tóm tắt

1- Pubbakaraṇa: 4 việc cần phải làm trước

Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca.

Uposathassa etāni, “pubbakaraṇan”ti vuccati.

1 Một tháng đủ có 30 ngày chia ra 2 thời. Sukkapakkha: nửa tháng đầu từ ngày 1 đến ngày 15 (pannaraso), và kāḷa- pakkha: nửa tháng sau từ ngày 1 đến ngày 15 cuối tháng (pannaraso). Nếu tháng thiếu có 29 ngày, thì nửa tháng sau từ ngày 1 đến ngày 14 cuối tháng (cātuddaso).

Phần Dịch Nghĩa Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 59

Ý nghĩa:

Pubbakaraṇa: 4 việc cần phải làm trước, tại

Sīmā trong ngày Saṃgha uposatha, trước khi chư tỳ-khưu-Tăng tụ hội hành Tăng-sự đó là:

- Quét lau sạch sẽ nơi Sīmā.
- Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (nếu trời tối).
- Chuẩn bị nước uống đầy đủ.
- Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khưu.

Chú-giải sư (Aṭṭhakathācariya) gọi pubba-

karaṇa: 4 việc cần phải làm trước khi chư tỳkhưu-Tăng tụ hội tại Sīmā hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha.

2- Pubbakicca: 5 phận sự cần phải trình trước, sau khi chư tỳ-khưu-Tăng tụ hội tại Sīmā hành

Tăng-sự đó là:

Chanda pārisuddhi utukkhānaṃ, bhikkhugaṇanā ca ovādo.

Uposathassa etāni, “pubbakiccan”ti vuccati.

- Vị tỳ-khưu trình chanda.
- Vị tỳ-khưu trình parisuddhi.
- Trình rõ đến mùa trong năm có 3 mùa:

1- Hemanta: Mùa lạnh có 4 tháng từ ngày 16 tháng 10 âm-lịch đến ngày 15 tháng 2 âm-lịch.

2- Gimhāna: Mùa nóng có 4 tháng từ ngày 16 tháng 2 âm-lịch đến ngày 15 tháng 6 âm-lịch. 3- Vassana: Mùa mưa có 4 tháng từ ngày 16 tháng 6 âm-lịch đến ngày 15 tháng 10 âm-lịch. Ví dụ: Hiện-tại vào mùa mưa. - Trình số lượng chư tỳ-khưu tụ hội: có 4 vị... - Trình việc dạy dỗ tỳ-khưu-ni, không có. Chú-giải sư (Aṭṭhakathācariya) gọi pubbakicca: 5 phận sự cần phải trình lên chư tỳ-khưu- Tăng tại Sīmā, trước khi hành Tăng-sự tụng bhikkhupaṭimokkha. 3- Pattakalla: 4 điều hợp thời đúng luật, tụng bhikkhupātimokkha trong ngày Saṃgha uposatha đó là: Uposatho yāvatikā ca bhikkhū kammappattā, Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti. Vajjanīyā ca puggalā tasmiṃ na honti, “pattakallan”ti vuccati. - Ngày Saṃgha uposatha có 3 loại: pannaraso, cātuddaso (tháng thiếu), samaggī (chư tỳkhưu-Tăng đoàn kết hành tăng-sự). Hôm nay uposatho pannaraso. - Chư tỳ-khưu có từ 4 vị ngồi trong hatthapāsa (2 cùi tay và 1 gang tay).

Phần Dịch Nghĩa Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 61 - Chư tỳ-khưu không có sabhāga āpatti. - Có 21 hạng người vajjanīya không được phép ngồi trong Sīmā trong khi chư tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự tụng bhikkhupātimokkha, đó là: 1) Người tại gia, 2) Tỳ-khưu-ni, 3) Sikkhamānā, 4) Sa-di, 5) Sa-di-ni, 6) Tỳ-khưu đã xả giới, 7) Tỳ-khưu phạm điều-giới pārājika, 8) Người ái-nam ái-nữ, 9) Người trộm Tăng-tướng, 10) Người theo ngoại-đạo, 11) Người súc-sinh (loài long hóa ra người), 12) Người giết cha, 13) Người giết mẹ, 14) Người giết bậc Thánh A-ra-hán, 15) Người làm bầm máu bàn chân của Đức- Phật, 16) Tỳ-khưu chia rẽ Tăng, 17) Người hãm hại tỳ-khưu-ni, 18) Người lưỡng tính (nam và nữ), 19) Tỳkhưu bị trục xuất vì đã phạm điều-giới mà không chịu nhận lỗi, 20) Tỳ-khưu bị trục xuất vì đã phạm điềugiới mà không chịu sửa, 21) Tỳ-khưu bị trục xuất vì không chịu từ bỏ tà-kiến cố-định. Chú-giải sư (Aṭṭhakathācariya) gọi pattakalla: 4 điều hợp thời đúng luật, mà Đức-Phật đã chế-định. Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitāpattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pātimokkhaṃ uddisituṃ ārādhanaṃ karoma. - Đã thực hiện xong pubbakaraṇa (có 4 việc cần làm trước) và pubbakicca (có 5 phận-sự cần phải

trình trước), chư tỳ-khưu-Tăng đều đã sám hối āpatti, đều có giới trong sạch. Với sự cho phép của chư tỳ-khưu-Tăng, chúng tôi đồng kính thỉnh Ngài Trưởng-lão hành lễ tụng bhikkhupātimokkha. Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đồng thanh nói lên lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Ví dụ: Tụng bhikkhupātimokkha tóm tắt thứ nhì Đức-Phật truyền dạy rằng: “Tỳ-khưu tụng nidāna, tụng pārājika có 4 điều-giới xong, còn lại 7 loại tụng bằng suta (đã từng nghe).” Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần) Nidāna: Tụng tuyên-ngôn ñatti “Suṇātu me Bhante(1) (Āvuso) saṃgho, ajjuposatho pannaraso (cātuddaso)(2), yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho uposathaṃ kareyya, pātimokkhaṃ uddiseyya.”

1

Vị tỳ-khưu nhỏ hạ dùng từ “Bhante”. Ngài Trưởng-lão cao hạ dùng từ “Āvuso”.
2
Cuối tháng thiếu dùng từ cātuddaso.
Phần Dịch Nghĩa Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 63

- Kính bạch quý Ngài Trưởng-lão! Kính xin quý Ngài nghe lời nói của tôi, hôm nay là ngày 15 (14) Saṃgha uposatha, nếu có sự hợp thời đúng luật của chư tỳ-khưu-Tăng, kính xin chư tỳkhưu-Tăng hành lễ Saṃgha uposatha, sẽ tụng bhikkhupātimokkha. Xem xét kỹ trước khi tụng bhikkhupātimokkha Chư tỳ-khưu-Tăng đã thực hiện 4 việc cần làm trước và 5 phận-sự cần trình trước hay chưa? Quý Ngài khả kính, xin quý Ngài sám hối āpatti cho được trong sạch, rồi tôi sẽ tụng bhikkhupātimokkha, tất cả chúng ta hiện diện tại Sīmā xin lắng nghe bhikkhupātimokkha này, xin chú tâm. Vị tỳ-khưu nào phạm āpatti nào thì vị tỳ-khưu ấy phải sám hối āpatti ấy; nếu không phạm āpatti nào thì ngồi làm thinh. Tôi nhận biết quý Ngài là bậc có giới-hạnh trong sạch, do thái độ làm thinh của quý Ngài. Ví như người hỏi với đáp, cũng giống như vậy, tụng bhikkhupātimokkha cho đến 3 lần nhắc nhở trong nhóm chư tỳ-khưu ấy. Vị tỳ-khưu nào nghe tụng bhikkhupātimokkha nhắc nhở đến lần thứ 3, ghi nhớ lại được āpatti đã phạm mà không xin

sám hối āpatti ấy, thì vị tỳ-khưu ấy phạm sampajāmusāvāda dukkaṭa. (1) Kính thưa chư bậc Trưởng-lão, thật ra, Đức- Phật truyền dạy sampajānamusāvāda dukkaṭa là pháp trở ngại chứng đắc các bậc thiền và chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn. Vì vậy, khi vị tỳ-khưu nhớ lại điều-giới đã phạm thì cần phải sám hối āpatti để cho giới trong sạch trở lại. Bởi vì vị tỳ-khưu có giới-hạnh sẽ thuận lợi cho việc chứng đắc các bậc thiền, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn. Phần nidāna đã được tụng xong. Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão trong phần nidāna rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không? Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão lần thứ nhì rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không?

1 Phạm điều-giới nói-dối bằng khẩu hoặc bằng thân, nhưng khi Ngài Trưởng-lão tụng nidāna rằng: “nếu vị tỳ-khưu nào phạm āpatti nào thì vị tỳ-khưu ấy phải sám hối āpatti ấy”. Vị tỳ-khưu ấy đã phạm āpatti nhưng ngồi làm thinh nên phạm sampajānamusāvada dukkaṭa.

Phần Dịch Nghĩa Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 65 Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão lần thứ ba rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không? Quý Ngài Trưởng-lão là bậc có giới trong sạch trong phần nidāna này, cho nên ngồi làm thinh. Tôi nhận biết giới trong sạch của quý Ngài như vậy. (Xong phần nidāna.) * Tụng pārājika āpatti có 4 điều-giới Tatrime cattāro pārājikā dhammā uddesaṃ āgacchanti. Trong bhikkhupātimokkha ấy có 4 điều-giới pārājika āpatti được tụng tóm tắt: 1- Methunadhamma sikkhāpada Tỳ-khưu nào đã có giới cao thượng (sikkhā là adhisīlasikkhā) (1) và học hành nghiêm chỉnh ājīva (2) của tỳ-khưu, tỳ-khưu ấy không nói lời xả giới, không làm rõ là người yếu đuối (không đủ can đảm nói lời xả giới), vị

tỳ-khưu ấy hành dâm,

1
Sikkhā là adhisīlasikkhā: Giới cao thượng đó là bhikkhupātimokkha.
2
Ājīva nghĩa là Đức-Phật đã chế-định các điều-giới gọi là ājīva, tỳ-khưu giữ gìn học hành nghiêm chỉnh ājīva ấy.

dù hành dâm với loài súc-sinh cái thì vị tỳ-khưu ấy cũng đã hành dâm, phạm điều-giới pārājika āpatti: bại hoại phẩm-hạnh tỳ-khưu, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khưu có giới trong sạch khác nữa. 2- Adinnādāna sikkhāpada Tỳ-khưu nào lấy tài sản mà người chủ không cho với tâm trộm-cắp, từ trong nhà hoặc trong rừng, tài sản ấy trị giá một pāda (1) hoặc tương đương một pāda hoặc nhiều hơn một pāda (pādaṃ vā pādārahaṃ vā atirekapādaṃ vā). Đức-vua (nhà chức trách) bắt tên trộm đáng bị hành hạ thì hành hạ, đáng bị giam cầm thì giam cầm, đáng bị lưu đày thì lưu đày. Với lời mắng nhiếc rằng: Ngươi là tên cắp, là người ác, là người si mê, là tên trộm. Bởi vì vị tỳ-khưu lấy tài sản mà người chủ không cho trị giá một pāda hoặc tương đương

1 Theo Chú-giải: Pāda trong thời-kỳ tại kinh-thành Rājagaha, 1 pāda có 5 māsaka; 1 kahāpaṇa có 4 pāda đó là 1 pāda vàng, 1 pāda bạc, 2 pāda đồng. Nếu 4 pāda đều được tinh khiết thì gọi là nīlakahāpaṇa. 1 nīlakahāpaṇa có 4 pāda gồm có 20 māsaka; như vậy, 1 pāda bằng ¼ nīlakahāpaṇa.

Phần Dịch Nghĩa Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 67 một pāda hoặc nhiều hơn một pāda. Vị tỳ-khưu ấy đã trộm-cắp, phạm điều-giới pārājika āpatti: bại hoại phẩm-hạnh tỳ-khưu, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khưu có giới trong sạch khác nữa. 3- Manussa viggaha sikkhāpada Tỳ-khưu nào có tác-ý sát hại sinh-mạng con người (1) (người ấy chết), hoặc đem khí giới đến cho người ấy tự sát, hoặc tán dương ca tụng sự chết, động viên khuyến khích sự chết rằng: - “Này người đàn ông! Ích lợi gì kiếp người của ngươi cực khổ cùng cực như vậy? Ngươi nên chết đi còn cao thượng hơn sống như thế này!” Tâm động viên trong sự chết, tâm có tác-ý tìm cách động viên trong sự chết, tán dương ca tụng sự chết, động viên khuyến khích sự chết bằng nhiều cách. Vị tỳ-khưu đã có tác-ý sát hại sinhmạng con người (người ấy chết), đã phạm điềugiới pārājika āpatti rồi, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khưu có giới trong sạch khác nữa.

1 Manussaviggahaṃ: Thân người kể từ khi đầu thai cho đến cuối cùng chết.

4- Uttari manussadhamma sikkhāpada Tỳ-khưu nào chính mình không biết pháp của bậc cao-nhân mà nói-dối tự khoe khoang chứng đắc các bậc thiền, chứng đắc Thánh-đạo, Thánhquả, Niết-bàn rằng: “Tôi biết bậc thiền này, tôi thấy bậc thiền này. Tôi biết Thánh-đạo, Thánh-quả này; tôi thấy Thánh-đạo, Thánh-quả này.” Về sau, dù bị

tra hỏi để biết về sự-thật hoặc dù không bị tra hỏi, thì vị tỳ-khưu ấy cũng đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi. Vị tỳ-khưu ấy biết mình đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, vì muốn trong sạch, nên trình thưa với các Ngài Trưởng-lão rằng: - "Kính thưa chư bậc Trưởng-lão, sự-thật tôi không biết pháp của bậc cao-nhân mà tôi nói-dối là biết; tôi không thấy pháp của bậc cao-nhân, mà tôi nói-dối là thấy; tôi đã nói-dối, khoe pháp caonhân mà tôi không có, chỉ là rỗng không mà thôi." Ngoại trừ tỳ-khưu nào đã chứng đắc pháp bậc cao-nhân (thì vị tỳ-khưu ấy không bị phạm điềugiới pārājika āpatti).

Phần Dịch Nghĩa Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 69 Vị tỳ-khưu ấy đã nói-dối, khoe pháp cao-nhân mà chính mình không có, đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, không được phép hành Tăngsự chung với những vị tỳ-khưu có giới trong sạch khác nữa. Kính thưa quý Ngài Trưởng-lão, bốn điều-giới pārājika āpatti đã được tụng xong rồi. Tỳ-khưu nào đã phạm điều-giới nào trong bốn điều-giới pārājika āpatti này rồi, trước kia còn là cận-sựnam hoặc vị sa-di không được phép hành Tăngsự chung với chư tỳ-khưu có giới trong sạch; cũng như sau khi đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi cũng không được phép hành Tăng-sự chung với chư tỳ-khưu có giới trong sạch. Kính thưa chư bậc Trưởng-lão, bốn điều-giới pārājika āpatti này đã được tụng xong. Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão trong bốn điều-giới pārājika āpatti này rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không? Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão lần thứ nhì rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không? Tôi xin phép bạch hỏi quý Ngài Trưởng-lão lần

thứ ba rằng: Quý Ngài là bậc có giới trong sạch rồi phải không? Quý Ngài bậc Trưởng-lão là bậc có giới trong sạch trong bốn điều-giới pārājika āpatti này, cho nên ngồi làm thinh. Tôi nhận biết giới trong sạch của quý Ngài như vậy. (Xong bốn điều-giới pārājika āpatti.) Kính bạch quý Ngài Trưởng-lão, - Phần nidāna đã được tụng xong. - 4 điều-giới pārājika āpatti đã được tụng xong. Kính bạch quý Ngài Trưởng-lão, - Đã từng nghe 13 điều-giới saṃghādisesa āpatti. - Đã từng nghe 2 điều-giới aniyata āpatti. - Đã từng nghe 30 điều-giới nissaggiya pācittiyā āpatti. - Đã từng nghe 92 điều-giới pācittiya āpatti. - Đã từng nghe 4 điều-giới pāṭidesanīya āpatti. - Đã từng nghe 75 điều-giới sekhiya āpatti. - Đã từng nghe 7 pháp adhikaraṇasamatha. Gom các điều-giới này chừng ấy từ trong bhikkhupātimokkha của Đức-Phật đã chế-định, tụng bhikkhupātimokkha hằng nửa tháng một lần.

Phần Dịch Nghĩa Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 71 Trong các điều-giới này, tất cả chư tỳ-khưu đoàn kết đồng tâm nhất trí với nhau, cùng nhau hoan-hỷ, không cãi cọ nhau, cùng nhau học hỏi thực hành giữ gìn các điều-giới trong bhikkhupātimokkha. (Xong bhikkhupātimokkha.)

Phạm 4 điều-giới pārājika āpatti với 4 ví dụ 1- Tỳ-khưu đã hành dâm, phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, ví như người đàn ông bị chặt đứt cái đầu lìa khỏi cổ rồi, không thể còn sống được nữa. Cũng như vậy, vị tỳ-khưu đã hành dâm, đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, không còn là tỳ-khưu, không còn thuộc dòng dõi Sakya nữa, không được

phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khưu có giới trong sạch khác nữa. 2- Tỳ-khưu đã trộm-cắp, phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, ví như chiếc lá vàng lìa khỏi cành rơi xuống đất rồi, không thể gắn dính trở lại tốt tươi như trước được nữa. Cũng như vậy, vị tỳkhưu đã trộm-cắp, đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, không còn là tỳ-khưu, không còn thuộc dòng dõi Sakya nữa, không được phép hành

72 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tăng-sự chung với những vị tỳ-khưu có giới trong sạch khác nữa. 3- Tỳ-khưu đã có tác-ý sát hại sinh-mạng con người (người ấy chết), đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, ví như tảng đá dày bị vỡ ra làm hai mảnh rồi, không thể làm cho dính chắc trở lại được như thế nào. Cũng như vậy, vị tỳ-khưu đã có tác-ý sát hại sinh-mạng con người (người ấy chết), đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, không còn là tỳ-khưu, không còn thuộc dòng dõi Sakya nữa, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khưu có giới trong sạch khác nữa. 4- Tỳ-khưu đã nói-dối khoe pháp cao-nhân mà chính mình không có, đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, ví như cây thốt nốt đã bị đứt ngọn rồi, không thể phát triển tốt tươi trở lại được như thế nào. Cũng như vậy, vị tỳ-khưu đã nói-dối khoe pháp cao-nhân mà chính mình không có, đã phạm điều-giới pārājika āpatti rồi, không còn là tỳkhưu, không còn thuộc dòng dõi Sakya nữa, không được phép hành Tăng-sự chung với những vị tỳ-khưu có giới trong sạch khác nữa. Uttarimanussadhamma: Pháp cao-nhân nghĩa là

Phần Dịch Nghĩa Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt Thứ Nhì 73 các pháp của bậc cao-nhân đó là 5 bậc thiền sắcgiới thiện-tâm, 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, 5 phép-thần-thông (abhiññā) đối với các hạng phàm-nhân. Và 4 Thánh-đạo-tâm, 4 Thánh-quả-tâm và Niết-bàn thuộc về 9 pháp siêu-tam-giới là pháp cao-nhân của 4 bậc Thánh-nhân trong Phật-giáo (bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, bậc Thánh A-ra-hán).

Tỳ-khưu phạm điều-giới pārājika āpatti

Nếu vị tỳ-khưu nào đã phạm 1 trong 4 điềugiới pārājika āpatti nào rồi, thì vị tỳ-khưu ấy đã bị bại hoại phẩm-hạnh tỳ-khưu, không còn là tỳkhưu nữa. Nếu vị tỳ-khưu đã phạm điều-giới pārājika āpatti ấy rồi, không thay đổi y phục của người tại gia mà vẫn còn mặc y cà-sa màu lõi mít của tỳkhưu thì mọi thiện-pháp không phát sinh, chỉ có ác-pháp phát sinh mà thôi. Sau khi chết, ácnghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

74 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Nếu vị tỳ-khưu đã phạm điều-giới pārājika āpatti ấy rồi, liền thay y phục của người tại gia, xin thọ trì Tam-quy và ngũ-giới hoặc bát-giới uposathasīla, trở thành người cận-sự-nam, hoặc xin làm lễ xuất gia trở thành vị sa-di, thì mọi thiện-pháp có khả năng phát triển như phướcthiện bố-thí, phước-thiện giữ-giới, phước-thiện hành thiền, v.v... Sau khi cận-sự-nam hoặc vị sa-di chết, đạithiện-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới, hưởng sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo

nghiệp và quả của nghiệp. Nếu chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiệntâm nào thì sau khi chết, chắc chắn sắc-giới thiệnnghiệp trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy cho quả tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tương xứng với bậc thiền sắc-giới quả-tâm ấy, hưởng sự an-lạc cho đến hết tuổi thọ trên tầng trời sắc-giới phạmthiên ấy, rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp.

Lễ Sám Hối Āpatti 75

Lễ sám hối āpatti Lễ sám hối āpatti là nghi lễ theo truyền thống được Đức-Phật chế-định đối với tỳ-khưu đã phạm điều-giới. Giới của tỳ-khưu trong bhikkhupātimokkha gồm có 227 điều-giới, còn trong Tạngluật gồm có 91.805.036.000 điều-giới. (1) Mỗi vị tỳ-khưu phàm-nhân giữ gìn các điềugiới của mình cho được trong sạch trọn vẹn, đó là việc không dễ, nên Đức-Phật chế-định nghi thức lễ sám hối āpatti đối với vị tỳ-khưu nào biết mình đã phạm điều-giới nhẹ nào rồi, để vị tỳ-khưu ấy xin làm lễ sám hối āpatti với vị tỳ-khưu khác không phạm điều-giới có đối-tượng phạm điềugiới giống như mình. Sau khi vị tỳ-khưu ấy làm lễ sám hối āpatti xong, vị tỳ-khưu ấy có giới trong sạch trở lại. Đức-Phật chế-định rằng: Bhagavā paññattaṃ “na sāpattikena uposatho kātabbo.” (2)

1
Visuddhimagga, Sīlaniddesa, …
2
Vi. Mahāvagga, Uposathakkhandhaka, Āpattipaṭikamma.
76 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Đức-Thế-Tôn chế-định rằng: Tỳ-khưu phạm điều-giới không được phép hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha tại Sīmā. Vì vậy, nếu vị tỳ-khưu nào biết mình đã phạm điều-giới nhẹ nào, thì vị tỳ-khưu ấy cần phải tìm vị tỳ-khưu khác không phạm điều-giới giống như mình, xin làm lễ sám hối điều-giới ấy. Sau khi vị tỳ-khưu ấy làm lễ sám hối āpatti xong rồi, vị tỳ-khưu ấy có giới trong sạch trở lại, được phép hành Tăng-sự trong ngày Saṃgha uposatha, nghe tụng bhikkhupātimokkha, hoặc hành lễ pavāraṇā, đọc lời pavāraṇā 3 lần giữa chư tỳ-khưu-Tăng tại Sīmā. Giới của tỳ-khưu Giới của tỳ-khưu trong bhikkhupātimokkha có 227 điều-giới được phân chia ra làm 7 loại giới: 1- Giới pārājika: Giới bại hoại tỳ-khưu, có 4 điều-giới. 2- Giới saṃghādisesa: Giới hành phạt, vẫn còn là tỳ-khưu, có 13 điều-giới. 3- Giới aniyata: Giới bất định, có 2 điều-giới. 4- Giới nissaggiyapācittiya: Xả đối-tượng phạm giới rồi sám hối, có 30 điều-giới.

Lễ Sám Hối Āpatti 77

5- Giới pācittiya: Giới sám hối được, có 92 điều-giới. 6- Giới pāṭidesanīya: Giới sám hối riêng rẽ, có 4 điều-giới. 7- Giới sekhiya: Giới hành, có 75 điều-giới. 8- Điều adhikaraṇasamatha: có 8 điều giảng hòa.

Phạm điều-giới (āpatti) Tỳ-khưu phạm điều-giới có 7 loại: 1- Pārājika āpatti: Tỳ-khưu nào phạm 1 điềugiới nào trong 4 điều-giới pārājika bại hoại, thì tỳ-khưu ấy không còn

phẩm-hạnh tỳ-khưu nữa. 2- Saṃghādisesa āpatti: Tỳ-khưu nào phạm 1 điều-giới nào trong 13 điều-giới saṃghādisesa, tỳ-khưu ấy vẫn còn là tỳ-khưu, nhưng phải xin chư tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự hành phạt tỳkhưu ấy đúng theo luật mà Đức-Phật chế-định. 3- Thullaccaya āpatti: Tỳ-khưu phạm điều-giới nặng kém thua 2 điều-giới trên, có thể sám hối. 4- Pācittiya āpatti: Tỳ-khưu nào phạm điềugiới nào trong 92 điều-giới pācittiya, tỳ-khưu ấy sám hối điều-giới ấy. 5- Pāṭidesanīya āpatti: Tỳ-khưu nào phạm

điều-giới nào trong 4 điều-giới pāṭidesanīya, tỳkhưu ấy sám hối riêng rẽ mỗi điều-giới ấy. 6- Dukkaṭa āpatti: Tỳ-khưu nào phạm điềugiới dukkaṭa (làm bậy), tỳ-khưu ấy sám hối điềugiới ấy. 7- Dubbhāsita āpatti: Tỳ-khưu nào phạm điều-giới dubbhāsita (nói bậy), tỳ-khưu ấy sám hối điều-giới ấy. 7 loại phạm điều-giới chia ra làm 2 loại: 1- Garuka āpatti: Phạm điều-giới nặng, có 2 loại là pārājika āpatti và saṃghādisesa āpatti. * Tỳ-khưu nào phạm điều-giới bại hoại (pārājika) thì vị tỳ-khưu ấy không còn là tỳ-khưu nữa, suốt đời không thể xuất gia trở thành tỳkhưu mà chỉ có thể xuất gia trở thành sa-di, hoặc là cận-sự-nam sống tại gia. * Tỳ-khưu nào phạm điều-giới saṃghādisesa nào, tỳ-khưu ấy vẫn còn là tỳ-khưu, nhưng mà tỳkhưu ấy phải liền trình ngay saṃghādisesa āpatti ấy với vị tỳ-khưu khác, không nên giấu āpatti, rồi đến xin chư tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự hành phạt tỳ-khưu ấy đúng theo luật mà Đức-Phật đã chế-định.

Lễ Sám Hối Āpatti 79 Vị tỳ-khưu ấy đến xin trình chư tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, xin hành phạt parivāsakamma suốt thời gian phạm điều-giới saṃghādisesa āpatti xong, rồi tiếp theo xin hành phạt mānattakamma suốt 6 đêm xong, rồi cuối cùng xin chư tỳ-khưu-Tăng có ít nhất 21 vị tỳ-khưu hành Tăng-sự tụng abhānañattikammavācā xong, vị tỳ-khưu ấy thoát ra khỏi saṃghādisesa āpatti, trở lại vị tỳ-khưu có giới trong sạch như trước. 2- Lahuka āpatti: Phạm điều-giới nhẹ có 5 loại còn lại là thullaccaya āpatti, pācittiya āpatti, pāṭidesanīya āpatti, dukkaṭa āpatti, dubbhāsita āpatti. Nếu vị tỳ-khưu nào phạm āpatti nhẹ thì vị tỳkhưu ấy đi tìm một vị tỳ-khưu khác không cùng phạm āpatti nhẹ có đối-tượng giống như mình để xin làm lễ sám hối āpatti, bởi vì Đức-Phật không cho phép các tỳ-khưu phạm sabhāga āpatti sám hối với nhau. Sabhāga āpatti nghĩa là phạm điều-giới có đối-tượng giống nhau. Ví dụ: Vị tỳ-khưu A với vị tỳ-khưu B cùng phạm điều-giới pācittiya có đốitượng giống nhau, gọi là sabhāga āpatti. Như vậy, vị tỳ-khưu A với vị tỳ-khưu B không được phép sám hối pācittiya āpatti với nhau.

Như Đức-Phật truyền dạy rằng: “Bhagavā paññattaṃ na sabhāgā āpatti desetabbā, na sabhāgā āpatti paṭiggahetabbā.” (1) - Đức-Thế-Tôn chế-định tỳ-khưu có sabhāga āpatti không được phép sám hối với tỳ-khưu có sabhāga āpatti với nhau, và tỳ-khưu có sabhāga āpatti không được phép nhận sám hối với tỳ-khưu có sabhāga āpatti với nhau. Vì vậy, vị tỳ-khưu này tìm một vị tỳ-khưu kia không phạm điều-giới chung sabhāga

āpatti, để xin làm lễ sám hối āpatti với nhau. Sau khi tỳ-khưu ấy làm lễ sám hối āpatti xong thì giới của tỳ-khưu ấy được trong sạch trở lại. Nghi thức lễ sám hối āpatti Lễ sám hối āpatti là lễ nghi theo truyền thống mà Đức-Phật đã chế-định đối với chư tỳ-khưu. Mỗi khi vị tỳ-khưu nào biết mình phạm các điều-giới nhẹ nào, giới không trong sạch thì vị tỳkhưu ấy tìm đến một vị tỳ-khưu khác không phạm điều-giới giống mình, để xin làm lễ sám hối āpatti. Sau khi làm lễ sám hối āpatti xong, giới của vị tỳ-khưu ấy được trong sạch trở lại. 1 Vi. Mahāvagga, Uposathakkhandhaka, Sabhāga āpatti.

Lễ Sám Hối Āpatti 81

Sau đây, trình bày nghi thức làm lễ sám hối āpatti theo chư tỳ-khưu Myanmar. Theo Tạng Luật, hai vị tỳ-khưu làm lễ sám hối āpatti với nhau, đều ngồi chồm hổm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), đều chắp hai tay trên trán (añjaliṃ paggahetvā) làm lễ sám hối āpatti lẫn nhau. 1- Trường-hợp vị tỳ-khưu nhỏ-hạ xin làm lễ sám hối nhiều āpatti nhẹ với vị tỳ-khưu lớn-hạ, qua cuộc đối thoại giữa vị tỳ-khưu nhỏ-hạ xin sám hối nhiều āpatti nhẹ với vị tỳ-khưu lớn-hạ: N. hạ (1): Ahaṃ Bhante, sabbā āpattiyo āvikaromi. L. hạ: Sādhu! Sādhu! N. hạ: Ahaṃ Bhante, sambahulā nānāvatthukā sabbā āpattiyo āpajjiṃ, tā tumhamūle patidesemi. L. hạ: Passasi āvuso, tā āpattiyo? N. hạ: Āma Bhante, passāmi. L. hạ: Ayatiṃ āvuso, saṃvareyyāsi. N. hạ: Sādhu! Suṭṭhu Bhante, saṃvarissāmi. L. hạ: Sādhu! Sādhu!

1 N. hạ: viết tắt tỳ-khưu nhỏ-hạ và L. hạ: viết tắt tỳ-khưu lớn-hạ.

82 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Sau khi vị tỳ-khưu nhỏ-hạ làm lễ sám hối nhiều āpatti nhẹ xong thì giới của vị tỳ-khưu nhỏ-hạ được trong sạch trở lại. 2- Trường-hợp vị tỳ-khưu lớn-hạ làm lễ sám hối nhiều āpatti nhẹ với vị tỳ-khưu nhỏ-hạ, qua cuộc đối thoại giữa vị tỳ-khưu lớn-hạ sám hối nhiều āpatti nhẹ với vị tỳ-khưu nhỏ-hạ như sau: L. hạ: Ahaṃ āvuso, sabbā āpattiyo āvikaromi. N. hạ: Sādhu! Sādhu! Bhante. L. hạ: Ahaṃ āvuso, sambahulā nānāvatthukā sabbā āpattiyo āpajjiṃ, tā tuyhamūle patidesemi. N. hạ: Passatha Bhante, tā āpattiyo? L. hạ: Āma āvuso, passāmi. N. hạ: Ayatiṃ Bhante, saṃvareyyātha. L. hạ: Sādhu! Suṭṭhu āvuso, saṃvarissāmi. N. hạ: Sādhu! Sādhu! Bhante. Sau khi vị tỳ-khưu lớn-hạ làm lễ sám hối nhiều āpatti nhẹ xong thì giới của vị tỳ-khưu lớn-hạ được trong sạch trở lại. 3- Trường-hợp 2 vị tỳ-khưu đều phạm nhiều điều-giới nhẹ, nếu có sabhāga āpatti mà đã sám hối lẫn nhau, thì vị tỳ-khưu nhỏ-hạ xin sám hối bị

Lễ Sám Hối Āpatti 83 phạm điều-giới dukkaṭa mới, và vị tỳ-khưu lớn-hạ nhận sám hối cũng bị phạm điều-giới dukkaṭa mới. * Tiếp theo vị tỳ-khưu lớn-hạ làm lễ sám hối nhiều āpatti nhẹ cũ và dukkaṭa āpatti mới với vị tỳ-khưu nhỏ-hạ, nên sau khi vị tỳ-khưu lớn-hạ làm lễ sám hối xong thì giới của vị tỳ-khưu lớnhạ được trong sạch trở lại. * Khi vị tỳ-khưu nhỏ-hạ làm lễ sám hối nhiều āpatti nhẹ cũ xong, nhiều điều-giới nhẹ cũ đều được trong sạch, nhưng mà còn phạm điều-giới dukkaṭa āpatti mới chưa được trong sạch. Cho nên, vị tỳ-khưu nhỏ-hạ cần phải xin làm lễ sám hối dukkaṭa āpatti mới một lần nữa như sau: N. hạ: Ahaṃ Bhante, sambahulā nānāvatthukā sabbā āpattiyo āpajjiṃ, tā tumhamūle patidesemi. L. hạ: Passasi āvuso, tā āpattiyo? N. hạ:

Āma Bhante, passāmi. L. hạ: Ayatiṃ āvuso, saṃvareyyāsi. N. hạ: Sādhu! Suṭṭhu Bhante, saṃvarissāmi. L. hạ: Sādhu! Sādhu! Như vậy, sau khi vị tỳ-khưu nhỏ hạ xin làm lễ sám hối nhiều āpatti một lần nữa, thì giới của vị tỳ-khưu nhỏ trở lại hoàn toàn trong sạch.

Pháp-hành phận-sự (vatta) có 14 loại

Tỳ-khưu cần phải giữ gìn các điều-giới trong bhikkhupātimokkha gồm có 227 điều-giới cho được trong sạch; và thực hành nghiêm chỉnh đầy đủ 14 pháp-hành phận-sự chu đáo của tỳ-khưu, sa-di theo Tạng luật phần Cūḷavagga như sau: 1- Āgantukavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳkhưu, sa-di khách đến chùa. 2- Āvasikavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳkhưu, sa-di chủ ở trong chùa. 3- Gamikavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳkhưu, sa-di sắp đi xa. 4- Anumodanavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳ-khưu, sa-di nói đạo, thuyết pháp làm cho thíchủ phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ. 5- Bhattaggavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳkhưu, sa-di tại nơi trai-đường. 6- Piṇḍacārikavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳ-khưu, sa-di khi đi khất thực. 7- Āraññikavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳkhưu, sa-di ở trong rừng.

 8- Senāsanavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳkhưu, sa-di nơi chỗ ở, xung quanh chùa, … giữ gìn sạch sẽ, gọn gàng. 9- Jantāgharavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳ-khưu, sa-di trong nhà tắm hơi nóng. 10- Vaccakuṭivatta: Pháp-hành phận-sự của tỳ-khưu, sa-di nơi nhà vệ sinh: cần phải có nước đầy đủ và sạch sẽ. 11- Upajjhāyavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳkhưu, sa-di phục vụ chu đáo đối với vị Thầy tế-độ. 12- Siddhivihārikavatta: Pháp-hành phận-sự của vị Thầy tế-độ đối với đệ-tử là tỳ-khưu, sa-di. 13- Ācariyavatta: Pháp-hành phận-sự của tỳkhưu, sa-di phục vụ chu đáo đối với vị Thầy dạy. 14- Antevāsikavatta: Pháp-hành phận-sự của vị Thầy dạy đối với đệ-tử là tỳ-khưu, sa-di. (1) Đó là 14 pháp-hành phận-sự của tỳ-khưu, sa-di cần phải thực hành nghiêm chỉnh một cách cẩn trọng và chu đáo, để giữ gìn đời sống giới luật trong Phật-giáo.

1 Tìm hiểu đầy đủ trong quyển “Gương Bậc Xuất Gia”, trong phần 14 pháp-hành của tỳ-khưu, sa-di, cùng soạn giả.

Trong phần Vattakkhandhaka, đoạn chót của bài kệ như sau: “Vattaṃ aparipūrento, na sīlaṃ paripūrati. Asuddhasīlo duppañño, cittekaggaṃ na vindati. Vikkhittacittonekaggo, sammā dhammaṃ na passati. Apassamāno saddhammaṃ, dukkhā na parimuccati. Yaṃ vattaṃ paripūrento, sīlampi paripūrati. Visuddhasīlo sappañño, cittekaggampi vindati. Avikkhitacitto ekaggo, sammā dhammaṃ vipassati. Sampassamāno saddhammaṃ, dukkhā so parimuccati. Tasmā hi vattaṃ pūreyya, jinaputto vicakkhaṇo. Ovādaṃ Buddhaseṭṭhassa, tato nibbānamehiti.” (1) Dịch nghĩa Tỳ-khưu, sa-di không thực hành pháp-hành phận-sự đầy đủ, là người không giữ gìn các điều-giới đầy đủ. Hành-giả không giữ gìn giới-hạnh trong sạch, là người thiểu-trí, không có được định tâm. Hành-giả phát sinh phóng-tâm các đối tượng, không thể chứng đắc chánh-pháp. Hành-giả không chứng đắc chánh-pháp, không thể giải thoát

khổ được. 1 Vinayapiṭaka, Cūḷavagga, Vattakkhandhaka.

Lễ Sám Hối Āpatti 87

Hành-giả thực hành pháp-hành phận-sự đầy đủ, cũng là người giữ gìn giới-hạnh đầy đủ. Hành-giả giữ gìn giới-hạnh trong sạch, là bậc có trí-tuệ sáng suốt, có định-tâm vững chắc. Hành-giả không có phóng-tâm, có định-tâm vững trong đối-tượng, chứng đắc chánh-pháp. Khi chứng đắc chánh-pháp Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn, hành-giả ấy giải thoát khổ. Vì vậy, đệ-tử của Đức-Phật có trí-tuệ sáng suốt thực hành nghiêm chỉnh các pháp-hành phận-sự, đó là lời giáo huấn của Đức-Phật cao thượng, từ đó dẫn đến chứng ngộ Niếtbàn giải thoát khổ.

88 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Lễ an cư nhập hạ (1)

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Veḷuvana gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Đức- Thế-Tôn chưa chế-định chư tỳ-khưu an cư nhập hạ trong mùa mưa, nên chư tỳ-khưu đi lại trong mùa lạnh, mùa nóng, mùa mưa. Vì vậy, dân chúng phàn nàn rằng: "Tại sao chư tỳ-khưu thuộc dòng dõi Sakya đi lại trong mùa lạnh, mùa nóng, mùa mưa, giẫm đạp lên mùa màng, các côn trùng nhỏ bé như thế!" Chư tỳ-khưu nghe dân chúng phàn nàn như vậy nên kính bạch chuyện ấy lên Đức-Phật. Nghe chư tỳ-khưu kính bạch chuyện ấy như vậy nên Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép chư tỳkhưu an cư nhập hạ tại một chỗ cố định suốt 3 tháng mùa mưa. Nước Ấn-độ (India) một năm có 3 mùa: 1- Hemanta: Mùa lạnh có 4 tháng từ ngày 16 tháng 10 âm-lịch đến ngày 15 tháng 2 âm-lịch.

1 Vinayapiṭaka. Mahāvagga, Vassūpanāyikakkhandhaka.

Lễ An Cư Nhập Hạ 89

2- Gimhāna: Mùa nóng có 4 tháng từ ngày 16 tháng 2 âm-lịch đến ngày 15 tháng 6 âm-lịch. 3- Vassana: Mùa mưa có 4 tháng từ ngày 16 tháng 6 âm-lịch đến ngày 15 tháng 10 âm-lịch.

Lễ an cư nhập hạ có 2 ngày

Đức-Phật truyền dạy ngày làm lễ an cư nhập hạ có 2 ngày: 1- Purimikā: Ngày lễ an cư nhập hạ trước, hạ trước bắt đầu từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch) cho đến rạng đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) đủ 3 tháng. Trường hợp nếu vị tỳ-khưu nào gặp antarāya (sự trở ngại) không thể an cư nhập hạ trước thì vị tỳ-khưu ấy phải làm lễ an cư nhập hạ sau. 2- Pachimikā: Ngày lễ an cư nhập hạ sau, hạ sau bắt đầu từ ngày 16 tháng 7 (âm-lịch) cho đến rạng đông ngày 16 tháng 10 (âm-lịch) đủ 3 tháng. Đức-Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu đã an cư suốt 3 tháng hạ trước hoặc suốt 3 tháng hạ sau, không được phép bỏ đi nơi khác. Tỳ-khưu nào bỏ đi, tỳkhưu ấy bị phạm điều-giới dukkaṭa.

90 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

- Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu không an cư nhập hạ trong mùa mưa không được. Nếu tỳ-khưu nào không an cư nhập hạ thì tỳ-khưu ấy bị phạm điềugiới dukkaṭa. Lễ phát

nguyện an cư nhập hạ Chư tỳ-khưu chuẩn bị sẽ làm lễ an cư nhập hạ tại chỗ ở nào, cần phải làm chỗ ở, ngôi chùa được an toàn, che mưa che nắng, ngăn ngừa các loài rắn độc, … Chư tỳ-khưu đi đến đảnh lễ ngôi Bảotháp, các Ngài Đại-Trưởng-lão, các Vị Thầy Tổ. Đến ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), chư tỳ-khưu tụ hội tại chánh-điện nơi tôn thờ tượng Đức-Phật, tụng kinh Paritta, rải tâm-từ đến tất cả chúng-sinh muôn loài. Làm lễ phát nguyện an cư nhập hạ rằng: "Imasmiṃ vihāre imaṃ temāsaṃ vassaṃ upemi." (3 lần) - Con xin nguyện an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa trong tịnh-xá này. - Imasmiṃ ārāme: trong ngôi chùa lớn. - Imasmiṃ āvāse: trong ngôi chùa. - Imasmiṃ araññe: trong cốc nhỏ trong rừng. - Imasmiṃ susāne: trong nghĩa địa. - Imāya gūhāyaṃ: trong động. …

Lễ An Cư Nhập Hạ 91

Đức-Phật cho phép tỳ-khưu đi trong vòng 7 ngày Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, cận-sựnam Udena thuê mướn nhóm thợ xây dựng xong một ngôi Tăng-xá tại xóm nhà trong đất nước Kosala, để cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng. Thí-chủ Udena gởi nhóm người đại-diện đi đến ngôi chùa có đông chư tỳ-khưu-Tăng, đảnh lễ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi bạch theo lời của thí-chủ Udena rằng: "Āgacchantu Bhadantā, icchāmi dānañca dātuṃ, dhammañca sotuṃ, bhikkhū ca passituṃ." (1) - Kính bạch chư tỳ-khưu-Tăng, con muốn tạo phước-thiện bố-thí cúng dường ngôi Tăng-xá, nghe pháp, chiêm bái chư tỳ-khưu. Bạch Ngài. Nghe bạch như vậy, chư tỳ-khưu nói nhóm người đại diện về thưa với thí-chủ Udena rằng: - Này cận-sự-nam thí-chủ Udena! Đức-Thế- Tôn chế-định rằng: "Chư tỳ-khưu đang an cư nhập hạ trước hoặc an cư nhập hạ sau tại một chỗ cố định suốt 3 tháng mùa mưa, không được phép rời đi nơi khác. 1 Vinayapiṭaka, Mahāvagga, Sattāhakaraṇīyānujānanā.

92 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Vì vậy, xin cận-sự-nam Udena chờ đợi sau khi chư tỳ-khưu ra hạ xong, chư tỳ-khưu sẽ đi đến nơi ấy. Nhưng nếu cận-sự-nam cần gấp thì hãy làm lễ dâng cúng dường ngôi Tăng-xá đến chư tỳ-khưu tại bản xứ trong đất nước Kosala." Khi biết chư tỳ-khưu không đến, cận-sự-nam thí-chủ Udena không hài lòng, phàn nàn. Chư tỳ-khưu kính bạch chuyện này lên Đức- Phật. Do nhân chuyện này, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Khi nhóm 7 người có gởi người đại-diện đến thỉnh mời, Như-lai cho phép đi và trở về trong vòng 7 ngày (sattāhakaraṇīya). Nếu không có gởi người đại-diện đến thỉnh mời thì Như-lai không cho phép đi. Nhóm 7 người đó là tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sikkhamānā, sa-di, sa-di-ni, cận-sự-nam, cận-sự-nữ. - Này chư tỳ-khưu! Khi trong nhóm 7 người này có gởi người đại-diện đến thỉnh mời, Như-lai cho phép đi và trở về trong vòng 7 ngày (sattāhakaraṇīya). Nếu họ không gởi người đại-diện đến thỉnh mời thì Như-lai không cho phép đi. - Này chư tỳ-khưu! Cận-sự-nam thí-chủ đã cho

Lễ An Cư Nhập Hạ 93 xây dựng ngôi vihāra, để tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, khi thí-chủ ấy có gởi người đại-diện đến thỉnh mời, Như-lai cho

phép đi và trở về trong vòng 7 ngày (sattāhakaraṇīya). Nhưng nếu không gởi người đại-diện đến thỉnh mời thì Như-lai không cho phép đi. * Thuở nọ, vị tỳ-khưu lâm bệnh, gởi người đạidiện đi đến ngôi chùa có nhiều vị tỳ-khưu, đảnh lễ chư tỳ-khưu, bạch theo lời của vị tỳ-khưu rằng: - Kính bạch chư tỳ-khưu, tôi đang lâm bệnh, kính thỉnh chư tỳ-khưu đến tìm cách chữa trị bệnh cho tôi. Bạch quý Ngài. Chư tỳ-khưu kính bạch chuyện này lên Đức- Phật. Nghe như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Khi sahadhammika: bạn đồng xuất gia bị bệnh, dù không có gởi người đại-diện thỉnh mời, Như-lai vẫn cho phép đi và trở về trong vòng 7 ngày (sattāhakaraṇīya), huống gì có gởi người đại-diện đến thỉnh mời. Sahadhammika: Bạn đồng xuất gia, đó là tỳkhưu, tỳ-khưu-ni, sikkhamānā (1), sa-di, sa-di-ni.

1 Sikkhamānā: Tu-nữ đang thực hành để trở thành tỳ-khưu-ni.

- Này chư tỳ-khưu! Khi trong nhóm sahadhammika lâm bệnh, dù không có gởi người đạidiện thỉnh mời, Như-lai vẫn cho phép đi và trở về trong vòng 7 ngày (sattāhakaraṇīya). Vị tỳ-khưu đến thăm sahadhammika lâm bệnh với tác-ý tìm gilānabhatta (vật thực thích hợp với tỳ-khưu bệnh), gilānupaṭṭhākabhatta (vật thực cho tỳ-khưu nuôi bệnh), gilānabhesajja (thuốc cho tỳkhưu bệnh), chăm sóc tỳ-khưu bệnh, … nhưng mà tỳ-khưu ấy phải trở về trong vòng 7 ngày. * Thuở nọ, mẫu-thân của vị tỳ-khưu lâm bệnh, gởi người đại-diện đi đến gặp vị tỳ-khưu vốn là con trai, đảnh lễ vị tỳ-khưu, bạch theo lời của mẫu-thân rằng: - Kính bạch tỳ-khưu, mẹ đang lâm bệnh, xin thỉnh tỳ-khưu về thăm, mẹ rất trông mong đảnh lễ tỳ-khưu. Chư tỳ-khưu kính bạch chuyện này lên Đức- Phật. Nghe như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Khi trong nhóm 7 người đó là tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sikkhamānā, sa-di, sadi-ni và mẫu-thân, phụ-thân của tỳ-khưu lâm bệnh, dù không có gởi người đại-diện thỉnh mời,

 Như-lai vẫn cho phép đi và trở về trong vòng 7 ngày (sattāhakaraṇīya), huống gì có gởi người đại-diện đến thỉnh mời.

Nguyện đi và về trong vòng 7 ngày

Trong khi đang an cư nhập hạ tại một ngôi chùa, vị tỳ-khưu có lý do chính đáng được phép đi ra khỏi chùa và trở về trong vòng 7 ngày. Trước khi đi vị tỳ-khưu phát nguyện rằng: “Anto sattāhe paṭinivattissāmi.” (3 lần) (Tôi sẽ trở về trong vòng 7 ngày.) (3 lần) (Phát nguyện bằng tiếng Pāḷi hoặc tiếng Việt đều hợp pháp. Nếu vị tỳ-khưu nào đi quá 7 đêm, thì vị tỳ-khưu ấy bị đứt hạ và bị phạm điều-giới dukkaṭa.)

Tỳ-khưu nhập hạ gặp tai nạn

Chư tỳ-khưu đang an cư nhập hạ tại ngôi chùa gần ven rừng, gặp các loài thú dữ đến làm tai hại đến sinh-mạng. Chư tỳ-khưu kính bạch chuyện ấy lên Đức- Phật. Nghe như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này chư tỳ-khưu! Nếu chư tỳ-khưu đang an cư nhập hạ mà bị các loài thú dữ làm tai hại đến sinh-mạng, thì các con hãy đi nơi khác lánh nạn. Đó là tai nạn (antarāya) nên các con không phạm điều-giới dukkaṭa, nhưng bị đứt hạ. Tương tự cho những trường hợp sau: - Xóm làng bị nạn cháy thiêu hủy nên chư tỳkhưu đi khất thực không đủ sống. - Xóm làng bị nạn lũ lụt tàn phá nên chư tỳkhưu đi khất thực không đủ sống. - Xóm làng bị nạn dịch có nhiều gia đình chết nên chư tỳ-khưu đi khất thực không đủ sống, … Chư tỳ-khưu đang an cư nhập hạ tại nơi nào gần xóm làng, nếu bị nạn như vậy thì chư tỳ-khưu hãy tránh đi nơi khác lánh nạn. Đó là tai nạn (antarāya) nên chư tỳ-khưu không phạm điều-giới dukkaṭa, nhưng bị đứt hạ.

Lễ Pavāraṇā 97

Lễ Pavāraṇā Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī. Theo thông lệ, sau khi chư tỳ-khưu an cư nhập hạ xong, cùng nhau đến hầu đảnh lễ Đức-Phật. Theo thông lệ, Đức-Phật truyền hỏi chư tỳkhưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Thân tứ-đại của các con được điều hòa hay không? Các con có kham nhẫn nỗi thọ khổ không? Các con sống hòa thuận nhau, chăm sóc lẫn nhau, không cãi cọ nhau, an cư nhập hạ được an-lạc suốt 3 tháng mùa mưa phải không? Hằng ngày các con đi khất thực nuôi mạng không vất vả phải không? Chư tỳ-khưu kính bạch với Đức-Phật rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thân tứ-đại của chúng con được điều hòa, chúng con kham nhẫn nỗi thọ khổ. Chúng con sống hòa thuận nhau, biết chăm sóc lẫn nhau, không cãi cọ nhau, an cư nhập hạ được an-lạc trong suốt 3 tháng mùa mưa. Hằng ngày chúng con đi khất thực nuôi mạng không vất vả. Bạch Ngài.

98 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Chư tỳ-khưu an cư nhập hạ suốt ba tháng mùa mưa, Đức-Phật cho phép hành lễ pavāraṇā rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép chư tỳkhưu an cư nhập hạ suốt ba tháng mùa mưa, được phép hành lễ pavāraṇā với 3 điều: do lỗi đã thấy (diṭṭhena vā), hoặc do lỗi đã nghe (sutena vā), hoặc do nghi ngờ lỗi (parisaṅkāya vā). Lễ pavāraṇā này là cách để các con nhắc nhở lẫn nhau và là cách giúp các con thoát khỏi āpatti, cũng là cách biết giữ gìn, tôn trọng giớiluật của các con.

Ngày lễ pavāraṇā

* Chư tỳ-khưu nào an cư nhập hạ trước từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), suốt ba tháng mùa mưa đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā, qua rạng đông ngày 16 tháng 9 (âmlịch) là ngày mãn 3 tháng hạ trước. * Chư tỳ-khưu nào an cư nhập hạ sau từ ngày 16 tháng 7 (âm-lịch), suốt ba tháng mùa mưa đến ngày rằm (15) tháng 10 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā, qua rạng đông ngày 16 tháng 10 (âmlịch) là ngày mãn 3 tháng hạ sau.

Lễ Pavāraṇā 99 Nghi thức hành lễ pavāraṇā Ngày chư tỳ-khưu-Tăng hành lễ pavāraṇā thay thế ngày lễ tụng bhikkhupātimokkha, nghi thức phần đầu lễ pavāraṇā giống như nghi thức lễ tụng bhikkhupātimokkha, chỉ có khác lễ pavāraṇā mà thôi. Ngày hành lễ pavāraṇā có chư tỳ-khưu từ 5 vị tỳ-khưu trở lên, chư tỳ-khưu-Tăng đều có giới trong sạch tụ hội hành Tăng-sự hành lễ Saṃghapavāraṇā tại Sīmā như sau: 1- Pubbakaraṇa:

4 việc làm trước Sammajjanī padīpo ca, udakaṃ āsanena ca. Pavāraṇāya etāni, “pubbakaraṇan”ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pubbakaraṇāni katāni. 2- Pubbakicca: 5 phận-sự trình trước Chandapavāraṇā utukkhānaṃ, bhikkhugaṇanā ca ovādo. Pavāraṇāya etāni, “pubbakiccan”ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni pañca pubbakiccāni katāni. 3- Pattakalla: 4 điều hợp thời đúng luật

Pavāraṇā yāvatikā ca bhikkhū kammappattā, Sabhāgāpattiyo ca na vijjanti. Vajjanīyā ca puggalā tasmiṃ na honti, “pattakallan”ti vuccati. Aṭṭhakathācariyehi vuttāni cattāri pattakallaṅgāni samānītāni. Pubbakaraṇapubbakiccāni samāpetvā desitāpattikassa samaggassa bhikkhusaṃghassa anumatiyā pavāraṇāñattiṃ ṭhapetuṃ ārādhanaṃ karoma. (Sau khi vị tỳ-khưu luật sư trình bày xong các điều trên.) Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đều đồng thanh nói lên lời rằng: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa. (3 lần) Tụng tuyên-ngôn Saṃghapavāraṇāñatti Suṇātu me Bhante (1) (Āvuso) saṃgho, ajja pavāraṇā pannarasī yadi saṃghassa pattakallaṃ, saṃgho tevāsikaṃ pavāreyya.

1 Vị tỳ-khưu nhỏ hạ dùng từ “Bhante”, Ngài Trưởng-lão cao hạ dùng từ “Āvuso”.

Lễ Pavāraṇā 101 Kính bạch chư Đại-đức-Tăng, kính xin chư tỳkhưu-Tăng nghe rõ lời tuyên-ngôn pavāraṇā của tôi. Hôm nay là ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā, nếu việc hành Tăng-sự lễ pavāraṇā hợp thời đối với chư tỳ-khưu-Tăng, xin chư tỳ-khưu-Tăng thỉnh mời đọc câu pavāraṇā 3 lần. Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đều mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm-hổm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chắp hai tay trên trán (añjaliṃ paggahetvā) đọc câu pavāraṇā 3 lần. Đầu tiên Ngài Đại-Trưởng-lão lớn hạ nhất đọc câu pavāraṇā 3 lần: “Saṃghaṃ āvuso pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Dutiyampi āvuso saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Tatiyampi āvuso saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.” (Thưa chư pháp-đệ, tôi xin chư tỳ-khưu-Tăng,

xin quý vị nhắc nhở tôi với tâm-từ do lỗi của tôi mà quý vị đã thấy, hoặc do lỗi của tôi mà quý vị đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của tôi. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, tôi sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.) (Lần thứ nhì. Lần thứ ba.) Chư tỳ-khưu ngồi chồm hổm, chắp 2 tay trên trán đồng thanh nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Sau khi Ngài Đại-Trưởng-lão lớn hạ nhất đọc câu pavāraṇā 3 lần xong, Ngài có thể ngồi nghỉ tự nhiên như thường. Tiếp theo, Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ kế tiếp đọc câu pavāraṇā 3 lần: “Saṃghaṃ Bhante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Dutiyampi Bhante saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Tatiyampi Bhante saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā

parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.

Lễ Pavāraṇā 103

(Kính bạch chư Đại-đức, tôi kính xin chư tỳkhưu-Tăng, xin quý Đại-đức nhắc nhở tôi với tâm-từ do lỗi của tôi mà quý vị đã thấy, hoặc do lỗi của tôi mà quý vị đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của tôi. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, tôi sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.) (Lần thứ nhì. Lần thứ ba.) Chư tỳ-khưu ngồi chồm hổm, chắp 2 tay trên trán đồng thanh nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Sau khi Ngài Trưởng-lão nhỏ hạ kế tiếp đọc câu pavāraṇā 3 lần xong, Ngài có thể ngồi nghỉ tự nhiên như thường. Và theo tuần tự mỗi vị tỳ-khưu như vậy, cho đến vị tỳ-khưu nhỏ hạ cuối cùng đọc câu pavāraṇā 3 lần: "Saṃghaṃ Bhante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Dutiyampi Bhante saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.

104 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tatiyampi Bhante saṃghaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmanto anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. (Kính bạch chư Đại-đức, con kính xin chư tỳkhưu-Tăng, xin quý Ngài nhắc nhở con với tâm-từ tế độ do lỗi của con mà quý Ngài đã thấy, hoặc do lỗi của con mà quý Ngài đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của con. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, con sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.) (Lần thứ nhì. Lần thứ ba.) Chư tỳ-khưu ngồi chắp 2 tay trên trán đồng thanh nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Như vậy, chư tỳ-khưu-Tăng đã hành Tăng-sự hành lễ pavāraṇā ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) xong, qua rạng đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) là ngày mãn 3 tháng hạ trước. * Chư tỳ-khưu nào an cư nhập hạ sau từ ngày 16 tháng 7 (âm-lịch), suốt ba tháng mùa mưa đến ngày rằm (15) tháng 10 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā. Mọi nghi thức và cách thức hành lễ pavāraṇā hoàn toàn giống như chư tỳ-khưu an cư nhập hạ trước.

Lễ Pavāraṇā 105

Pavāraṇā có 3 loại 1- Saṃghapavāraṇā: Chư tỳ-khưu-Tăng hành lễ pavāraṇā nơi chư tỳ-khưu-Tăng có từ 5 vị tỳkhưu trở lên. 2- Gaṇapavāraṇā: Chư tỳ-khưu hành lễ pavāraṇā nơi nhóm tỳ-khưu chỉ có 4 hoặc 3 hoặc 2 vị tỳ-khưu mà thôi. 3- Puggalapavāraṇā: Tỳ-khưu hành lễ adhiṭṭhānapavāraṇā chỉ có 1 vị tỳ-khưu mà thôi.

Giảng giải 1- Saṃghapavāraṇā có 5 vị tỳ-khưu * Một ngôi chùa chỉ có 5 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ, đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā, chư tỳ-khưu suy nghĩ rằng: "Đức-Phật chế-định rằng: 'Tỳ-khưu phải hành lễ Saṃghapavāraṇā.' Chúng ta có 5 vị tỳ-khưu sẽ hành lễ Saṃghapavāraṇā như thế nào?" Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này. Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng:

106 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

- Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép 5 vị tỳkhưu hành lễ Saṃghapavāraṇā (1) tại Sīmā. 2- Gaṇapavāraṇā có 4 vị tỳ-khưu * Một ngôi chùa chỉ có 4 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ, chư tỳ-khưu suy nghĩ rằng: "Đức-Phật cho phép 5 vị tỳ-khưu hành lễ Saṃghapavāraṇā tại Sīmā. Chúng ta chỉ có 4 vị tỳ-khưu sẽ hành lễ pavāraṇā như thế nào?" Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này. Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép 4 vị tỳkhưu hành lễ gaṇapavāraṇā với nhau tại Sīmā. Mọi nghi thức thực hành như sau: Pubbakaraṇa: 4 việc cần làm trước - Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā. - Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối). - Chuẩn bị nước uống đầy đủ. 1 Mọi nghi thức hành lễ Saṃghapavāraṇā 5 vị tỳ-khưu giống như đã trình bày trong phần Saṃghapavāraṇā từ 5 vị tỳ-khưu trở lên.

Lễ Pavāraṇā 107 - Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khưu. Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khưu đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ pavāraṇā với nhau tại Sīmā. Cách hành lễ gaṇapavāraṇā 4 vị tỳ-khưu Đức-Phật truyền dạy cách hành lễ gaṇapavāraṇā 4 vị tỳ-khưu với nhau như sau: Vị tỳ-khưu có trí-tuệ hiểu biết về luật tụng tuyên-ngôn gaṇapavāraṇāñatti tại Sīmā. Tụng tuyên-ngôn gaṇapavāraṇāñatti (1) Suṇantu me āyasmanto, ajja pavāraṇā pannarasī yadāyasmantānaṃ pattakallaṃ, mayaṃ aññamaññaṃ tevāsikaṃ pavāreyyāma. Vị tỳ-khưu lớn hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán đọc câu pavāraṇā 3 lần với 3 vị tỳ-khưu nhỏ hạ rằng: "Ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.

1 Vi. Mahāvagga, Pavāraṇākkhandhaka, Saṃghapavāraṇā.

108 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Dutiyampi ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Tatiyampi ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. (Này chư pháp-đệ! Tôi xin chư pháp-đệ, xin quý pháp-đệ nhắc nhở tôi với tâm-từ do lỗi của tôi mà quý vị đã thấy, hoặc do lỗi của tôi mà quý vị đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của tôi. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, tôi sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.) (Lần thứ nhì. Lần thứ ba.) Ba vị tỳ-khưu nhỏ hạ ngồi chồm hổm chắp tay trên trán nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Sau khi vị tỳ-khưu lớn hạ nhất đọc câu pavāraṇā 3 lần xong. Tiếp theo, 3 vị tỳ-khưu nhỏ hạ tuần tự mỗi vị tỳ-khưu đọc câu pavāraṇā 3 lần, vị tỳ-khưu nhỏ hạ nhất đọc như sau: "Ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.

Lễ Pavāraṇā 109 Dutiyampi ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Tatiyampi ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. (Kính bạch chư pháp-huynh, đệ kính xin chư pháp-huynh, xin quý

pháp-huynh nhắc nhở đệ với tâm-từ tế độ do lỗi của đệ mà quý vị đã thấy, hoặc do lỗi của đệ mà quý vị đã nghe, hoặc do nghi ngờ lỗi của đệ. Khi nhận thức thấy rõ lỗi, đệ sẽ sửa lại cho được hoàn thiện.) (Lần thứ nhì. Lần thứ ba.) Ba vị tỳ-khưu ngồi chắp hai tay trên trán nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Bốn vị tỳ-khưu đã hành lễ pavāraṇā xong.

2.1- Gaṇapavāraṇā có 3 vị tỳ-khưu

* Một ngôi chùa chỉ có 3 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ, chư tỳ-khưu suy nghĩ rằng: "Đức-Phật cho phép 4 vị tỳ-khưu hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā.

Chúng ta chỉ có 3 vị tỳ-khưu sẽ hành lễ pavāraṇā như thế nào?" Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này. Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép 3 vị tỳkhưu hành lễ gaṇapavāraṇā với nhau tại Sīmā. Mọi nghi thức thực hành như sau: Pubbakaraṇa: 4 việc cần làm trước - Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā. - Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối). - Chuẩn bị nước uống đầy đủ. - Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khưu. Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khưu đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ pavāraṇā với nhau tại Sīmā.

Cách hành lễ gaṇapavāraṇā 3 vị tỳ-khưu Đức-Phật truyền dạy cách hành lễ gaṇapavāraṇā 3 vị tỳ-khưu với nhau như sau: Vị tỳ-khưu có trí-tuệ hiểu biết về luật tụng tuyên-ngôn gaṇapavāraṇāñatti tại Sīmā.

Lễ Pavāraṇā 111 Tụng tuyên-ngôn gaṇapavāraṇāñatti (1) Suṇantu me āyasmantā, ajja pavāraṇā pannarasī yadāyasmantānaṃ pattakallaṃ, mayaṃ aññamaññaṃ tevāsikaṃ pavāreyyāma. Vị tỳ-khưu lớn hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán đọc câu pavāraṇā 3 lần với 2 vị tỳ-khưu nhỏ hạ rằng: "Ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Dutiyampi ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Tatiyampi ahaṃ āvuso āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Hai vị tỳ-khưu nhỏ hạ ngồi chồm hổm chắp tay trên trán nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Sau khi vị tỳ-khưu lớn hạ nhất đọc câu pavāraṇā 1 Vi. Mahāvagga, Pavāraṇākkhandhaka, Saṃghapavāraṇā.

3 lần xong. Tiếp theo, 2 vị tỳ-khưu nhỏ hạ theo tuần tự mỗi vị tỳ-khưu đọc câu pavāraṇā 3 lần: "Ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Dutiyampi ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Tatiyampi ahaṃ Bhante āyasmante pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadantu maṃ āyasmantā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Hai vị tỳ-khưu ngồi chắp hai tay trên trán nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu!

Ba vị tỳ-khưu đã hành lễ pavāraṇā xong.

2.2- Gaṇapavāraṇā có 2 vị tỳ-khưu * Một ngôi chùa chỉ có 2 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ, chư tỳ-khưu suy nghĩ rằng: "Đức-Phật cho phép 3 vị tỳ-khưu hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā. Chúng ta chỉ có 2 vị tỳ-khưu sẽ hành lễ pavāraṇā như thế nào?"

Lễ Pavāraṇā 113 Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này. Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép 2 vị tỳkhưu hành lễ gaṇapavāraṇā với nhau tại Sīmā. Mọi nghi thức thực hành như sau: Pubbakaraṇa: có 4 việc cần làm trước - Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā. - Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối). - Chuẩn bị nước uống đầy đủ. - Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khưu. Đó là 4 việc cần làm trước khi chư tỳ-khưu đều có các điều-giới trong sạch tụ hội hành lễ pavāraṇā với nhau tại Sīmā. Cách hành lễ gaṇapavāraṇā 2 vị tỳ-khưu Đức-Phật truyền dạy cách hành lễ gaṇapavāraṇā 2 vị tỳ-khưu với nhau như sau: Hai vị tỳ-khưu không tụng tuyên-ngôn ñatti, mà mỗi vị tỳ-khưu đọc câu pavāraṇā 3 lần. Vị tỳ-khưu lớn hạ mặc y vai trái chừa vai bên phải, ngồi chồm hổm, chắp hai tay trên trán đọc câu pavāraṇā 3 lần với 1 vị tỳ-khưu nhỏ hạ rằng:

"Ahaṃ āvuso āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Dutiyampi ahaṃ āvuso āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Tatiyampi ahaṃ āvuso āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Vị tỳ-khưu nhỏ hạ ngồi chồm hổm chắp tay trên trán nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Sau khi vị tỳ-khưu lớn hạ đọc câu pavāraṇā 3 lần xong. Tiếp theo, vị tỳ-khưu nhỏ hạ đọc câu pavāraṇā 3 lần: "Ahaṃ Bhante āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi. Dutiyampi ahaṃ Bhante āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi.

Tatiyampi ahaṃ Bhante āyasmantaṃ pavāremi, diṭṭhena vā sutena vā parisaṅkāya vā, vadatu maṃ āyasmā anukampaṃ upādāya, passanto paṭikarissāmi." Vị tỳ-khưu lớn hạ ngồi chắp hai tay trên trán nói lời: Sādhu! Sādhu! Sādhu! Hai vị tỳ-khưu đã hành lễ pavāraṇā xong.

3- Puggalapavāraṇā có 1 vị tỳ-khưu * Một chỗ chỉ có 1 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ, vị tỳ-khưu suy nghĩ rằng: "Đức-Phật cho phép 2 vị tỳ-khưu hành lễ gaṇapavāraṇā tại Sīmā. Ta chỉ có một mình sẽ hành lễ pavāraṇā như thế nào?" Vị tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch hỏi về chuyện này. Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Một chỗ ở chỉ có 1 vị tỳkhưu an cư nhập hạ, đến ngày lễ pavāraṇā vị tỳkhưu cần phải thực hành mọi nghi thức như sau: Pubbakaraṇa: 4 việc cần làm trước - Quét lau sạch sẽ tại chỗ Sīmā.

- Đốt đèn thắp sáng tại Sīmā (khi trời tối). - Chuẩn bị nước uống đầy đủ. - Trải tọa-cụ chỗ ngồi cho chư tỳ-khưu. Vị tỳ-khưu ấy chờ đợi chư tỳ-khưu khách đến, để cùng chung hành lễ pavāraṇā. Nếu không có vị tỳ-khưu khách nào đến thì vị tỳ-khưu ấy một mình thực hành adhiṭṭhānapavāraṇā (phát nguyện pavāraṇā) rằng: "Ajja me pavāraṇā pannarasī." (Hôm nay ngày rằm (15) là ngày pavāraṇā của tôi.) Ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā. Nếu vị tỳ-khưu nào không hành lễ pavāraṇā thì vị tỳ-khưu ấy phạm điều-giới dukkaṭa āpatti.

Tỳ-khưu có āpatti không được dự lễ pavāraṇā Thuở ấy, nhóm 6 tỳ-khưu chabbaggiya có āpatti vào hành lễ pavāraṇā. Chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, bạch chuyện này. Đức-Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu có āpatti không được phép vào ngồi chung với chư tỳ-khưu có giới trong sạch tại Sīmā, khi hành lễ pavāraṇā. Tỳ-

 khưu nào có āpatti mà hành lễ pavāraṇā, tỳ-khưu ấy phạm điều-giới dukkaṭa. - Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu nào có āpatti cần phải sám hối āpatti ấy để giới trong sạch trở lại, rồi Như-lai cho phép tỳ-khưu ấy vào hành lễ pavāraṇā.

Lễ pavāraṇā có 4 cách - Tevācikāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 3 lần. - Dvevācikāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 2 lần. - Ekavācikāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 1 lần. - Samānavassikāpavāraṇā: Chư tỳ-khưu đồng hạ với nhau cùng đọc pavāraṇā 3 lần. Giảng giải 1- Tevācikāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 3 lần Chư tỳ-khưu an cư nhập hạ trước trong 3 tháng mùa mưa tại một ngôi chùa từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā, tất cả chư tỳ-khưu từ Ngài Trưởng-lão lớn hạ nhất cho đến vị tỳ-khưu nhỏ hạ nhất đều hành lễ pavāraṇā. Đầu tiên, Ngài Trưởng-lão lớn hạ nhất theo tuần tự cho đến vị tỳ-khưu nhỏ hạ nhất, mỗi vị tỳ-

khưu đều hành lễ pavāraṇā đọc câu pavāraṇā 3 lần gọi là tevācikāpavāraṇā. 2- Dvivācikāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 2 lần Trong vùng thôn quê của đất nước Kosala có một ngôi chùa có nhiều vị tỳ-khưu an cư nhập hạ trong 3 tháng mùa mưa từ ngày 16 tháng 6 (âmlịch), đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày lễ pavāraṇā, chư tỳ-khưu theo tuần tự lớn hạ, nhỏ hạ đang hành lễ pavāraṇā, mỗi vị tỳ-khưu đọc câu pavāraṇā 3 lần, gọi là tevācikāpavāraṇā. Khi ấy, dân chúng đông đảo từ các ngôi làng dẫn nhau vào chùa lánh nạn. Vì vậy, chư tỳ-khưu không thể hành lễ pavāraṇā mỗi vị tỳ-khưu đọc câu pavāraṇā 3 lần, nên chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính bạch chuyện này. Đức-Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép mỗi vị tỳkhưu chỉ đọc câu pavāraṇā 2 lần mà thôi, gọi là dvivācikāpavāraṇā. 3- Ekavācikāpavāraṇā: Đọc pavāraṇā 1 lần Dân chúng càng đông đảo từ các ngôi làng dẫn nhau vào chùa lánh nạn. Vì vậy, chư tỳ-khưu

 không thể hành lễ pavāraṇā mỗi vị tỳ-khưu đọc câu pavāraṇā 2 lần, nên chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính bạch chuyện này. Đức- Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép mỗi vị tỳkhưu chỉ đọc câu pavāraṇā 1 lần mà thôi, gọi là ekavācikāpavāraṇā. 4- Samānavassikāpavāraṇā: Chư tỳ-khưu đồng

hạ với nhau cùng đọc pavāraṇā 3 lần. Dân chúng càng thêm đông đảo từ các ngôi làng dẫn nhau vào chùa lánh nạn. Vì vậy, chư tỳkhưu không thể hành lễ pavāraṇā mỗi vị tỳ-khưu đọc câu pavāraṇā 1 lần, nên chư tỳ-khưu đến hầu đảnh lễ Đức-Phật, kính bạch chuyện này. Đức- Phật truyền dạy rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép tỳ-khưu có tuổi hạ đồng nhau, cùng nhau đọc câu pavāraṇā 3 lần, gọi là samānavassikāpavāraṇā. Antarāya có 10 điều: 1- Đức-vua (đại diện chính quyền) đến chùa. 2- Bọn cướp vào chùa. 3- Chùa bị thiêu cháy.

4- Nước ngập lụt vào chùa.

5- Nhiều người đến chùa.

6- Phi nhân nhập tỳ-khưu.

7-Thú dữ vào chùa.

8- Rắn độc bò vào chùa.

9- Tỳ-khưu lâm bệnh nặng, hoặc tỳ-khưu chết.

10- Có sự tai hại đến phạm-hạnh của tỳ-khưu.

Đó là 10 điều antarāya: điều tai-hại, điều trởngại làm cản trở việc hành lễ pavāraṇā của chư tỳ-khưu.

* Một ngôi chùa nào có đông chư tỳ-khưu- Tăng, vào ngày lễ pavāraṇā nếu có antarāya: điều tai-hại, điều trở-ngại nào trong 10 điều xảy ra tại ngôi chùa ấy, thì Đức-Phật cho phép Ngài Đại-Trưởng-lão hội họp chư tỳ-khưu-Tăng bàn thảo, mỗi vị tỳ-khưu nên đọc câu pavāraṇā 2 lần hoặc đọc câu pavāraṇā 1 lần hoặc các tỳ-khưu có đồng tuổi hạ cùng nhau đọc câu pavāraṇā 3 lần, để cho tất cả các vị tỳ-khưu đều hành lễ pavāraṇā đúng theo Đức-Phật đã chế-định, bởi vì nếu vị tỳkhưu nào không hành lễ pavāraṇā thì vị tỳ-khưu ấy bị phạm điều-giới dukkaṭa.

Lễ dâng y kathina đến chư tỳ-khưu-Tăng Đức-Phật cho phép chư tỳ-khưu an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa. Thật ra, mùa mưa gồm có 4 tháng kể từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch) cho đến rạng đông ngày 16 tháng 10 (âm-lịch). - Nếu vị tỳ-khưu nào an cư nhập hạ trước kể từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch) cho đến ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày hành lễ pavāraṇā, qua rạng đông ngày 16 tháng 9 là ngày mãn hạ trước. - Nếu vị tỳ-khưu nào an cư nhập hạ sau kể từ ngày 16 tháng 7 (âm-lịch) cho đến ngày rằm (15) tháng 10 (âm-lịch) là ngày hành lễ pavāraṇā, qua rạng đông ngày 16 tháng 10 là ngày mãn hạ sau. Sau khi ra hạ, Đức-Phật cho phép chư tỳ-khưu thọ y kathina (1) Trong Tạng Luật, bộ Mahāvagga, phần Kathinakkhandhaka: Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú-hộ Anāthapiṇḍika, gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, nhóm 30 vị tỳ-khưu xứ Pāveyya là huynh đệ trong hoàng tộc, đều là

1 Vinayapiṭaka, Mahāvagga, Kathinakkhandhaka.

bậc Thánh-nhân như bậc Thánh Nhập-lưu, bậc Thánh Nhất-lai, bậc Thánh Bất-lai, chưa có vị tỳkhưu nào là bậc Thánh A-ra-hán. Tất cả quý Ngài đều thọ hạnh dhutaṅga (đầu-đà) như hạnh đầu-đà thọ tam y, hạnh đầu-đà đi khất thực, hạnh đầu-đà ở trong rừng, … Quý Ngài đều có ý định đi đến hầu đảnh lễ Đức-Phật tại ngôi chùa Jetavana, rồi sẽ an cư nhập hạ tại kinh-thành Sāvatthī. Trên đường đi chưa đến kinh-thành Sāvatthī, quý Ngài mới đến xứ Sāketa, nhằm vào ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), là ngày chư tỳ-khưu-Tăng phải an cư nhập hạ tại một chỗ cố định suốt 3 tháng mùa mưa. Cho nên, quý Ngài cũng phải an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại xứ Sāketa, mà tâm của quý Ngài luôn luôn hướng về Đức-Phật, quý Ngài thường nói với nhau rằng: "Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī, cách chỗ ở của chúng ta chỉ có 6 do-tuần (120 cây số), nhưng mà chúng ta không thể đi đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn được." Vào ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày hành lễ pavāraṇā, mỗi Ngài hành lễ pavāraṇā xong. Rạng đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) mãn 3 tháng hạ, quý Ngài tiếp tục lên đường đi đến

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 123 kinh-thành Sāvatthī. Mặc dù tháng cuối mùa mưa, nhưng trời vẫn còn mưa nhẹ hột, trên đường có nhiều vũng nước, đường sá lầy lội, quý Ngài mặc trên mình bộ tam y ướt đẫm và dính đầy sình lầy, thân thể phải chịu nhiều vất vả. Khi đi đến ngôi chùa Jetavana, quý Ngài vào hầu đảnh lễ Đức- Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Đức-Phật truyền hỏi chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Thân tứ-đại của các con được điều hòa hay không? Các con có kham nhẫn nỗi thọ khổ không? Các con sống hòa thuận nhau, chăm sóc lẫn nhau, không cãi cọ nhau, an cư nhập hạ được an-lạc suốt 3 tháng mùa mưa phải không? Hằng ngày các con đi khất thực nuôi mạng không vất vả phải không? Chư tỳ-khưu kính bạch với Đức-Phật rằng: - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, thân tứ-đại của chúng con được điều hòa, chúng con có kham nhẫn nỗi thọ khổ. chúng con sống hòa thuận nhau, biết chăm sóc lẫn nhau, không cãi cọ nhau, an cư nhập hạ được an-lạc trong suốt 3 tháng mùa mưa. Hằng ngày chúng con đi khất thực nuôi mạng không vất vả. Bạch Ngài.

124 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con có 30 huynh đệ người xứ Pāveyya đều có ý định đi đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi sẽ an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại kinh-thành Sāvatthī. Khi chúng con đến xứ Sāketa, nhằm vào ngày 16 tháng 6 (âm-lịch), là ngày chư tỳ-khưu-Tăng phải an cư nhập hạ tại một chỗ cố định suốt 3 tháng mùa mưa. Cho nên, chúng con cũng phải an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại xứ Sāketa, mà tâm của chúng con luôn luôn hướng về Đức-Thế- Tôn, chúng con thường nói với nhau rằng: "Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī, cách chỗ ở của chúng ta chỉ có 6 do-tuần, nhưng mà chúng ta không thể đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn được." Vào ngày rằm (15) tháng 9 (âm-lịch) là ngày hành lễ pavāraṇā, mỗi người chúng con hành lễ pavāraṇā xong. Sáng ngày 16 tháng 9, chúng con tiếp tục lên đường đến hầu đảnh lễ Đức-Thế-Tôn. Đức-Phật cho phép chư tỳ-khưu thọ y kathina Khi ấy, Đức-Phật thuyết pháp tế độ nhóm 30 vị tỳ-khưu xứ Pāveyya. Sau khi lắng nghe Đức- Phật thuyết pháp xong, tất cả nhóm 30 vị tỳ-khưu ấy đều trở thành

bậc Thánh A-ra-hán cả thảy.

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 125 Nhóm 30 vị tỳ-khưu xứ Pāveyya là nguyênnhân đầu tiên, Đức-Phật truyền dạy cho phép chư tỳ-khưu rằng: - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép, sau khi chư tỳ-khưu đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa xong, được phép nhận y kathina của thí-chủ. - Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu đã hành lễ thọ y kathina xong rồi, hưởng được 5 đặc-ân là: 1- Khi vị tỳ-khưu nào được thỉnh mời, vị tỳkhưu ấy đi ra khỏi chùa mà không kịp báo cho vị tỳ-khưu khác biết, cũng không phạm điều-giới. 2- Vị tỳ-khưu ấy không giữ gìn đủ tam y, cũng không phạm điều-giới. 3- Vị tỳ-khưu ấy dùng vật thực cùng nhóm có 4 vị tỳ-khưu trở lên, dù thí-chủ gọi tên vật thực ấy, cũng không phạm điều-giới. 4- Vị tỳ-khưu ấy nhận tấm y khác ngoài tam y, được phép giữ gìn quá 10 đêm, không phạm điều-giới. 5- Y phát sinh tại nơi nào, vị tỳ-khưu ấy được phép nhận y tại nơi ấy.

126 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

- Này chư tỳ-khưu! Tỳ-khưu đã làm lễ thọ y kathina xong rồi, sẽ hưởng được 5 đặc-ân này. (1) Thời hạn tỳ-khưu hưởng 5 đặc-ân Chư tỳ-khưu an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa trước, kể từ ngày 16 tháng 6 (âm-lịch) cho đến rạng đông ngày 16 tháng 9 (âm-lịch) là ngày mãn hạ trước. Đức-Phật cho phép chư tỳ-khưu nhận y kathina của thí-chủ. * Nếu chư tỳ-khưu nào không hành lễ thọ y kathina (bởi vì không có thí-chủ dâng y kathina đến chư tỳ-khưu-Tăng), thì chư tỳ-khưu ấy hưởng được 5 đặc-ân chỉ được 1 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 10 là hết thời hạn hưởng 5 đặc-ân. * Nếu chư tỳ-khưu nào có thí-chủ tạo phướcthiện cúng-dường dâng y kathina đến chư tỳkhưu-Tăng thì chư tỳ-khưu-Tăng nhận y kathina của thí-chủ, rồi chọn một vị tỳ-khưu xứng đáng để làm lễ thọ y kathina của chư tỳ-khưu-Tăng xong. Chư tỳ-khưu ấy đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathina của chư tỳ-khưu-Tăng xong, được hưởng 5 đặc-ân của lễ thọ y kathina suốt 5 tháng, kể từ 1 Vinayapiṭaka, Mahāvagga, phần Kathinakkhandhaka.

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 127 ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 2 là hết thời hạn hưởng 5 đặc-ân. Trong 45 hạ của Đức-Phật, vào hạ thứ 14, Đức-Phật cùng chư tỳ-khưu-Tăng an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvatthī. Sau khi mãn hạ, nhóm 30 vị tỳ-khưu xứ Pāveyya đến hầu đảnh lễ Đức-Phật tại ngôi chùa Jetavana, Đức-Phật thuyết pháp tế độ nhóm 30 vị tỳ-khưu xứ Pāveyya đều trở thành bậc Thánh Ara-hán. Khi ấy, Đức-Phật cho phép sau khi chư tỳ-khưu đã an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa xong, được phép nhận y kathina của thí-chủ. Tấm y kathina (kathinacīvara) Đức-Phật cho phép tấm y gọi là tấm y kathina là 1 trong 3 tấm y: tấm y saṃghāṭi (tấm y dày 2 lớp) hoặc tấm y uttarasaṅga (tấm y mặc choàng từ vai che phủ xuống dưới 2 đầu gối 4 lóng tay) hoặc tấm y antaravāsaka (tấm y mặc che lỗ rún phủ xuống dưới 2 đầu gối 8 lóng tay). Tấm y kathina (kathinacīvara) là tấm y như thế nào? Trong Chú-giải bộ Luật Mahāvagga dạy rằng:

128 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

“Kathinaṃ nāma ati ukkaṭṭhaṃ vaṭṭati, mātarampi viññāpetuṃ na vaṭṭati, ākāsato otiṇṇasadisameva vaṭṭati.” (1) - Y kathinacīvara là tấm y hoàn toàn trong sạch và cao quý nhất, vị tỳ-khưu không được phép xin tấm y kathinacīvara, dù xin từ mẫu thân. Tấm y kathinacīvara phát sinh một cách hoàn toàn trong sạch, ví như từ trên hư không rơi xuống giữa chư tỳ-khưu-Tăng (không dành riêng cho vị tỳ-khưu nào). Thật ra, vị tỳ-khưu được phép xin 4 thứ vật dụng từ mẫu-thân hoặc phụ-thân của mình, thậm chí từ người thí-chủ xin hộ độ mình, nhưng về tấm y kathinacīvara, vị tỳ-khưu không được phép xin trực tiếp hoặc gián tiếp, hoặc biểu lộ bằng lời nói cho thí-chủ biết để làm lễ kính dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khưu-Tăng, bởi vì tấm y kathinacīvara phát sinh hoàn toàn trong sạch và cao quý nhất (ati ukkaṭṭha). * Thời gian làm lễ kính dâng y kathinacīvara Đức-Phật cho phép làm lễ kính dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khưu-Tăng kể từ ngày

1 Vi. Aṭṭhakathā, Mahāvaggaṭṭhakathā, Kathinakkhandhaka.

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 129 16 tháng 9 (âm-lịch) cho đến ngày rằm (15) tháng 10 (âm-lịch), thời gian khoảng một tháng. * Thí-chủ làm lễ kính dâng y kathinacīvara Thí-chủ gồm có 7 hạng là chư-thiên, loài-người, tỳ-khưu, tỳ-khưu-ni, sikkhamānā (tu-nữ học tập để lên tỳ-khưu-ni), sa-di, sa-di-ni, đều có thể làm lễ kính dâng y kathina đến chư tỳ-khưu-Tăng. * Chư tỳ-khưu-Tăng nhận y kathinacīvara Chư tỳ-khưu an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một ngôi chùa hoặc một chỗ ở nhất định được phép nhận y kathinacīvara của thí-chủ kính-dâng đến chư tỳ-khưu-Tăng, để chư tỳkhưu-Tăng chọn vị tỳ-khưu xứng đáng làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng. Mỗi ngôi chùa, chư tỳ-khưu-Tăng chỉ được nhận y kathinacīvara của thí-chủ một lần duy nhất mà thôi. Quả-báu của phước-thiện bố-thí kính dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khưu-Tăng thật là vôlượng cao quý không sao kể xiết. Lễ dâng y kathinacīvara thời xưa và thời nay * Thời xưa, thí-chủ làm lễ kính-dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khưu-Tăng bằng tấm vải

may y kathina gọi là kathinadussa (tấm vải may y kathinacīvara). Cho nên, rạng đông ngày lễ dâng y kathinacīvara, các thí-chủ cùng nhau đội tấm vải mới đến chùa, các thí-chủ cung-kính làm lễ kính dâng tấm vải may y kathina cùng với các thứ kim, chỉ, thuốc nhuộm y, v.v… dâng tận tay trong hatthapāsa (2 cùi tay 1 gang) đến chư tỳ-khưu-Tăng. Ngài Trưởng-lão đại diện chư tỳ-khưu- Tăng nhận tấm vải may y kathinacīvara và các thứ kim, chỉ, thuốc nhuộm y kathinacīvara ấy. Ngay sáng sớm hôm ấy, chư tỳ-khưu-Tăng tụ hội tại Sīmā, chọn ưu tiên vị tỳ-khưu nào có y cũ, y rách nhận tấm vải may y kathinacīvara ấy, rồi tất cả chư tỳ-khưu kể cả các Ngài Trưởng-lão cùng nhau cắt, may từng mảnh rồi may ráp lại thành tấm y kathinacīvara, nhuộm màu, mọi công việc cần phải hoàn thành xong tấm y gọi là kathinacīvara trong ngày (đêm) hôm ấy. Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng cùng tụ hội tại Sīmā, vị tỳ-khưu ấy làm các nghi lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, rồi kính thỉnh tất cả chư tỳ-khưu-Tăng hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng. * Thời nay, những thí-chủ làm lễ kính dâng

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 131 tấm y kathinacīvara đã may sẵn gọi là tấm y kathinacīvara cùng với các thứ vật dụng khác đến chư tỳ-khưu-Tăng đã an cư nhập hạ tại ngôi chùa ấy. Các thí-chủ cung-kính đem tấm y kathinacīvara ấy đến dâng tận tay trong hatthapāsa (2 cùi tay 1 gang) đến chư tỳ-khưu-Tăng. Ngài Trưởnglão đại diện chư tỳ-khưu-Tăng nhận tấm y kathinacīvara ấy của các thí-chủ.

Nghi lễ trao y kathinacīvara của tỳ-khưu-Tăng Sau khi đã nhận tấm y kathinacīvara, tấm y kathinacīvara nay đã thuộc về chư tỳ-khưu-Tăng, tất cả chư tỳ-khưu có từ 5 vị tỳ-khưu trở lên (đủ chư tỳ-khưu-Tăng) đều tụ hội tại Sīmā, thông báo chọn ưu tiên vị tỳ-khưu nào có y cũ, y rách xứng đáng nhận tấm y kathinacīvara ấy của chư tỳkhưu-Tăng. Nếu không có vị tỳ-khưu nào thì tiếp theo chọn vị tỳ-khưu có công đức lớn đối với chư tỳ-khưu trong chùa xứng đáng nhận tấm y kathinacīvara ấy của chư tỳ-khưu-Tăng. Khi tất cả chư tỳ-khưu đều chấp thuận, không có vị tỳ-khưu nào phản đối. Khi ấy, vị tỳ-khưu luật-sư đặt tên vị tỳ-khưu ấy là Tissa khi hành

132 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Tăng-sự tụng kathinatthāra kammavācā trao tấm y kathinacīvara ấy cho vị tỳ-khưu ấy như sau: “Suṇātu me Bhante (āvuso) Saṃgho. Idaṃ Saṃghassa kathinacīvaraṃ uppannaṃ. Yadi Saṃghassa pattakallaṃ, Saṃgho imaṃ kathinacīvaraṃ Tissassa bhikkhuno dadeyya kathinaṃ attharituṃ. Esā ñatti. Suṇātu me Bhante (āvuso) Saṃgho. Idaṃ Saṃghassa kathinacīvaraṃ uppannaṃ. Saṃgho imaṃ kathinacīvaraṃ Tissassa bhikkhuno deti kathinaṃ attharituṃ, yassāyasmato khamati, imassa kathinacīvarassa Tissassa bhikkhuno dānaṃ kathinaṃ attharituṃ, so tuṇhassa, yassa nakkhamati, so bhāseyya. Dinnaṃ idaṃ Saṃghena kathinacīvaraṃ Tissassa bhikkhuno kathinaṃ attharituṃ. Khamati Saṃghassa, tasmā tuṇhī. Evametaṃ dhārayāmi.” (Kính bạch chư tỳ-khưu-Tăng, kính xin chư tỳkhưu-Tăng nghe rõ lời tuyên-ngôn của tôi.(1) Tấm y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng đã được phát sinh, nếu việc hành Tăng-sự hợp thời đối với

1 Xưng tôi hoặc xưng con.

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 133 chư tỳ-khưu-Tăng, kính xin chư tỳ-khưu-Tăng cho phép trao tấm y kathinacīvara này đến vị tỳ-khưu Tissa, để làm lễ thọ y kathinacīvara. Đó là lời tuyên-ngôn. Kính bạch quý Ngài được rõ. Kính bạch chư tỳ-khưu-Tăng, kính xin chư tỳkhưu-Tăng nghe rõ lời thành-sự-ngôn của tôi. Tấm y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng đã được phát sinh, kính xin chư tỳ-khưu-Tăng cho phép trao tấm y kathinacīvara này đến vị tỳ-khưu Tissa, để làm lễ thọ y kathinacīvara. Quý Ngài cho phép trao tấm y kathinacīvara này đến vị tỳ-khưu Tissa, để làm lễ thọ y kathinacīvara. Vị tỳ-khưu hài lòng, xin ngồi làm thinh, vị tỳ-khưu nào không hài lòng, xin phát biểu lên giữa chư tỳ-khưu-Tăng. Chư tỳ-khưu-Tăng đã cho phép trao tấm y kathinacīvara này đến vị tỳ-khưu Tissa, để làm lễ thọ y kathinacīvara. Chư tỳ-khưu-Tăng đều hài lòng chấp thuận, vì vậy, quý Ngài đều ngồi làm thinh. Tôi xin ghi nhận trạng-thái hài lòng bằng cách làm thinh ấy.) Sau khi tụng ñattikammavācā xong, vị tỳ-khưu luật-sư mở gói y kathinacīvara, nếu có 3 tấm y:

1- Tấm y saṃghāṭi là tấm y 2 lớp dùng để đắp. 2- Tấm y uttarāsaṅga là tấm y dùng để mặc choàng từ vai che phủ xuống dưới 2 đầu gối 4 lóng tay. 3- Tấm y antaravāsaka là tấm y dùng để mặc che lỗ rốn phủ xuống dưới 2 đầu gối 8 lóng tay. Trong 3 tấm y này, Đức-Phật cho phép chỉ chọn 1 trong 3 tấm y ấy làm tấm y kathinacīvara mà thôi.

Nghi thức thọ y kathinacīvara 1- Nếu vị tỳ-khưu ấy chọn tấm y saṃghāṭi để làm lễ thọ y kathinacīvara thì nghi thức làm lễ thọ tấm y saṃghāṭi làm tấm y kathinacīvara theo tuần tự như sau: - Xả tấm y saṃghāṭi cũ của mình: “Imaṃ saṃghāṭiṃ paccuddharāmi.” (Tôi xin xả tấm y saṃghāṭi cũ này.) - Làm dấu tấm y saṃghāṭi mới: “Kappabinduṃ karomi.” (Tôi làm dấu vòng tròn nhỏ bằng mắt con công bằng mực màu đen (hoặc màu xanh đậm) tại góc tấm y saṃghāṭi mới.)

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 135 - Nguyện tấm y saṃghāṭi mới của chư tỳ- khưu-Tăng: “Imaṃ saṃghāṭiṃ adhiṭṭhāmi.” (Tôi xin nguyện tấm y saṃghāṭi mới này.) * Vị tỳ-khưu ấy ngồi chồm hổm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chắp hai tay trên trán (añjaliṃ paggahetvā) làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng với tấm y saṃghāṭi mới này: “Imāya saṃghāṭiyā kathinaṃ attharāmi.” (Tôi xin làm lễ thọ y kathinacīvara với tấm y saṃghāṭi mới này.) (Xong lễ thọ y kathinacīvara với tấm y saṃghāṭi của chư tỳ-khưu-Tăng.) 2- Nếu vị tỳ-khưu ấy chọn tấm y uttarasaṅga để làm lễ thọ y kathinacīvara thì nghi thức làm lễ thọ tấm y uttarasaṅga làm tấm y kathinacīvara theo tuần tự như sau: - Xả tấm y uttarasaṅga cũ của mình: “Imaṃ uttarasaṅgaṃ paccuddharāmi.” (Tôi xin xả tấm y uttarasaṅga cũ này.) - Làm dấu tấm y uttarasaṅga mới: “Kappabinduṃ karomi.”

(Tôi làm dấu vòng tròn nhỏ bằng mắt con công bằng mực màu đen (hoặc màu xanh đậm) tại góc tấm y uttarasaṅga mới.) - Nguyện tấm y uttarasaṅga mới của chư tỳ-khưu-Tăng: “Imaṃ uttarasaṅgaṃ adhiṭṭhāmi.” (Tôi xin nguyện tấm y uttarasaṅga mới này.) * Vị tỳ-khưu ấy ngồi chồm hổm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chắp hai tay trên trán (añjaliṃ paggahetvā) làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng với tấm y uttarasaṅga mới này: “Iminā uttarasaṅgena kathinaṃ attharāmi.” (Tôi xin làm lễ thọ y kathinacīvara với tấm y uttarasaṅga mới này.) (Xong lễ thọ y kathinacīvara với tấm y uttarasaṅga của chư tỳ-khưu-Tăng.) 3- Nếu vị tỳ-khưu ấy chọn tấm y antaravāsaka để làm lễ thọ y kathinacīvara thì nghi thức làm lễ thọ tấm y antaravāsaka làm tấm y kathinacīvara theo tuần tự như sau: - Xả tấm y antaravāsaka cũ của mình: “Imaṃ antaravāsakaṃ paccuddharāmi.” (Tôi xin xả tấm y antaravāsaka cũ này.)

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 137 - Làm dấu tấm y antaravāsaka mới: “Kappabinduṃ karomi.” (Tôi làm dấu vòng tròn nhỏ bằng mắt con công bằng mực màu đen (hoặc màu xanh đậm) tại góc tấm y antaravāsaka mới.) - Nguyện tấm y antaravāsaka mới của chư tỳ- khưu-Tăng: “Imaṃ antaravāsakaṃ adhiṭṭhāmi.” (Tôi xin nguyện tấm y antaravāsaka mới này.) * Vị tỳ-khưu ấy ngồi chồm hổm (ukkuṭikaṃ nisīditvā), chắp hai tay trên trán (añjaliṃ paggahetvā) làm lễ thọ y kathinacīvara của

chư tỳ-khưu-Tăng với tấm y antaravāsaka mới này: “Iminā antaravāsakena kathinaṃ attharāmi.” (Tôi xin làm lễ thọ y kathinacīvara với tấm y antaravāsaka mới này.) (Xong lễ thọ y kathinacīvara với tấm y antaravāsaka của chư tỳ-khưu-Tăng.) Nghi lễ thỉnh chư tỳ-khưu-Tăng anumodanā Sau khi vị tỳ-khưu ấy đã chọn 1 trong 3 tấm y của chư tỳ-khưu-Tăng để làm lễ thọ y kathinacīvara xong, tiếp theo vị tỳ-khưu ngồi chồm hổm

chắp hai tay trên trán kính thỉnh chư tỳ-khưu- Tăng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng rằng: “Atthataṃ Bhante (āvuso) Saṃghassa kathinaṃ, dhammiko kathinatthāro anumodatha.” (Kính bạch chư tỳ-khưu-Tăng, lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng đã xong, lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng hợp pháp. Kính thỉnh quý Ngài đọc câu hoan-hỷ.) Theo Chú-giải của tạng Luật Mahāvagga, giảng giải rằng: - Chư tỳ-khưu an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa, không bị đứt hạ, chư tỳ-khưu- Tăng cho phép vị tỳ-khưu làm lễ thọ y kathinacīvara. Chư tỳ-khưu đồng đọc câu hoanhỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng xong, hưởng được 5 đặc-ân suốt 5 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 2 là mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara. Vị sa-di an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa, khi đủ 20 tuổi được làm lễ nâng lên tỳ-khưu trong mùa an cư nhập hạ. Vị tân tỳ-khưu ấy được phép hành lễ pavāraṇā cùng với chư tỳ-khưu-

 Tăng, khi mãn hạ, kể là hạ thứ nhất, được phép đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, và được hưởng 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara 5 tháng như chư tỳ-khưu.

Chư tỳ-khưu đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathina

Tất cả chư tỳ-khưu ngồi chồm hổm chắp hai tay trên trán đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng rằng: “Atthataṃ Bhante (āvuso) Saṃghassa kathinaṃ, dhammiko kathinatthāro anumodāma.” (Kính bạch Ngài Trưởng-lão (hoặc pháp-đệ), lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng đã xong, lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu- Tăng hợp pháp. Tất cả chúng tôi đồng thanh đọc câu hoan-hỷ.) Tất cả chư tỳ-khưu đồng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathina của chư tỳ-khưu-Tăng xong, hưởng được 5 đặc-ân suốt 5 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 2 là mãn thời hạn đặcân của lễ thọ y kathinacīvara. Hoàn tất xong lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng.

Những tỳ-khưu không được đọc câu hoan-hỷ

- Tỳ-khưu an cư nhập hạ trước, nếu bị đứt hạ thì không được phép đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng. - Tỳ-khưu an cư nhập hạ sau, không được phép đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng. - Tỳ-khưu an cư nhập hạ trước tại ngôi chùa khác đến tham dự lễ thọ y kathinacīvara ... - Tỳ-khưu không an cư nhập hạ ... Tất cả những hạng tỳ-khưu trên không được phép đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, cũng không được hưởng 5

đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳkhưu-Tăng. Đặc biệt, tất cả mọi sa-di cùng an cư nhập hạ trước với chư tỳ-khưu, không được hành Tăng-sự hành lễ pavāraṇā, không được đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, nhưng mà tất cả mọi sa-di được phép hưởng phần quảbáu phát sinh trong lễ dâng y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng.

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 141

Nhận y và thọ y kathinacīvara Một xóm làng nọ, vị tỳ-khưu một mình an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại xóm làng ấy. Sau khi mãn 3 tháng hạ, những thí-chủ trong làng đem dâng tấm y kathinacīvara đến vị tỳkhưu ấy, bạch rằng: - Kính bạch Ngài, chúng con kính dâng tấm y kathinacīvara này đến tỳ-khưu-Tăng. Kính xin Ngài nhận tấm y kathinacīvara của chúng con. Vị tỳ-khưu ấy nhận tấm y kathinacīvara của các thí-chủ xong, suy nghĩ rằng: “Đức-Phật chế-định chư tỳ-khưu ít nhất có 4 vị gọi là tỳ-khưu-Tăng. Còn ta chỉ có một mình, nhưng mà các thí-chủ dâng tấm y kathinacīvara này đến tỳ-khưu-Tăng. Vậy, ta nên đem tấm y kathinacīvara của tỳ-khưu-Tăng, đi đến kinhthành Sāvatthī, bạch hỏi Đức-Phật về chuyện này.” Đức-Phật truyền dạy rằng: “Tuyheva bhikkhu, tāni cīvarāni yāva kathinassa ubbhārāyāti. Idha pana bhikkhave, bhikkhu eko vassaṃ vasati, tattha manussā “saṃghassa demā”ti cīvarāni denti.

142 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Anujānāmi bhikkhave tasseva tāni cīvarāni yāva kathinassa ubbhārāyāti.” (1) - Này tỳ-khưu! Những tấm y kathinacīvara ấy chỉ thuộc về một mình con mà thôi; con được hưởng 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara cho đến khi mãn thời hạn 5 tháng. - Này chư tỳ-khưu! Trong trường-hợp một tỳkhưu an cư nhập hạ suốt 3 tháng mùa mưa. Dân chúng trong xóm làng dâng y kathinacīvara bạch rằng: “Chúng con xin dâng y kathinacīvara đến tỳ-khưu-Tăng.” - Này chư tỳ-khưu! Như-lai cho phép những tấm y kathinacīvara ấy chỉ thuộc về một mình vị tỳ-khưu ấy mà thôi; vị tỳ-khưu ấy được hưởng 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara cho đến khi mãn thời hạn 5 tháng. Thật ra, để trở thành tấm y kathinacīvara, một vị tỳ-khưu (an cư nhập hạ một mình) đem tấm y kathinacīvara đến ngôi chùa khác, thỉnh mời thêm 4 vị tỳ-khưu nữa cho đủ tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, thỉnh vị tỳ-khưu luật-sư tụng

1 Vinayapiṭaka, Mahāvagga, Cīvarakkhandhaka.

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 143 kathinatthārañattikammavācā làm lễ trao y kathinacīvara cho vị tỳ-khưu ấy. Vị tỳ-khưu ấy cảm tạ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi đem tấm y kathinacīvara trở về chỗ ở của mình, hành đầy đủ nghi lễ thọ tấm y kathinacīvara ấy, rồi hưởng được 5 đặc-ân trong 5 tháng cho đến khi mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara vào ngày rằm tháng 2 (âm-lịch). Tương tự như vậy: * Trường-hợp 2 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một xóm làng nọ. Sau khi mãn 3 tháng hạ, những dân chúng trong xóm làng ấy dâng tấm y kathinacīvara, rồi bạch rằng: “Chúng con xin dâng y kathinacīvara đến tỳkhưu-Tăng.” Hai vị tỳ-khưu ấy nhận tấm y kathinacīvara của thí-chủ xong, đem tấm y kathinacīvara đến ngôi chùa khác, thỉnh mời thêm 3 vị tỳ-khưu nữa cho đủ tỳ-khưu-Tăng hành

Tăng-sự tại Sīmā, thỉnh vị tỳ-khưu luật-sư tụng kathinatthārañattikammavācā làm lễ trao y kathinacīvara cho 1 vị tỳ-khưu nào trong 2 vị tỳ-khưu ấy.

144 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Hai vị tỳ-khưu ấy cảm tạ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi đem tấm y kathinacīvara trở về chỗ ở của mình. Vị tỳ-khưu ấy hành đầy đủ nghi lễ thọ tấm y kathinacīvara ấy, rồi thỉnh vị tỳ-khưu còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳkhưu-Tăng. Vị tỳ-khưu còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khưu-Tăng. Hai vị tỳ-khưu hưởng được 5 đặc-ân trong 5 tháng cho đến khi mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara vào ngày rằm tháng 2 (âm-lịch). * Trường-hợp 3 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một xóm làng nọ. Sau khi mãn 3 tháng hạ, những dân chúng trong xóm làng ấy dâng tấm y kathinacīvara, rồi bạch rằng: “Chúng con xin dâng y kathinacīvara đến tỳkhưu-Tăng.” Ba vị tỳ-khưu ấy nhận tấm y kathinacīvara của thí-chủ xong, đem tấm y kathinacīvara đến ngôi chùa khác, thỉnh mời thêm 2 vị tỳ-khưu nữa cho đủ tỳ-khưu-Tăng hành Tăng sự tại Sīmā, thỉnh vị tỳ-khưu luật-sư tụng kathinatthārañattikammavācā làm lễ trao y kathinacīvara cho 1 vị tỳ-khưu nào trong 3 vị tỳ-khưu ấy.

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 145 Ba vị tỳ-khưu ấy cảm tạ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi đem tấm y kathinacīvara trở về chỗ ở của mình. Vị tỳ-khưu ấy hành đầy đủ nghi lễ thọ tấm y kathinacīvara ấy, rồi thỉnh 2 vị tỳ-khưu còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳkhưu-Tăng. Hai vị tỳ-khưu còn lại đọc lời hoanhỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khưu-Tăng. Ba vị tỳ-khưu hưởng được 5 đặc-ân trong 5 tháng cho đến khi mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara vào ngày rằm tháng 2 (âm-lịch). * Trường-hợp 4 vị tỳ-khưu an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một xóm làng nọ. Sau khi mãn 3 tháng hạ, những dân chúng trong xóm làng ấy dâng tấm y kathinacīvara, rồi bạch rằng: “Chúng con xin dâng y kathinacīvara đến tỳkhưu-Tăng.” Bốn vị tỳ-khưu ấy nhận tấm y kathinacīvara của thí-chủ xong, đem tấm y kathinacīvara đến ngôi chùa khác, thỉnh mời thêm 1 vị tỳ-khưu nữa cho đủ tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, thỉnh vị tỳ-khưu luật-sư tụng kathinatthārañattikammavācā làm lễ trao y kathinacīvara cho 1 vị tỳ-khưu nào trong 4 vị tỳ-khưu ấy.

146 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Bốn vị tỳ-khưu ấy cảm tạ chư tỳ-khưu-Tăng, rồi đem tấm y kathinacīvara trở về chỗ ở của mình. Vị tỳ-khưu ấy hành đầy đủ nghi lễ thọ tấm y kathinacīvara ấy, rồi thỉnh 3 vị tỳ-khưu còn lại đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳkhưu-Tăng. Ba vị tỳ-khưu còn lại đọc câu hoanhỷ lễ thọ y kathinacīvara của tỳ-khưu-Tăng. Bốn vị tỳ-khưu hưởng được 5 đặc-ân trong 5 tháng cho đến khi mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara vào ngày rằm tháng 2 (âm-lịch). Chư tỳ-khưu nào an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một chỗ. Sau khi mãn 3 tháng hạ, nếu không có thí-chủ nào đến tạo phước-thiện cúng-dường kính-dâng tấm y kathinacīvara, thì chư tỳ-khưu ấy chỉ hưởng được 5 đặc-ân trong một tháng kể từ ngày 16 tháng 9 cho đến ngày rằm (15)

tháng 10 mà thôi. Thật ra, * Phần thí-chủ, Đức-Phật cho phép 7 hạng thí-chủ là: - Chư-thiên hóa ra thành người làm thí-chủ dâng y kathinacīvara. - Loài người là cận-sự-nam, cận-sự-nữ hạng người tại gia làm thí-chủ dâng y kathinacīvara. - Vị tỳ-khưu làm thí-chủ dâng y kathinacīvara.

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 147 - Vị tỳ-khưu-ni làm thí-chủ dâng y kathinacīvara. - Vị sikkhamānā là người nữ đang thực hành để trở thành tỳ-khưu-ni làm thí-chủ dâng y kathinacīvara. - Vị sa-di làm thí-chủ dâng y kathinacīvara. - Vị sa-di-ni làm thí-chủ dâng y kathinacīvara. Thời nay, các tu-nữ cũng làm thí-chủ dâng y kathinacīvara. * Còn phần y kathinacīvara, tấm y kathinacīvara chỉ là 1 trong 3 tấm y là tấm y saṃghāṭi (y 2 lớp), hay tấm y uttarasaṅga (y mặc choàng từ vai che phủ xuống dưới 2 đầu gối 4 lóng tay), hay tấm y antaravāsaka (y mặc che lỗ rốn phủ xuống dưới 2 đầu gối 8 lóng tay). Tấm y kathinacīvara là tấm y rất đặc biệt hơn tất cả các tấm y khác, bởi vì tấm y kathinacīvara được phát sinh lên một cách hoàn toàn trong sạch, ví như từ trên hư không rơi xuống giữa chư tỳkhưu-Tăng, không dành riêng cho một vị tỳ-khưu nào cả. Chư tỳ-khưu-Tăng tụ hội tại Sīmā, chọn một vị tỳ-khưu nào xứng đáng, rồi vị tỳ-khưu luật sư tụng ñattikammavācā xong, trao tấm y kathinacīvara cho vị tỳ-khưu ấy.

148 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Vị tỳ-khưu ấy làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, rồi kính thỉnh tất cả chư tỳkhưu-Tăng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng. Tất cả chư tỳ-khưu-Tăng đọc câu hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng xong, hưởng được 5 đặc-ân suốt 5 tháng, kể từ ngày 16 tháng 9 đến ngày rằm (15) tháng 2 là mãn thời hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara.

Tỳ-khưu hưởng được 5 đặc-ân trọn 5 tháng với 2 điều-kiện: - Āvāsapalibodha: Gắn bó với ngôi chùa cũ. - Cīvarapalibodha: Gắn bó với tấm vải may y. 1- Āvāsapalibodha: Gắn bó với ngôi chùa cũ nghĩa là vị tỳ-khưu nào đã an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại ngôi chùa nào hoặc chỗ ở nào, có làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳkhưu-Tăng, vị tỳ-khưu ấy đã đọc lời hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara ấy. Nếu vị tỳ-khưu ấy gắn bó với ngôi chùa cũ, dù vị tỳ-khưu ấy có công việc cần thiết phải rời khỏi chùa đến ngôi chùa khác, nhưng tâm của vị tỳ-

Lễ Dâng Y Kathina Đến Chư Tỳ-Khưu-Tăng 149 khưu ấy vẫn gắn bó tha thiết với ngôi chùa cũ, chắc chắn sẽ trở về ngôi chùa cũ, thì vị tỳ-khưu ấy vẫn được hưởng 5 đặc-ân suốt 5 tháng đến rằm tháng 2 (âm-lịch), hết kỳ hạn đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara. Nhưng nếu vị tỳ-khưu ấy khi rời khỏi ngôi chùa cũ, đi đến ngôi chùa mới khác, tâm không còn gắn bó với ngôi chùa cũ, quyết tâm không trở về ngôi chùa cũ ấy nữa. Ngay khi ấy, vị tỳ-khưu ấy không còn được hưởng 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng. 2- Cīvarapalibodha: Gắn bó với tấm vải may y, nghĩa là thời xưa, vị tỳ-khưu nào hoan-hỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, rồi được hưởng đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, mỗi vị tỳ-khưu được chia một tấm vải chưa đủ may thành một tấm y. Vị tỳ-khưu ấy đem tấm vải ấy rời khỏi ngôi

chùa cũ, đi đến ngôi chùa mới với hy vọng sẽ có thêm vải để may thành tấm y để mặc. Thời nay, trong lễ dâng y kathinacīvara đến chư tỳ-khưu-Tăng, ngoài tấm y để làm lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng ra, các thí-chủ còn dâng đến mỗi vị tỳ-khưu tấm y đã may sẵn.

150 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Vì vậy, sau khi vị tỳ-khưu ấy đã đọc lời hoanhỷ lễ thọ y kathinacīvara của chư tỳ-khưu-Tăng, rồi gắn bó với ngôi chùa, dù vị tỳ-khưu ấy có công việc cần thiết phải rời khỏi chùa đến ngôi chùa mới khác, nhưng tâm của vị tỳ-khưu ấy vẫn gắn bó tha thiết với ngôi chùa cũ, sẽ trở về ngôi chùa cũ. Như vậy, vị tỳ-khưu ấy mới được hưởng 5 đặc-ân suốt 5 tháng đến rằm tháng 2 (âm-lịch), hết kỳ hạn 5 đặc-ân của lễ thọ y kathinacīvara. Thí-chủ có trí-tuệ sáng suốt hiểu biết hợp thời đúng lúc tạo phước-thiện cúng dường dâng một tấm y kathinacīvara đến chư tỳ-khưu-Tăng, sau khi đã an cư nhập hạ trước suốt 3 tháng mùa mưa tại một ngôi chùa nào hoặc một chỗ ở nào, thì thíchủ tạo được phước-thiện bố-thí cao quý vôlượng, có quả-báu của lễ dâng y kathinacīvara cao quý vô-lượng không sao kể xiết.

Đoạn Kết

Quyển sách “Bhikkhupātimokkha Tóm Tắt” tuy là một quyển sách nhỏ, nhưng mà gom nhặt những điều thiết yếu cần biết đối với chư tỳkhưu, từ các nơi trong Tạng-luật và các Chú-giải. Bhikkhupātimokkha có 2 từ là Bhikkhu và pātimokkha. * Ý-nghĩa Bhikkhu trong văn-phạm Pāḷi - Bhikkhati sīlenā’ti bhikkhu. Bậc có thói quen thường đi khất thực để nuôi mạng gọi là bhikkhu. - Saṃsāre bhayaṃ ikkhatī’ti bhikkhu. Bậc thấy rõ, biết rõ sự tai họa trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài gọi là bhikkhu. * Ý-nghĩa Bhikkhu trong Tạng-kinh - Yo ca imaṃ paṭipattiṃ paṭipajjati, so bhikkhu nāma hotīti paṭipattiyā bhikkhubhāvadassanatopi bhikkhu.

2 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT Hành-giả nào thực hành pháp-hành tứ-niệmxứ, hành-giả ấy được gọi là tỳ-khưu. Hành-giả thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ chứng tỏ là tỳ-khưu. - Paṭipannako hi devo vā hotu manusso vā bhikkhū’ti saṅkhyaṃ gacchatiyeva. Hành-giả thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ dù là chư-thiên hoặc nhân-loại đều xem là tỳ-khưu cả thảy. Như vậy, tỳ-khưu theo ý nghĩa trong Tạngkinh đó là hành-giả thực hành pháp-hành tứniệm-xứ hoặc pháp-hành thiền-tuệ. * Ý-nghĩa Bhikkhu trong Tạng-luật Để trở thành tỳ-khưu, vị sa-di nào đầy đủ 20 tuổi kính xin chư tỳ-khưu-Tăng hành Tăng-sự tại Sīmā, nâng lên bậc tỳ-khưu bằng cách Ngài Trưởng-lão luật-sư tụng ñatticatutthakamma- vācā: tụng ñatti (tuyên-ngôn) 1 lần và tiếp theo tụng kammavācā (thành-sự-ngôn) 3 lần xong, ngay khi ấy vị sa-di ấy trở thành bhikkhu: vị tỳkhưu, có đầy đủ 227 điều-giới của tỳ-khưu, vị tân tỳ-khưu ấy có thể ăn ở chung với chư tỳ-khưu, hành Tăng-sự chung với chư tỳ-khưu. Trong Tạng-luật, bộ Cūḷavagga, tỳ-khưu được thành-tựu cần phải hội đủ 5 chi-pháp.

ĐOẠN KẾT 3 Năm chi-pháp trở thành tỳ-khưu

1- Vatthusampatti: Người cận-sự-nam đủ 20 tuổi, không thuộc vào 1 trong 13 hạng người bị cấm làm lễ thọ tỳ-khưu. 2- Ñattisampatti: Tụng ñatti (tuyên-ngôn) đúng theo

văn-phạm Pāḷi. 3- Anusāsanasampatti: Tụng kammavācā (thành-sự-ngôn) đúng theo văn-phạm Pāḷi. 4- Sīmāsampatti: Chỗ ranh-giới Sīmā hoàn toàn đúng theo Luật mà Đức-Phật đã ban hành. 5- Purisasampatti: Chư tỳ-khưu-Tăng hội đầy đủ 5 vị tỳ-khưu thật trở lên tham dự tại Sīmā. Nếu hội đầy đủ 5 chi-pháp này, không thiếu 1 chi-pháp nào, thì sau khi Ngài Trưởng-lão luật-sư tụng ñatticatutthakammavācā: tụng ñatti (tuyênngôn) 1 lần và tiếp theo tụng kammavācā (thànhsự-ngôn) 3 lần xong, ngay khi ấy vị sa-di ấy trở thành vị tỳ-khưu thật (bhikkhu) có đầy đủ 227 điều-giới của tỳ-khưu, vị tân tỳ-khưu ấy có thể ăn ở chung với chư tỳ-khưu, hành Tăng-sự chung với chư tỳ-khưu. (1)

1 Tìm hiểu rõ trong quyển “Gương Bậc Xuất-Gia” cùng soạn giả.

4 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT Nếu thiếu 1 trong 5 chi-pháp này, dù sau khi Ngài Trưởng-lão luật-sư tụng ñatticatuttha- kammavācā: tụng ñatti (tuyên-ngôn) 1 lần và tiếp theo tụng kammavācā (thành-sự-ngôn) 3 lần xong, thì vị sa-di ấy chắc chắn cũng không trở thành bhikkhu: vị tỳ-khưu, vẫn còn là vị sa-di.

Năm chi-pháp không trở thành tỳ-khưu

1- Vatthuvippatti: Người cận-sự-nam không đủ 20 tuổi hoặc thuộc vào 1 trong 13 hạng người bị cấm làm lễ thọ tỳ-khưu. 2- Ñattivippatti: Tụng ñatti (tuyên-ngôn) không đúng theo văn-phạm Pāḷi. 3- Anusāsanavippatti: Tụng kammavācā (thành-sự-ngôn) không đúng theo văn-phạm Pāḷi. 4- Sīmāvippatti: Chỗ ranh-giới Sīmā không đúng theo Luật mà Đức-Phật đã ban hành. 5- Purisavippatti: Chư tỳ-khưu-Tăng không hội đủ 5 vị tỳ-khưu thật tham dự tại Sīmā. Nếu có 1 trong 5 chi-pháp này thì buổi lễ thọ tỳ-khưu không thành-tựu, sa-di ấy không trở thành bhikkhu: tỳ-khưu.

ĐOẠN KẾT 5 * Ý nghĩa Pātimokkha: Trong bộ Vibhaṅgapāḷi định nghĩa rằng: Pātimokkhan’ti sīlaṃ patiṭṭhā ādi caraṇaṃ saññamo saṃvaro mokkhaṃ pamokkhaṃ kusalānaṃ dhammānaṃ samāpattiyā. Pātimokkha nghĩa là đặt trong giới-hạnh, giữ gìn cẩn trọng, thoát khỏi phiền-não, đạt đến các loại thiện-pháp đó là dục-giới thiện-pháp, sắcgiới thiện-pháp, vô-sắc-giới thiện-pháp, cho đến siêu-tam-giới thiện-pháp. Bhikkhupātimokkha nghĩa là vị tỳ-khưu có tác-ý giữ gìn các điều-giới của mình trong sạch và đầy đủ, giữ gìn thân và khẩu được trong sạch khỏi mọi ác-nghiệp nên không tự chê trách mình, tránh khỏi bị bậc thiện-trí chê trách, thoát khỏi 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh). Giới của vị tỳ-khưu có 227 điều-giới trong bhikkhupātimokkha liên quan đến thân và khẩu. Cho nên, tỳ-khưu giữ gìn thân và khẩu tránh xa không phạm điều-giới, tránh xa thân hành 3 loại ác-nghiệp và tránh xa khẩu hành 4 loại ácnghiệp, giữ gìn thân và khẩu được trong sạch thanh-tịnh.

6 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

Vị tỳ-khưu thực hành pháp-hành-giới giữ gìn giới-hạnh trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ để thực hành pháp-hành thiền-định dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm; để thực hành pháphành thiền-tuệ dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiềnnão không còn dư sót, trở

thành bậc Thánh A-rahán sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Phật-lịch 2565 / DL.2021 Rừng Núi Viên Không, xã Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Tỳ-khưu Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita)

Patthanā
Iminā puññakammena,
Sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo,
Loke sattā sumaṅgalā.
Vietnam raṭṭhikā ca sabbe,
Janā pappontu sāsane.
Vuḍḍhiṃ viruḷhivepullaṃ,
Patthayāmi nirantaraṃ.
Năng lực phước-thiện thanh cao này,
Mong chúng con thường được an-lạc.
Mong cho chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.
Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo,
Bần sư nguyện cầu với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.
* Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmiṃ,
* Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhe.
* Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn trên thế gian.
* Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn trên tổ quốc Việt-Nam thân yêu.
Sách tham khảo và trích dẫn

- Vinayapiṭakapāḷi và Aṭṭhakathāpāḷi. - Các quyển sách tài liệu khác.

PHẦN PHỤ LỤC

Cách Phát Âm Mẫu Tự Pāḷi

Tiếng Pāḷi gồm có 41 mẫu tự, chia làm 2 loại:
1- Nguyên-âm gồm có 8 mẫu tự: a, ā, i, ī, u, ū, e, o.
* 8 nguyên âm này chia làm hai loại:
- 3 nguyên âm đọc giọng ngắn, thời gian 1 lần nháy mắt.
Nguyên-âm Pāḷi a i u Cách phát âm á í ú

- 5 nguyên âm đọc giọng dài gấp đôi, thời gian 2 lần nháy mắt:

Nguyên âm Pāḷi ā ī ū e o

Cách phát âm aa ii uu êê ôô

2 BHIKKHUPĀTIMOKKHA TÓM TẮT

2- Phụ-âm gồm có 33 phụ âm, chia thành nhóm như sau: ka kha ga gha ṅ 1 Phát âm ở cổ cá khá gá ghá ngá ca cha ja jha ña Phát âm ở đóc 2 họng chá schá chá schá nhá ṭa ṭha ḍa ḍha ṇa Phát âm cong 3 đầu lưỡi trên tá thá đá thá ná hàm ếch ta tha da dha na Phát âm đặt 4 đầu lưỡi vào 2 tá thá đá thá ná đầu răng pa pha ba bha ma Phát âm ở hai 5 đầu môi pá phá bá phá má ya ra la va sa ha ḷa ṃ giá rá lá wóa xá há lá ân

Thực ra, 33 phụ âm này được phiên âm cách phát âm rất khó chuẩn. Nên học tập cách phát âm trực tiếp với thầy dạy.

PHỤ LỤC 3 Cách phát âm 41 mẫu tự Pāḷi chia làm 6 cách phát âm: 1- Những nguyên âm và phụ âm phát âm ở cổ, có 8 âm: a, ā, ka, kha, ga, gha, ṅ, ha. 2- Những nguyên âm và phụ âm phát âm ở đóc họng, có 8 âm: i, ī, ca, cha, ja, jha, ña, ya. 3- Những phụ âm phát âm bằng cách cong đầu lưỡi ở hàm ếch, khi phát âm đánh đầu lưỡi ra ngoài, có 7 phụ âm: ṭa, ṭha, ḍa, ḍha, ṇa, ra, ḷa. 4- Những phụ âm phát âm phát âm bằng cách đặt đầu lưỡi ở hai đầu răng, khi phát âm đồng thời hở 2 đầu răng, có 7 phụ âm là: ta, tha, da, dha, na, la, sa. 5- Những nguyên âm và phụ âm phát âm ở 2 đầu môi (miệng ngậm lại), khi phát âm đồng thời hở đầu môi, có 7 âm: u, ū, pa, pha, ba, bha, ma. 6- Phụ âm (ṃ) m có dấu chấm ở phía dưới phát âm nơi lỗ mũi, khi phát âm 2 đầu môi ngậm lại. Phụ âm này thường theo sau 3 nguyên âm là: aṃ, iṃ, uṃ. Những nguyên âm, phụ âm phát sinh 2 nơi: - Nguyên âm “ê” phát âm nơi cổ và đóc họng. - Nguyên âm “ô” phát âm nơi cổ và môi. - Phụ âm “va” phát âm nơi răng và môi.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.